

Nghiên cứu

LỊCH SỬ

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, DỊCH THUẬT
GIỚI THIỆU TÀI LIỆU

YẾU MỤC

- ★ HAI NƯỚC VIỆT-NAM VÀ TRUNG-QUỐC TRONG LỊCH SỬ HIỆN ĐẠI.
- ★ BÀN VỀ SỰ PHÁT TRIỂN MÂU THUẪN TRONG NỘI BỘ BỌN THỐNG TRỊ MIỀN NAM.
- ★ PHAN-BỘI-CHÂU QUA MỘT SỐ SÁCH BÁO MIỀN NAM HIỆN NAY.
- ★ BÀN VỀ CHỦ NGHĨA CẢI LƯƠNG PHAN-CHU-TRINH.

NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

CHỦ NHIỆM : TRẦN-HUY-LIỆU

Thư ký tòa soạn : VĂN-TÂN

Số 67

T.HÁNG-10-1964

Mục lục

TRẦN-HUY-LIỆU — Hai nước Việt-nam và Trung-quốc trong lịch sử hiện đại.	1
NGUYỄN-CÔNG-BÌNH — Bàn về sự phát triển mâu thuẫn trong nội bộ bọn thống trị miền Nam.	2
CHƯƠNG-THẦU — Phan-bội-Châu qua một số sách báo miền Nam hiện nay.	10
PHAN-CHU-TRINH — Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa.	21
TÔ-MINH-TRUNG — Bàn về chủ nghĩa cải lương Phan-chu-Trinh.	29
VĂN-TÂN — Bàn thêm về nguyên nhân khiến cho cuộc kháng chiến chống quân Mông-cồ hồi thế kỷ XIII đi đến thắng lợi.	39
HOA-BẰNG — Vài nét sơ bộ nhận định về « Việt sử thông giám cương mục ».	46
LÊ-HỒNG — Vài nét về phong trào Bả cháy.	55
NGHĨA — Góp thêm một ít tài liệu về lễ chức và phát động phong trào đấu tranh ở Nam-kỳ sau khi Đảng ta vừa mới thống nhất ra đời.	58

HAI NƯỚC VIỆT-NAM VÀ TRUNG-QUỐC

TRONG LỊCH SỬ HIỆN ĐẠI

TRẦN-HUY-LIỆU

Ở đây, tôi không kể lại mối quan hệ dài lâu trong quá trình lịch sử giữa hai nước Việt-nam và Trung-quốc; cũng không nhắc đến tình hữu nghị sẵn có giữa nhân dân hai nước láng giềng gần gũi, vì đó là một sự thật lịch sử đã được nhiều người nói đến, viết đến. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh vào trang lịch sử hiện đại của hai nước từ gần 20 năm nay, trong đó có những biến thiên phi thường và nay nay, nhân dân hai nước đương sát cánh nhau đi chung một con đường, nhắm thẳng vào một mục đích.

Như mọi người đều biết, nước Việt-nam dân chủ cộng hòa ra đời sau cuộc Cách mạng tháng Tám 1945. Ngay từ lúc vừa thoát khỏi ách kìm kẹp của đế quốc và xây dựng chế độ dân chủ mới ở Việt-nam, một câu hỏi đã được đề ra là: nước Việt-nam dân chủ cộng hòa bị cách biệt với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, đặc biệt là ở sát bên cạnh Trung-quốc của chính quyền Tưởng Giới-Thạch, tay sai của đế quốc Mỹ, vậy thì cách mạng Việt-nam dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân có thể tồn tại và phát triển được không? Thực tế đã diễn ra trong lúc ấy là chế độ dân chủ cộng hòa của chúng ta vừa ra đời thì bọn đế quốc và lũ quân phiệt đã xúm lại tìm cách chực bóp chết nó. Quân đội Tưởng Giới-Thạch hoành hành ở miền Bắc; thực dân Pháp được quân Anh giúp sức gây hấn ở miền Nam và cuối cùng là quân đội Pháp, dựa vào đế quốc Mỹ trở lại Việt-nam một lần nữa, cuộc toàn quốc kháng chiến của ta bùng nổ. Trong tình hình khó khăn ấy, nhân dân Việt-nam, dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản Đông-dương trước kia tức đảng Lao động Việt-nam ngày nay, đã nỗ lực phấn đấu để giành và giữ quyền độc lập của mình, nhưng đã bị cô lập với những điều kiện vô cùng gian khổ. Thật thế, cách mạng Trung-quốc chưa thành công thì cách mạng Việt-nam vẫn ở vào thế bị bao vây bởi những lực lượng phản cách mạng, đặc biệt là tập đoàn Tưởng Giới-Thạch. Nhưng rồi, Việt-nam kháng chiến đến năm thứ tư, 1949, thì cách mạng Trung-quốc đã đi đến

thắng lợi; do đó, Việt-nam, qua Trung-quốc, đã bắt tay được với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác; đồng thời, không còn ở bên cạnh một chính quyền phản động, luôn luôn chống cộng sản và áp bức nước láng giềng. Sau khi biên giới Việt—Trung mở thông, cuộc kháng chiến của ta càng được đẩy mạnh, đi đến trận Điện-biên-phủ lịch sử, ký kết hiệp định Giơ-ne-vơ, bước sang một giai đoạn mới. Từ đó, hai nước Việt-nam dân chủ cộng hòa và Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, dưới sự lãnh đạo của đảng Lao động Việt-nam và đảng Cộng sản Trung-quốc, cùng dắt tay nhau tiến bước trên con đường xã hội chủ nghĩa. Sự thật là, nếu nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa mà ở bên cạnh nước Trung-hoa phong kiến và tư bản thì tất nhiên sẽ gặp nhiều khó khăn cũng như nước Trung-hoa xã hội chủ nghĩa mà nếu ở phía nam nước mình là nước Việt-nam còn là căn cứ địa của một đế quốc thì sẽ tránh không khỏi những chướng ngại phải vượt qua. Đến đây càng thấy sự ra đời của đảng Cộng sản Trung-quốc năm 1921 và đảng Cộng sản Đông-dương năm 1930 đã quyết định bước tiến triển của lịch sử của hai nước và gắn liền cách mạng hai nước vào với nhau.

Mối gắn bó giữa hai đảng lãnh đạo và công cuộc cách mạng của hai nước càng được nổi bật lên trong điều kiện lịch sử hiện nay: đế quốc Mỹ xâm lược miền Nam Việt-nam và âm mưu mở rộng chiến tranh ở Đông-dương, xâm phạm miền Bắc Việt-nam. Trong những ngày quyết liệt của dân tộc ta, chúng ta càng nhận thấy bên sự ủng hộ của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, các nước dân tộc chủ nghĩa chống đế quốc và các lực lượng hòa bình và chính nghĩa trên thế giới, một đảm bảo vững chắc nhất đối với ta vẫn là sự chi viện to lớn của nước láng giềng vĩ đại. Người ta thường ví rất đúng là Việt-nam với Trung-quốc như môi với răng, chẳng những về mặt địa lý, mà còn cùng chung một chế độ chính trị. Tình hữu nghị của nhân dân hai nước không phải

(Xem tiếp trang 20)

Bàn về sự phát triển mâu thuẫn

TRONG NỘI BỘ BỌN THỐNG TRỊ MIỀN NAM

NGUYỄN-CÔNG-BÌNH

SỐT từ ngày hòa bình lập lại tới nay, mâu thuẫn nội bộ trong các giới thống trị miền Nam cứ ngày một phát triển. Khi Mỹ hất cẳng Pháp, mâu thuẫn đã xảy ra giữa Pháp — Mỹ, giữa bọn thân Pháp và thân Mỹ; mâu thuẫn ấy không trừ bỏ được thì lại tiếp ngay đến mâu thuẫn giữa bọn tay sai Mỹ với nhau, giữa bọn cầm quyền thống trị miền Nam. Từ mấy năm nay, mâu thuẫn này nổi bật lên và cứ tiến triển gay gắt không sao hòa hoãn được.

Thực ra trong ngót một thế kỷ thời thuộc Pháp, nhân dân Việt-nam đã từng chứng kiến không ít những cảnh kèn cựa, lục đục, xung đột trong nội bộ bọn thống trị. Nhưng ngày nay người ta thấy mâu thuẫn trong nội bộ bọn thống trị miền Nam Việt-nam thật là phức tạp, gay gắt, luẩn quẩn và hỗn độn:

— Ngô-đình-Diệm, kẻ đã cố tập hợp các lực lượng phản động thân Mỹ để thành lập một chính phủ tay sai của Mỹ, rồi lại thanh trừng hàng loạt sĩ quan cao cấp, tỉnh trưởng, bộ trưởng trong chính quyền của hắn, thậm chí thanh trừng cả những kẻ thân tin đã từng hết lòng giúp đỡ hắn.

— Phan-quang-Đán, cũng lập trường thân Mỹ như Diệm, đã từng giúp Diệm lên nắm chính quyền, rồi lại cùng đại tá Nguyễn-chánh-Thị, trung tá Vương-văn-Đông chỉ huy quân đội dù con cưng của Diệm, lật Diệm trong kỳ đảo chính 11-11-1960.

— Dương-văn-Minh, Tôn-thất Đỉnh, Trần-văn-Đôn... đều là những tôi trung của Diệm, đã nguyện trung thành với chế độ « cộng hòa nhân vị », hàng ngày « tri ân Ngô Tổng thống », nhưng đã giết chết Diệm trong kỳ đảo chính 1-11-1963. Rồi thì chính bọn Minh, Đôn, Đỉnh cũng lại kinh địch nhau ngay lập tức.

— Nguyễn Khánh ngày nay là hiện thân đặc sắc nhất cho mâu thuẫn phức tạp, hỗn độn của chúng. Y là kẻ đã cứu Diệm trong đảo chính năm 1960, nhưng cũng là người được thăng trung tướng trong đảo chính lật Diệm năm 1963. Y đã quay lại làm đảo chính 30-1-1964, lật đổ Minh, bắt giam Đôn, Kim, Đỉnh, nhưng lại vẫn phải sử dụng Minh làm « quốc trưởng » và tha giam cho Đôn, Kim, Đỉnh. Y đã cứu Diệm trước đây và lật đổ bọn giết

Diệm, nhưng chính y lại ra lệnh xử tử nốt Ngô-đình-Cần, đứa em trai còn sót lại của Diệm ở miền Nam Việt-nam. Y đã chống lại đảo chính của đại tá Nguyễn-chánh-Thị năm 1960, nhưng nay y lại phải thăng chức tướng cho Thị. Y đã được ghép với Nguyễn-tôn-Hoàn nắm chính quyền; nhưng còn hơn sự lục đục giữa Minh, Đôn, Kim, Đỉnh trước kia, y tầy trủi Hoàn và mâu thuẫn giữa phe cánh của 'y với phe cánh của Hoàn thật là kịch liệt v.v...

Giới cầm quyền Mỹ thừa nhận bọn tay sai của chúng lục đục nhau, nhưng chúng thường giải thích nguồn gốc của sự xung đột ấy chỉ là do tư cách và năng lực riêng của từng tên tay sai của nó; kẻ bất lực gây nên mối bất hòa, kẻ có tài thu phục được các phần tử thân Mỹ, do đó chúng hy vọng đảo tạo được những tay sai có « tài, đức » thống nhất được mọi thế lực phản động. Dường như tình trạng lục đục ấy không liên quan gì đến chính sách của người Mỹ ở đây.

Cố nhiên thực tế đã bác bỏ ngay luận điệu của đế quốc Mỹ. Vì chính quyền miền Nam là do Mỹ dựng lên. Và tư cách, năng lực những tên cầm đầu chính quyền miền Nam được Mỹ lựa chọn đều trung thành rất mực với Mỹ, đều đối kháng quyết liệt với nhân dân. Ngô-đình-Diệm cho đến chết vẫn kiên định lập trường « chống cộng ». Dương-văn-Minh đến ngày bị truất bỏ vẫn ngoan ngoãn vâng lệnh Mỹ đàn áp nhân dân, hò hét: « cần phải hành động nhanh chóng và mạnh mẽ » (U.P.I., 2-1-1964). Nguyễn Khánh ngày nay đã bị chủ ngán ngẫm vẫn trở lại tàn sát dân chúng. Thế mà đối với tất cả bọn tay sai trung thành rất mực ấy, tên nào cũng được chủ Mỹ hết lời khen ngợi rồi lại bị hết lời chê bai, chỉ trích, cuối cùng là trừng phạt. Hơn nữa sự chê bai, trừng phạt của chủ lại đúng lúc phong trào đấu tranh quyết liệt của nhân dân nổi dậy. Ngô-đình-Diệm đã được chủ tặng là « chí sĩ », là « chiến sĩ chống cộng số 1 » ở châu Á, thậm chí là một « vĩ nhân », nhưng rồi con người « lỗi lạc » ấy lại bị chủ xử và là « độc tài », « đa nghi », « lì lợm », thậm chí là « một con chó dữ » (A.P., 27-2-1962). Nhưng ít ra tài đức của Diệm từ một « vĩ nhân » chuyển thành một « con chó dữ » còn

kéo dài được hàng năm, chứ bọn Minh và Khánh sau này chỉ kéo dài được hàng tháng. Đảo chính tháng 11-1963, Mỹ tấm tắc khen nhóm sĩ quan Minh; nhưng chỉ hơn một tháng sau Mỹ đã nhận định «đề quân nhân lãnh đạo thì không thể thắng ở châu Á được» (*Diễn đàn thông tin Nữ-ước*, 10-12-1963) và «một số quan chức Mỹ đã thất vọng về Minh» (*U.P.I.*, 2-1-1964). Đảo chính tháng 1-1964, Mỹ tặng Khánh là «con người hùng», tưởng có tài «xông xáo», nhưng chỉ hai tháng sau quốc hội Mỹ đã đe dọa «sự độc tài cá nhân của Nguyễn Khánh có khi rồi phải chấm dứt». Vậy không phải tư cách, năng lực riêng của cá nhân tay sai là nguồn gốc của tình hình lục đục nội bộ,

ngược lại, trong tình hình lục đục nội bộ, Mỹ thay đổi thái độ trong việc đánh giá năng lực, tư cách cá nhân tay sai. Huống chi sự lục đục ấy không phải chỉ hạn chế trong phạm vi bọn tay sai mà cả giữa chủ Mỹ với tay sai, giữa chủ Mỹ với nhau nữa. Vậy sự lục đục nội bộ không phải xuất phát từ ý chí chủ quan của từng cá nhân bọn chúng, mà là từ chính sách của chúng, tình thế của chúng ở miền Nam Việt-nam.

Vấn đề vẫn đặt ra: đâu là nguồn gốc thực sự của mâu thuẫn nội bộ bọn thống trị miền Nam và tác dụng của nó như thế nào trong cuộc đấu tranh quyết liệt của nhân dân miền Nam hiện tại?

* * *

Do sự xâm lược của đế quốc Mỹ, miền Nam Việt-nam trở thành nơi tập trung các loại mâu thuẫn: mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam với đế quốc Mỹ và tay sai của nó, mâu thuẫn giữa phe xã hội chủ nghĩa và phe đế quốc chủ nghĩa do Mỹ cầm đầu, mâu thuẫn giữa các lực lượng đang đấu tranh giải phóng hoàn toàn dân tộc với chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, mâu thuẫn giữa các lực lượng bảo vệ hòa bình với đế quốc Mỹ gây chiến, v.v... Mâu thuẫn trong nội bộ bọn thống trị miền Nam, cũng như mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ với các đế quốc khác về vấn đề miền Nam chỉ là một bộ phận trong toàn bộ những mâu thuẫn tập trung ở miền Nam. Tất cả những mâu thuẫn tồn tại ở miền Nam đều tác động lẫn nhau và đều chịu sự quy định của mâu thuẫn chủ yếu nhất của xã hội miền Nam, đều được giải quyết thông qua sự giải quyết mâu thuẫn chủ yếu nhất của xã hội miền Nam: mâu thuẫn giữa một bên là đế quốc Mỹ xâm lược và bọn tay sai của nó với một bên là toàn thể nhân dân miền Nam Việt-nam. Mâu thuẫn nội bộ của bọn thống trị miền Nam cũng vậy, nó bộc lộ và phát triển gay gắt trong cuộc đấu tranh quyết liệt của nhân dân miền Nam chống đế quốc Mỹ, nó sẽ không còn tồn tại ở miền Nam nữa khi nhân dân miền Nam đã giải phóng khỏi ách nô dịch của đế quốc Mỹ và tay sai.

Trước hết, chính là sự xâm lược của đế quốc Mỹ vào miền Nam dưới hình thức thực dân kiểu mới đã chứa chất sẵn trong nó những mâu thuẫn nội bộ. Thời đại ngày nay không còn là thời đại làm mưa làm gió của chủ nghĩa thực dân nữa, mà là thời đại cách mạng giải phóng dân tộc phát triển như vũ bão. Thời đại tan rã của hệ thống thuộc địa, thời đại sụp đổ của chủ nghĩa thực dân. Trước cao trào giải phóng dân tộc, đế quốc Mỹ thực hiện hình thức thực dân kiểu mới: dùng viện trợ quân

sự và kinh tế, hệ thống cố vấn Mỹ và chính phủ tay sai để tiếp tục nô dịch thuộc địa. Sự thay hình đổi dạng ấy là một âm mưu xảo quyệt của chủ nghĩa thực dân. Nhưng bất kể thế nào, chủ nghĩa thực dân mới vẫn vướng phải một mâu thuẫn không sao khắc phục được: để thống trị, nó giả cách ban cho thuộc địa độc lập, trong lúc cuộc đấu tranh của dân tộc thuộc địa cho độc lập thật sự lại thủ tiêu ngay chính sự thống trị của nó. Vậy hình thức thực dân kiểu mới không phải là sự phát triển hợp với quy luật để cho hình thức phù hợp với nội dung mà là che dấu cái thực chất cũ rích của chủ nghĩa thực dân đang bị lên án gay gắt, là bảo vệ một cái mâu thuẫn không thể không giải quyết: mâu thuẫn giữa dân tộc thuộc địa và bọn cướp nước, tức là nó không thể duy trì được cái nội dung của chế độ thực dân đang bị đấu tranh xóa bỏ. Chủ nghĩa thực dân kiểu mới đã chứa chất những mâu thuẫn của nó: mâu thuẫn giữa nội dung cướp đoạt và bóc lột với hình thức viện trợ quân sự và kinh tế, mâu thuẫn giữa chính sách dùng bao lực đàn áp nhân dân thuộc địa nổi dậy với những lời lẽ mị dân xảo trá, mâu thuẫn chính sách gây chiến và luận điệu hòa bình bịp bợm.

Chính vì sự thay đổi về hình thức của chủ nghĩa thực dân, cho nên hình thức mâu thuẫn nội bộ của bọn thống trị miền Nam dưới chế độ thực dân kiểu mới của Mỹ đã mang những nét đặc sắc của nó. -

Một trong những đặc điểm chủ yếu của chủ nghĩa thực dân mới là nó phải tạo ra được một chính phủ tay sai ở thuộc địa nấp dưới bộ mặt chính phủ một quốc gia độc lập để thực hiện tất cả các chính sách nô dịch và cướp đoạt của nó. Nhưng cũng vì sự mâu thuẫn giữa toàn bộ các hình thức mị dân, lừa bịp với nội dung nô dịch và cướp đoạt thật sự của chủ nghĩa thực dân mới, nên chính quyền tay sai

khoác áo độc lập sớm muộn không thể không phơi bày bộ mặt thật bán nước của nó. Để quốc Mỹ giải quyết cái bế tắc đó bằng cách: trong khi đưa lên sân khấu chính trị một bọn tay sai này ngụy trang « độc lập », « yêu nước » thì nó đã chuẩn bị một bọn tay sai khác « độc lập » hơn, « yêu nước » hơn, « cách mạng » hơn, sẵn sàng thay thế cho bọn trước khi đã lộ chân tướng. Đó là điểm khác nhau trong chính sách sử dụng tay sai giữa chủ nghĩa thực dân mới và chủ nghĩa thực dân cũ. Trong kháng chiến, khi Mỹ ủng hộ Bảo-đại lập chính phủ bù nhìn và bắt đầu lấn át Pháp bằng viện trợ quân sự thì Mỹ đã đào tạo Ngô-đình-Diệm, một tay sai trung thành của Mỹ. Sau hòa bình lập lại, Diệm truất phế Bảo-đại cùng lúc Mỹ hất Pháp khỏi miền Nam. Lúc Diệm đến lượt được tô son vẽ phấn thì đồng thời những con bài khác cũng được chuẩn bị thay thế cho Diệm: Phan-quang-Đán, một nhân viên tổ chức gián điệp Mỹ C.I.A., sáng lập viên tổ chức thân Mỹ « đảng Cộng hòa » (1954), rồi tổng thư ký « khối dân chủ đối lập » với Diệm (5-1957); Nguyễn-tôn-Hoàn tập hợp những tay chống Diệm trong « Phong trào bảo quốc », tuyên bố sẽ nắm chính quyền ở miền Nam (4-1957). Đán đã đóng vai trò chủ chốt trong đảo chính Diệm năm 1960, Hoàn cầm quyền sau đảo chính 1-1964. Chính sách sử dụng tay sai của Mỹ như vậy không khỏi gây ra xung đột giữa kẻ đang cầm quyền và kẻ lăm le thay thế. Để giữ vững địa vị của mình, bọn cầm quyền sẽ dùng mọi biện pháp, thông thường là « thanh trừng nội bộ », nhưng có khi cả đến bạo lực, đối phó với phe phái đối lập. Còn bọn lăm le thay thế cũng không bỏ lỡ cơ hội công kích lại bọn cầm quyền vừa đề mị dân về nền « dân chủ » dưới chế độ nô dịch của Mỹ, vừa đề ra mất gậy uy tín với chủ (1).

Chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ dựng lên một chính phủ tay sai và thông qua chính phủ tay sai viện trợ cho thuộc địa dưới hình thức thương mại hóa. Bọn tay sai cầm quyền điều khiển những cơ quan kinh tế, tài chính — dù chỉ được điều khiển về hình thức — nên trở thành giàu to bằng cách độc quyền buôn bán hàng viện trợ Mỹ, hao thầu xây dựng những công trình quân sự, vơ vét tài sản nhân dân bằng thuế khóa. Bọn tay sai không cầm quyền tất nhiên không được như vậy. Mà trong bọn cầm quyền cũng không phải tất cả đều được như vậy. Chỉ có một số tay sai cầm đầu chính quyền mới có thể tập trung trong tay những nguồn lợi béo bở nhất. Nhà báo Mỹ Côn-gơ-rô-vơ nói về chính phủ Diệm (7-1959): « những ai có hai con mắt đều thấy rõ là một số người trong chính phủ Việt-nam ngày nay đã trở nên giàu có hơn trước nhiều ». Gia sản nhà Diệm sau chín năm cầm quyền có tới hàng

trăm triệu đô-la. Vì thế tuy cùng lập trường trung thành với chủ Mỹ, cùng ý chí phản cách mạng, nhưng giữa bọn trong chính quyền và ngoài chính quyền, giữa bọn cầm quyền với nhau vẫn vì quyền lợi cá nhân mà húc hặc nhau không thể hòa giải được. Bọn không cầm quyền và bọn ít thế lực trong chính quyền không chịu ngồi yên nhìn một số chóp bu vớ hăm. Phan-quang-Đán trong đảo chính đã tố cáo: « hết thấy mọi chức vụ then chốt, hết thấy mọi quyền hành đều nằm gọn trong tay gia đình Ngô-đình-Diệm... mọi quyền lợi kinh tế cũng bị nắm gọn trong tay gia đình Diệm ». Gia đình Diệm đã bị triệt, nhưng cái mâu thuẫn về quyền giữa bọn cầm quyền và bọn không cầm quyền, giữa bọn cầm quyền với nhau vẫn tồn tại như cũ. Ngày nay người ta lại tố cáo bọn đầu sỏ của cái chính quyền mới ở Sài-gòn đang « sống xa hoa trụy lạc », « kinh doanh trót lọt », chia nhau « miếng cơm Việt-nam lẫn đô-la Mỹ trong khi nhân dân Nam Việt-nam bị vơ vét bóc lột đến tận xương tủy » (2).

Hình thức thực dân kiểu mới của Mỹ phát sinh mâu thuẫn giữa các tập đoàn tay sai Mỹ với nhau, đồng thời chứa chất cả sự bất đồng giữa chủ Mỹ với bọn tay sai cầm quyền của chúng. Đối với bọn tay sai cầm quyền, chủ Mỹ không chỉ đòi hỏi ở chúng lòng trung thành vô hạn với Mỹ mà còn đòi hỏi chúng thực hiện kỳ được mục đích thực dân mới của Mỹ, nghĩa là phải phục vụ có kết quả các chính sách nô dịch, cướp đoạt, gây chiến bằng những lời đường mật độc lập, cải thiện dân sinh, dân chủ, hòa bình. Tất nhiên không có bọn tay sai nào kéo dài được mãi sự lừa bịp ấy trong lúc chủ nghĩa thực dân đang bị những trận đòn tới tấp. Khi chế độ nô dịch bị chống lại, bộ mặt bán nước của chúng bị phơi trần thì tác dụng của chúng đối với chủ Mỹ cũng hết. Và khi chủ Mỹ đã chê bai, quở trách, chuẩn bị đuổi chúng về vờn, cho bọn khác thay thế thì mâu thuẫn giữa chúng với

(1) Sau cuộc « trưng cầu dân ý » (10-1955) truất phế Bảo-đại, Diệm cải tổ chính phủ không cho Đán giữ chức vụ gì. Đảng Cộng hòa của Đán tuyên bố cuộc trưng cầu dân ý của Diệm là không hợp pháp và vô giá trị. Tháng 1-1956, Diệm đưa ra luật tuyên cử quốc hội, Đán phản đối và lập ra « khối quốc gia đấu tranh cho một quốc hội dân chủ ». Sau khi lập xong quốc hội, Diệm khùng bố các phe phái đối lập, Đán cũng bị Diệm bắt giam.

(2) Lời một đại tá quân đội miền Nam viết cho báo *Diễn đàn các dân tộc* (Pháp), số ra ngày 19-6-1964.

các bọn tay sai khác đang ngoi lên thay thế cũng biểu hiện gay gắt. Mặc dầu vẫn trung thành với chủ, nhưng đã đến lúc sắp bị chủ thải hồi, bọn cầm quyền không phải đã ngoan ngoãn vâng lời chủ, tự nguyện trao quyền hành cho bọn khác. Bản chất của chúng đều là bọn bóc lột vô si, cướp đoạt dã man, vụ lợi một cách bỉ đĩ và tham quyền cố vị hết mức. Khi dựng lên chúng, chủ nghĩa thực dân mới đã tạo ra cho chúng cái hình thức của một chính phủ « độc lập », lúc này chúng lại dùng các chính quyền hình thức ấy để trấn áp bọn đối lập và cưỡng lại cả mệnh lệnh vô vườn của chủ. Nhưng rút cục, thân phận chúng vẫn do chủ Mỹ quyết định, vì chính Mỹ mới là chủ thật sự của cái chính quyền bóc lột, cướp đoạt và nô dịch ấy. Anh em nhà Diệm đã chống lại được cuộc đảo chính năm 1960, làm thất bại cả vụ âm mưu đảo chính ngày 27-8-1963, nhưng rồi anh em Diệm vẫn bị chủ Mỹ sai người giết chết trong vụ đảo chính ngày 1-11-1963. Hình thức đảo chính là một biện pháp của chủ nghĩa thực dân mới thay đổi tay sai đã hết tác dụng.

Trước kia trong thời thuộc Pháp, thực ra cũng không hiếm những hiện tượng mâu thuẫn giữa bọn tay sai của Pháp với nhau, mâu thuẫn giữa tay sai người Việt và bọn cai trị Pháp, mâu thuẫn giữa bọn cai trị Pháp với nhau. Ta có thể lấy ngay vụ « treo ấn từ quan » của tên thượng thư bộ Lại Ngô-dinh-Diệm hồi tháng 7 - 1933 làm tỷ dụ (1). Trong vụ ấy có mâu thuẫn giữa bọn cai trị Pháp: toàn quyền Pát-xki-ê (Pasquier), chánh mật thám Mác-ti (Marty) khâm sứ Trung-kỳ Ti-bô-đô (Thibaudeau) với nguyên khâm sứ Sa-ten (Châtel); có mâu thuẫn giữa bọn tay sai của Pháp: Nguyễn-hữu-Bài, Ngô - đình - Diệm với Phạm-Quỳnh; có mâu thuẫn giữa tay sai và chủ: Pasquier với Nguyễn-hữu-Bài, Thibaudeau với Ngô-dinh-Diệm. Thực chất vụ xung đột ấy cũng vẫn là mâu thuẫn về quyền lợi thống trị trong nội bộ bọn cướp nước và bán nước: khâm sứ Châtel muốn tranh chức toàn quyền của Pasquier, Thibaudeau phổng chức khâm sứ của Châtel, Phạm-Quỳnh hất cẳng Nguyễn-hữu-Bài, Ngô-dinh-Diệm cay cú về lời xỉ vả của Thibaudeau, v.v... Tuy vậy, hình thức mâu thuẫn nội bộ của chúng lúc ấy khác với ngày nay một cách rõ rệt. Vì kẻ trực tiếp nắm chính quyền là đế quốc Pháp. Chính phủ bảo hộ Pháp trực tiếp điều khiển các cơ quan chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa. Người Pháp trực tiếp nắm giữ tất cả các chức vụ quan trọng trong các cơ quan, các ngành từ trung ương đến các tỉnh. Người Pháp trực tiếp đào tạo, đề bạt, hoặc thải hồi các loại tay sai trong bộ máy cai trị. Người Pháp trực tiếp nắm mọi độc

quyền kinh doanh quan trọng... Hình thức thống trị thực dân kiểu cũ như vậy tất nhiên không phải là chuẩn bị những tập đoàn tay sai sẵn sàng thay thế cho bọn đang cầm quyền, không gây nên sự mâu thuẫn nội bộ thường xuyên giữa các tập đoàn trong chính quyền và ngoài chính quyền; vì mọi sự đả kích vào chế độ đương thời có nghĩa là đả kích trực tiếp vào đế quốc Pháp đang cầm quyền cai trị. Hình thức thống trị thực dân kiểu cũ như vậy tất nhiên cũng không đòi hỏi cách giải quyết mâu thuẫn giữa chủ và tay sai bằng hình thức đảo chính; đảo chính bọn cầm quyền có nghĩa là đảo chính cả chế độ cai trị của người Pháp. Muốn cho một tay sai nào về vườn chúng chỉ cần ký một quyết định thải hồi là đủ. Nói tóm lại, hình thức mâu thuẫn giữa các tập đoàn tay sai trong chính quyền và

(1) Về vụ « treo ấn từ quan » của Diệm có thể tóm tắt như sau: hồi 1930 - 1931, trong việc đàn áp cao trào cách mạng, giữa toàn quyền Pasquier và Nguyễn-hữu-Bài - kẻ cầm đầu bọn quan lại Nam triều - có những kế hoạch khác nhau. Pasquier quyết định dùng lực lượng lính lê-dương để đàn áp, Bài yêu cầu dùng cả lực lượng địa chủ cường hào ở nông thôn. Bài nhờ bọn cha cố Pháp chuyển đề nghị của hắn về chính phủ bên Pháp. Pasquier bị gọi về Paris để tường trình. Khâm sứ Le Fol bị cách chức. Châtel nhậm chức thay Le Fol, tiến hành đàn áp theo phương án của Bài và sau đó định tranh chức toàn quyền của Pasquier.

Sau cao trào 1930-1931, Pháp tung ra thuyết trực trị và lập hiến, nhưng thực ra Pháp ngày càng trực tiếp nắm giữ chính quyền, quyền hành của Nam triều chỉ là hình thức và hết sức bị hạn chế. Sau khi Bảo-đại về nước (2-9-1932) Pasquier đã lập kế cho bọn Nguyễn-hữu-Bài về vườn (2-5-1933), đề bạt Phạm-Quỳnh thay thế, đồng thời hất cẳng Châtel và thay bằng Thibaudeau. Để tránh phản ứng của bọn quan lại Nam triều, Pasquier thăng chức thượng thư bộ Lại cho Diệm thuộc phe cánh Bài. Nhưng các quyền hành cũ của bộ Lại đã bị chuyển qua tay người Pháp cả, từ việc bổ nhiệm một viên quan lại thấp nhất, cấp một cái hàm cứu phẩm hay tiêu một món tiền nhỏ cũng phải được sự duyệt ý của chính phủ bảo hộ. Chức thượng thư của Diệm chỉ là hữu danh vô thực, hơn nữa còn bị bọn Thibaudeau - kẻ đối lập với Châtel và phe cánh của Bài, Diệm - xỉ vả. Diệm đệ đơn xin từ chức, những tưởng chỉ để hờn đối thế thôi. Ai ngờ chỉ năm ngày sau (17-7-1933), Bảo-đại và Phạm Quỳnh đã cho y về vườn, tước chức thượng thư, tước hết cả phẩm hàm và hạ hầu xuống làm tráng đinh.

ngoài chính quyền, giữa các tập đoàn cầm quyền với nhau, giữa chủ Mỹ và tập đoàn tay sai cầm quyền và hình thức giải quyết mâu thuẫn nội bộ bằng đảo chính là sản phẩm của hình thức thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ

* * *

Nhưng người ta sẽ không hiểu được quá trình, tính chất và tác dụng của mâu thuẫn nội bộ bọn thống trị miền Nam nếu không đặt nó vào trong hoàn cảnh của cuộc đấu tranh quyết liệt của nhân dân miền Nam chống đế quốc Mỹ và tay sai của chúng. Thật vậy, tất cả bọn tay sai Mỹ, dù mâu thuẫn nhau về quyền lợi cá nhân, nhưng chúng đều là bọn bán nước, phản cách mạng, đều là những con rối trên sân khấu chính trị do đế quốc Mỹ điều khiển. Chúng sẽ không xung đột với nhau gay gắt chừng nào đế quốc Mỹ vẫn có thể nguy trang được ách thống trị của nó, thông qua một bọn tay sai cầm quyền nào đó mà yên ổn nô dịch dân tộc thuộc địa. Ngược lại, chừng nào nhân dân thuộc địa kiên quyết đứng dậy tiến hành một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng, làm cho đế quốc Mỹ phải lung túng và thất bại, khiến chúng phải đối phó bằng cách tung ra những con bài dự trữ, truất bỏ bọn tay sai này, sử dụng bọn tay sai khác, chừng đó mâu thuẫn nội bộ chúng mới bộc lộ gay gắt. Phong trào đấu tranh giải phóng càng mạnh mẽ, đế quốc Mỹ càng thất bại, càng gây đảo chính thay đổi tay sai thì mâu thuẫn nội bộ chúng càng phát triển sâu sắc và phức tạp. Miền Nam Việt-nam đang là trung tâm của cơn bão táp cách mạng của khu vực Đông Nam Á; nhân dân Nam Việt-nam đang tiến hành thắng lợi một cuộc kháng chiến thần thánh, đang đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai; vì thế, hơn ở đâu hết, mâu thuẫn nội bộ bọn thống trị Mỹ và tay sai cũng biểu hiện sâu sắc nhất.

Sau hòa bình lập lại, đế quốc Mỹ đặt hết hy vọng vào tập đoàn tay sai Ngô-đình-Diệm và đã từng nức nở khen Diệm. Nhưng qua bốn năm năm đấu tranh kiên trì của nhân dân miền Nam, nhiều chính sách nô dịch và cướp đoạt chủ yếu của đế quốc Mỹ bị thất bại: chính sách tổ cộng đặt từ 1954, chính sách cải cách điền địa đặt từ 1955 — 1956, âm mưu Bắc tiến năm 1956, hiệp nghị đảm bảo cho tư nhân Mỹ đầu tư vào miền Nam ký kết năm 1957... Đến khoảng giữa năm 1959, khi nhân dân miền Nam nổi dậy như vũ bão nhằm đập đổ ách thống trị của Mỹ Diệm, đẩy chế độ Diệm vào tình trạng khủng hoảng triền miên thì đồng thời mâu thuẫn nội bộ chúng cũng

ở thuộc địa của nó. Hình thức mâu thuẫn ấy mang tính chất phức tạp, gay gắt khi mâu thuẫn phát triển. Chỉ có thủ tiêu sự thống trị của chủ nghĩa thực dân mới xóa bỏ được những mâu thuẫn nội bộ của chúng.

phát triển đến chỗ nghiêm trọng. Chủ Mỹ lên tiếng chỉ trích Diệm, tỏ ý không tin nhiệm Diệm, đòi hỏi Diệm phải ổn định được tình hình. Diệm vừa tăng cường đàn áp phong trào cách mạng, vừa thanh trừng hàng loạt sĩ quan cao cấp, tỉnh trưởng, bộ trưởng trong chính quyền của hắn, ngay cả những kẻ thân tín nhưng đã bị hắn nghi ngờ. Các phe phái đối lập phê phán sự bất lực của Diệm, ngấm ngấm chuẩn bị lực lượng lật đổ. Thư của Nguyễn-tôn-Hoàn kêu với Ai-xen-bao hồi đầu tháng 4-1960, phản ánh tình trạng xâu xé nhau giữa chúng: «Bắt người, tra tấn, ám sát, tuyền cử gian lận đã ngăn cản chúng tôi lật đổ tổng thống miền Nam Việt-nam Ngô-đình-Diệm». «Nhóm 18 người chống Diệm, trong đó có 10 cựu bộ trưởng, công nhiên gửi thư cho Diệm công kích Diệm (4-1960); theo họ «đây là lần đầu tiên ông được nghe những lời chỉ trích dữ dội». Bọn thống trị đã sống trong «một tình trạng thường xuyên ngờ vực», «mỗi người đều nghi ngờ người bên cạnh», «tổng Diệm cũng không tin cậy vào ai hết» (báo *Phi-ga-rô*, Pháp, 26-4-1960). Cuộc đảo chính tháng 11-1960 xảy ra là điều không có gì lạ. Vậy chính phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân chống đế quốc Mỹ và tay sai đã đẩy cho mâu thuẫn giữa Mỹ và tay sai cầm quyền, giữa tay sai Mỹ với nhau bộc lộ và phát triển.

Khi mâu thuẫn giữa chúng đã tiến triển như vậy thì tác động của nó không chỉ hạn chế trong phạm vi giữa Mỹ và tay sai, giữa các tay sai Mỹ hục hặc nhau. Nó sẽ đẩy mạnh sự khủng hoảng và làm suy yếu toàn bộ chế độ thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai của chúng. Chính sách nay dùng mai trị của chủ Mỹ không khỏi gây ra nỗi hoang mang lo sợ cho thân phận mình của tất cả bọn tay sai Mỹ. Chính sách thanh trừng hàng loạt gây ra sự xáo trộn, rối loạn, phân hóa trong cả hàng ngũ tay sai. Không khí bất mãn, kinh địch nhau giữa chúng bị đẩy đến chỗ căng thẳng. Điều quan trọng nhất là mâu thuẫn nội bộ chúng tác động mạnh tới các tầng lớp trung gian. Các phe phái đối lập thường công kích bọn cầm quyền là độc tài, bất lực, đã man, xảo trá; khách quan, chúng đã tự bóc trần những cái gì là tàn bạo, lừa bịp, suy yếu của chế độ nô dịch Mỹ trước mắt nhân dân, trước

mất cả những người trước đây còn tạm thời bị đô-la và vũ khí Mỹ ràng buộc, bị chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ che mắt. Những lời tố cáo của Phan-quang-Đán ngày 11-11-1960 cũng như của bọn Dương-văn-Minh ngày 1-11-1963 rằng dưới chế độ Diệm « công lý bị chà đạp, nhân quyền bị khinh rẻ, hàng vạn quân đội, hàng vạn dân chúng bị bắt bớ giam cầm, hết thảy mọi tự do dân chủ bị bóp nghẹt; ở thành thị làm ăn khốn đốn, thất nghiệp lan tràn, thôn quê sống trong sợ hãi, sưu cao thuế nặng » (1) rằng « chế độ Diệm chà đạp lên mọi tự do căn bản của con người » (2), « gây bao sự ghê tởm oán hờn của toàn dân » (3) v.v...; phải chăng những lời tố cáo đó chỉ là lên án Ngô-dinh-Diệm như ý chúng muốn, hay là khách quan đã lên án cả kẻ nuôi dưỡng, đào tạo Ngô-dinh-Diệm, dựng lên cả chế độ thống trị của Diệm? Người ta ít phải suy nghĩ rằng lẽ phải, chính nghĩa, sức mạnh không thuộc về bọn cướp nước và bọn bán nước mà thuộc về quần chúng nhân dân, do đó đồng tình, ủng hộ và góp phần cùng nhân dân chiến đấu cho chính nghĩa. Vậy phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân là nguồn gốc thúc đẩy mâu thuẫn nội bộ địch phát triển, đến lượt nó, mâu thuẫn nội bộ địch lại tác động trở lại gây cho phong trào cách mạng những thuận lợi, tiến lên tập trung đánh vào kẻ thù chính của nhân dân là đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng.

Trước sức nổi dậy quật cường của nhân dân, đế quốc Mỹ thường gây ra đảo chính. Đảo chính để xoa dịu quần chúng đang căm phẫn, truất bỏ bọn tay sai đã hết tác dụng, đồng thời tấn công lại quần chúng bằng một bọn tay sai mới nguy trang « cách mạng ». Mục đích của đảo chính thật nham hiểm. Đảo chính của bọn Phan-quang-Đán năm 1960 được « quan thầy Mỹ giúp đỡ chuẩn bị » (báo *Chiến đấu Pháp*, 12-11-1960), lập ra « Hội đồng cách mạng ». Đảo chính của Dương-văn-Minh đã được Tay-lo gợi ý cho từ tháng 10-1961 (*Tin hàng tuần* của đảng Dân chủ Mỹ, 11-11-1963) rồi lập ra « Hội đồng quân nhân cách mạng ». Đảo chính của Nguyễn Khánh cũng vậy, đại sứ Mỹ Ca-bốt Lốt đã được biết từ tối 29-1-1964 (*Tin A.P.* 30-1-1964) cũng lại lập ra một « Hội đồng quân nhân cách mạng » mới. Bọn nào làm đảo chính cũng giả cách đứng về phía quần chúng, vỗ ngực là cách mạng; nhưng ở miền Nam bọn nào cũng không dấu nổi bộ mặt bán nước của chúng. Đế quốc Mỹ cố tỏ son tráit phần cho chúng, nhưng son phấn của Mỹ cũng không che dấu được bộ mặt phản dân hại nước của chúng. Vì chân tướng làm tay sai đế quốc của chúng đã lộ từ lâu rồi. Vì chúng tuy chống nhau, nhưng đều thống nhất nhau: trung thành với

Mỹ và « chống cộng ». Chính hai điểm đó, qua kinh nghiệm đấu tranh cách mạng hàng chục năm của mình mà nhân dân miền Nam khẳng định chúng dứt khoát đều cùng một duộc phản cách mạng. Nhân dân miền Nam không mơ hồ về bản chất xâm lược của đế quốc Mỹ, về đảo chính do Mỹ tổ chức cũng như về bọn tay sai mới do Mỹ nặn ra. Hơn nữa nhân dân còn lợi dụng ngay những lời cách mạng dối trá của bọn mới để diệt tất cả bọn tay sai nào của Mỹ có thể diệt được, làm cho sự thống trị của Mỹ thêm suy yếu.

Sau đảo chính lật Diệm, luật sư Nguyễn-hữu-Thọ, chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận dân tộc Giải phóng tuyên bố ngay « Nếu chỉ lật đổ Ngô-dinh-Diệm trong khi đế quốc Mỹ vẫn còn thống trị thì chẳng qua chỉ là thay đổi về hình thức chính quyền tại đây, một sự thay đổi phục vụ lợi ích cho đế quốc Mỹ. Thái độ trước sau như một của nhân dân miền Nam là đánh đổ đế quốc Mỹ và bọn tay sai, giải phóng miền Nam khỏi ách thực dân và độc tài, giành độc lập dân tộc, tự do dân chủ, hòa bình trung lập và cải thiện đời sống. Chẳng nào những nguyện vọng thiêng liêng ấy chưa đạt được thì nhân dân miền Nam chưa buông tay súng và cuộc kháng chiến vẫn tiếp tục ». Nhận định về cuộc đảo chính của Khánh, tờ báo Mỹ « *Mặt trời Bantimo* » viết: Ở miền Nam Việt-nam « cho đến nay không có một chế độ nào được sự ủng hộ của dân chúng. Chế độ Diệm đã không được ai ủng hộ, Hội đồng quân nhân lật đổ Diệm cũng như thế. Và điều không may là người ta ngờ rằng chế độ mới này cũng vậy thôi ». Tóm lại, tác dụng lừa bịp của đảo chính không thành công. Đảo chính chỉ đem lại một phản tác dụng cho Mỹ: hàng ngũ tay sai chúng suy yếu, mâu thuẫn nội bộ chúng trầm trọng và phức tạp hơn. Bọn làm đảo chính vừa phải chống lại phong trào như vũ bão của quần chúng, vừa phải đối phó với các phe phái bị lật đổ đồng thời phải đề phòng các phe phái khác lật đổ nó. Đảo chính không kết thúc được mâu thuẫn nội bộ, đảo chính chỉ mở đầu cho một chu kỳ mới phức tạp hơn, gay gắt hơn của mâu thuẫn nội bộ giữa Mỹ và tay sai cầm quyền, giữa bọn không cầm quyền và cầm quyền, giữa bọn cầm quyền với nhau. Đảo chính là liều thuốc độc cho Mỹ. Mỹ đã tỏ ra

(1) Lời tuyên bố của « Hội đồng cách mạng » khi lật Diệm năm 1960.

(2) Tuyên bố của chủ tịch « Hội đồng tướng lĩnh » Dương-văn-Minh ngày 1-11-1963.

(3) Lời kêu gọi quân đội của các tướng lĩnh, 1-11-1963.

lúng túng, bị quan về hậu quả đảo chính (1). Nhưng như một con bọ khát nước, Mỹ vẫn lao theo những cuộc đảo chính nối tiếp. Điều đó phản ánh sự thất bại, bế tắc, bị động của chúng trước lực lượng quật khởi của nhân dân. «Chinh vì nhân dân ta và quân giải phóng miền Nam lớn mạnh nhanh chóng và chiến thắng liên tiếp nên mới có mấy cuộc đảo chính thay bọn tay sai của Mỹ ở miền Nam nước ta» (2). Thế là những mâu thuẫn nội bộ đã gay gắt và phức tạp lại chồng chất nổi tiếp lên những mâu thuẫn gay gắt và phức tạp hơn, khiến cho mâu thuẫn của chúng có tính chất hỗn độn, luẩn quẩn, sâu sắc như hiện tại.

Đề cứu vãn tình thế, đế quốc Mỹ và tay sai đẩy mạnh chiến tranh xâm lược. Nhưng thủ đoạn gây chiến làm cho tất cả mọi hình thức đối trá của chủ nghĩa thực dân mới về độc lập, hòa bình, tự do dân chủ công khai phơi bày hơn bao giờ hết. Cũng do đó càng sáng tỏ hơn bao giờ hết cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân miền Nam cho độc lập, tự do dân chủ, hòa bình, thống nhất thật sự của Tổ quốc. Mặt khác, trong chiến tranh, binh sĩ địch bị xua đi bắn giết đồng bào, trong đó có cha mẹ, anh em, vợ con họ. Bom đạn, chất hóa học thả xuống khắp các vùng lieuk có trư địa chủ, nhân viên chính quyền địa phương của chúng? Làng mạc bị tàn phá, dân bị tập trung trong các ấp chiến lược không phải chỉ thiệt hại riêng cho người lao động. Cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân đã khơi lên trong lòng nhiều binh sĩ, nhân viên chính quyền địa phương, địa chủ có bất mãn với đế quốc Mỹ và tay sai của chúng một tinh thần dân tộc, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, căm ghét quân xâm lược và bọn bán nước. Chỗ dựa của đế quốc Mỹ và tay sai, cơ sở xã hội của chính quyền miền Nam bị thu hẹp lại nhanh chóng từ khi Mỹ gây ra chiến tranh xâm lược miền Nam. Rút cục tất cả những điều đó chỉ gây thêm thuận lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân, đẩy mạnh mâu thuẫn nội bộ địch. Bị lúng túng và thất bại trong chiến tranh, mâu thuẫn nội bộ địch đã phát triển cả giữa Mỹ với Mỹ: Ha-kin học hặc Ca-bốt Lốt, Rốc-cơ-phen-lơ công kích Giôn-son, nhiều nghị sĩ Mỹ thuộc đảng dân chủ và cộng hòa xung đột ý kiến nhau. Lúc Mỹ đang trong «con đường hầm không lối thoát», Pháp được dịp trả lại cho Mỹ nhiều đòn cay cú nhằm gây ảnh hưởng ở thuộc địa miền Nam.

Cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân miền Nam đã đẩy mạnh mâu thuẫn nội bộ địch, song đó không phải chỉ là kết quả do tác

động khách quan đem lại. Nhân dân miền Nam có ý thức bao nhiêu về cuộc đấu tranh tự giải phóng của mình thì có ý thức bấy nhiêu về sự khai thác triệt để những mâu thuẫn nội bộ địch, làm cho quân thù đã suy yếu càng thêm suy yếu. Điều kiện tiên quyết phát triển mâu thuẫn nội bộ chúng là sức mạnh chiến đấu của nhân dân. Vậy đường lối chính trị của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đoàn kết chặt chẽ toàn thể nhân dân miền Nam, đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ của Mặt trận là nhân tố cơ bản khơi sâu mâu thuẫn giữa chúng, chiến thắng chúng. Cương lĩnh chính trị của Mặt trận, đường lối kháng chiến của Mặt trận chẳng những có sức mạnh kỳ diệu cổ vũ hàng triệu quần chúng kiên quyết đứng lên kháng chiến, mà còn có năng lực mạnh mẽ thuyết phục, giác ngộ tất cả các cá nhân, các tập đoàn còn tạm thời bị chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ bưng bít. Luôn luôn đặt quyền lợi của dân tộc, của Tổ quốc lên trên hết, Mặt trận đã công bố nhiều chính sách cụ thể nhằm tranh thủ, liên hiệp, đoàn kết với tất cả các cá nhân, các tổ chức, bất kể thuộc thành phần nào, xu hướng chính trị nào, miễn là đồng tình cùng với nhân dân chống lại đế quốc Mỹ xâm lược và bọn bán nước. Những ai còn có lương tri và tinh thần dân tộc, bất kể quá khứ và hiện tại của họ ra sao, chắc chắn không thể hững hờ trước lời kêu gọi đoàn kết thiết tha và nhiệt thành của Mặt trận: «Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam sẵn sàng bắt tay một cách bình đẳng với mọi lực lượng, từ các đảng, phe phái, nhóm đến các cá nhân chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở miền Nam, dầu lực lượng ấy thuộc khuynh hướng chính trị nào, dầu lực lượng ấy chưa hoàn toàn tán thành cương lĩnh của Mặt trận dân tộc giải phóng, dầu lực lượng ấy có mặt ở miền Nam hoặc tồn tại ở nước ngoài, dầu lực lượng ấy từ trước đến nay đã hợp tác với đế quốc Mỹ bất cứ ở mức độ nào, mà nay đã chống lại sự thống trị của chúng, dầu lực lượng ấy là đoàn thể chính trị, văn hóa, xã hội, nghề nghiệp hay tổ chức vũ trang từ trước vẫn đối lập với cách mạng miền Nam hay còn

(1) Sau ngày đảo chính lật Diệm, báo *Diễn đàn thông tin Nữ-ước* (3-11-1963) đã tỏ ra lo lắng: «Cái gì sẽ xảy ra từ máu và lửa của cuộc nổi dậy». Đến đảo chính của Khánh, Mỹ tỏ ra chán nản ngay: «Đây là một hành động sai lầm xảy ra vào một lúc không thích hợp» (tin A.P., 30-1-1964).

(2) Lời thủ tướng Phạm-văn-Đồng nói chuyện với chiến sĩ đại đội Lê-hồng-Phong trong tháng 5-1964. Báo *Quân đội nhân dân*, 2-6-1964.

ở trong chính quyền và quân đội miền Nam mà muốn đứng lên cứu nước» (1). Mấy năm qua, chính sách khoan hồng, thu nạp, khen thưởng của Mặt trận đối với binh sĩ, sĩ quan, nhân viên chính quyền miền Nam quay trở về hàng ngũ nhân dân đã thu được nhiều kết quả to lớn. Chính sách hợp tác với các lãnh tụ tôn giáo có những xu hướng chính trị riêng để cùng chống đế quốc Mỹ và tay sai, bảo vệ tự do tín ngưỡng và quyền lợi chính đáng của tín đồ cũng gây được ảnh hưởng mạnh trong các giới tu hành. Chính sách liên hợp với những người còn đứng ngoài Mặt trận, nhưng cùng

Mặt trận hành động chung chống Mỹ và tay sai, cũng ngày càng được nhiều người đồng tình, hưởng ứng. Đế quốc Mỹ và tay sai cố tung đô-la và vũ khí để mua chuộc, dụ dỗ, đe dọa, nhưng đô-la và vũ khí không che khuất được ánh sáng chính nghĩa. Ngày càng có nhiều người trong chính quyền và quân đội miền Nam chán ghét chiến tranh xâm lược, mong muốn hòa bình trung lập, ngày càng có nhiều người bước qua chiến tuyến của nhân dân, cùng nhân dân chiến đấu chống bọn cướp nước và bán nước.

* * *

Hiện nay, mâu thuẫn nội bộ bọn thống trị miền Nam sâu sắc hơn bao giờ hết. Thực chất của nó không có gì khác với thời kỳ của Ngô-đình-Diệm, Dương-văn-Minh: đó là sự bế tắc, suy sụp của chế độ thực dân kiểu mới của Mỹ trước sức đấu tranh quyết liệt của nhân dân. Nhưng có điều khác, nó là hậu quả của 10 năm thống trị thất bại, hậu quả của hơn ba năm tiến hành chiến tranh xâm lược thất bại, hậu quả của nhiều lần đảo chính liên tiếp truất bỏ bọn tay sai của Mỹ. Ngọn lửa cách mạng ở miền Nam Việt-nam từ khi Mỹ đưa bọn Khánh lên cầm quyền càng bùng cháy mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Bị tấn công dồn dập cả hai mặt quân sự và chính trị, đế quốc Mỹ và tay sai đang bị thất bại điều đứng, nguy quyền miền Nam đang tan rã nhanh chóng. Vì thế mâu thuẫn nội bộ bọn thống trị miền Nam lúc này gay gắt hơn bao giờ hết, hỗn độn hơn bao giờ hết. Những biểu hiện chủ yếu của mâu thuẫn trầm trọng của chúng là:

— mâu thuẫn giữa chủ Mỹ và bọn tay sai cầm quyền đã bắt lực;

— mâu thuẫn trong nội bộ bọn cầm quyền, cụ thể giữa phe cánh của Khánh với phe cánh của Hoàn, giữa phe cánh của Minh và nhiều viên tướng khác với bọn Khánh;

— mâu thuẫn giữa Khánh với bọn làm đảo chính mới và tất cả những bọn đã bị đảo chính trước kia, giữa bọn trong chính quyền và ngoài chính quyền;

— mâu thuẫn giữa nội bộ bọn đế quốc Mỹ;
— mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ với các đế quốc khác, nhất là với đế quốc Pháp, giữa bọn thân Mỹ và bọn thân Pháp.

Chính quyền của bọn Khánh đã suy nhược ngay từ khi nó mới thành lập và đang lao trên vết xe thất bại của những bọn trước.

Bản chất xâm lược của đế quốc Mỹ không thay đổi, chúng cố đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam, chúng cố dàn xếp mâu thuẫn nội bộ. Bọn Khánh đang trở hết tài làm tay sai cho Mỹ. Nhưng lịch sử chín năm kháng chiến chống đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ trước đây, lịch sử 10 năm đấu tranh chống Mỹ ở miền Nam, lịch sử hơn ba năm kháng chiến chống Mỹ đã qua của nhân dân miền Nam chứng minh rằng đế quốc Mỹ đã thất bại và sẽ thất bại hoàn toàn. Nhân dân miền Nam sẽ kết thúc số phận bọn cướp nước và bán nước, kết thúc luôn cả tình trạng lực đục của chúng.

(1) Tuyên bố của Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ngày 20-7-1962.

PHAN-BỘI-CHÂU

QUA MỘT SỐ SÁCH BÁO MIỀN NAM HIỆN NAY

(Phê phán một số tài liệu dẫn sai)

CHƯƠNG - THÁU

Từ trước đến nay, nhà yêu nước Phan-bội-Châu và phong trào cách mạng có liên quan đến Phan-bội-Châu đã được nhiều người làm công tác văn học, sử học... nghiên cứu, đánh giá, và từ mặt này mặt khác đã rút ra những kết luận làm phong phú thêm nền nghiên cứu học thuật nước nhà, nhất là đã rút ra những bài học kinh nghiệm lịch sử để bổ sung cho kho tàng lý luận vận động cách mạng của dân tộc. Nhưng bên cạnh những công trình nghiên cứu với động cơ tốt ấy, có một số người cầm bút cũng mệnh danh là « nhà nghiên cứu », « nhà lý luận » đã lợi dụng xuyên tạc Phan-bội-Châu nhằm phục vụ cho một mục đích chính trị đen tối. Đó là trường hợp của một số không ít các « tác phẩm » viết về Phan-bội-Châu trong 10 năm nay ở miền Nam dưới chế độ phản động tay sai đế quốc Mỹ.

Là một người quan tâm theo dõi vấn đề Phan-bội-Châu, chúng tôi đã đọc một loạt mấy chục « tác phẩm » lớn nhỏ viết về Phan-bội-Châu qua sách báo công khai ở miền Nam hiện nay, chúng tôi thấy cần thiết phải có ý kiến đối với những « tác phẩm » ấy. Khối lượng sách báo đó tương đối nhiều, chủ đề của nó lại khá tản mạn, mà thì giờ thì có hạn, cho nên trong lúc này chúng tôi chưa thể có ý kiến với tất cả. Vì vậy, ở đây chúng tôi sẽ chỉ nói riêng vấn đề *dẫn dụng tài liệu xuyên tạc* ở một số tác phẩm mà thôi. Vấn đề tài liệu là một vấn đề quan trọng có tính chất quyết định trong việc nghiên cứu, nhận định, đánh giá sự việc, nhất là đối với nhân vật Phan-bội-Châu và những vấn đề có liên quan đến Phan-bội-Châu này đang là một vấn đề có ý nghĩa thời sự. Do đó, để tránh tình trạng « sai một ly đi một dặm », để phá vỡ « hệ thống dây chuyền xuyên tạc Phan-bội-Châu », việc đính chính phê phán những tài liệu dẫn sai là việc phải làm trước nhất. Dưới đây xin đề cập đến một số vấn đề cụ thể.

Về tác phẩm « Lưu cầu huyết lệ tân thư » của Phan-Lợi-Châu

Ông Thế-Nguyên, tác giả quyển *Phan-bội-Châu* (thân thế và thi văn), trong tủ sách Những mảnh gương, do Tân-việt xuất bản ở Sài-gòn năm 1956, khi đề cập đến thời gian hoạt động cách mạng của Phan-bội-Châu trước lúc xuất dương (1904) đã viết: « Mưu đồ cuộc phản đối chính trị, cụ Phan có viết tập *Lưu cầu huyết lệ tân thư* năm tân sửu (1901) gửi cho các triều thần cùng các nhà danh sĩ đề *cổ động lòng ái quốc của nhân dân* (1). Việc đó có người tố cáo, quan Khâm sứ Trung-kỳ *bắt giam* cụ Phan, sau tra vấn qua loa, rồi lại tha » (trang 17). Ông Thế-Nguyên cho là tác phẩm *Lưu cầu huyết lệ tân thư* viết năm 1901. Nhưng sau đó 22 trang, ông lại nói tác phẩm này cụ Phan viết ở Nhật, nghĩa là khoảng từ 1905 — 1908!

Có lẽ dựa vào Thế-Nguyên, nên gần đây, trên tạp chí *Văn hóa nguyệt san* số 87 tháng 11-1963, ông Trọng-Đức trong bài « Hoài niệm nhà chí sĩ Phan-bội-Châu » cũng lại viết: « cuốn sách nhan đề *Lưu cầu huyết lệ tân thư* chủ ý lợi dụng tình hình chính trị hồi đó để giục ngộ đám nho sĩ triều thần. Nội dung quyển này nói đến: 1. Thảm cảnh của quốc gia; 2. Cảnh nợ nần về việc truất phế vua chúa; 3. Cần phải mở mang trình độ trí thức quốc dân; 4. Củng cố khí tiết của dân chúng. Cũng vì quyển sách nói trên mà đề mưu đồ cuộc phản đối chính trị, ông bị viên khâm sứ Trung-kỳ *bắt giam và tra tấn ít lâu rồi thả ra...* »

Ông Phan-xuân-Hòa, trong quyển sách giáo khoa *Lịch sử Việt-nam* quyển IV (từ Tây-sơn đến hiện kim) do Trường-thi xuất bản tại Sài-gòn năm 1956 cũng nói: « mấy tác phẩm *Lưu cầu huyết lệ thư*, *Hải ngoại huyết thư*, *Việt-nam vong quốc sử* của cụ Phan-bội-Châu gửi về (lúc là từ Nhật-bản gửi về — C.T.) làm cho lòng yêu nước càng thêm sôi nổi (trang 195) ».

(1) Chúng tôi gạch dưới những câu có tính chất nhận định — C.T.

Đến lượt Nghiêm-xuân-Hồng, trong công trình nghiên cứu có tính chất lý luận *Lịch trình diễn tiến của phong trào quốc gia Việt-nam*, nhà xuất bản Quan điểm — Sài-gòn 1958 lại viết: « Tại Quảng-nam, hai ông Phan Sào-Nam và Tăng-bạt-Hồ (!) hợp đồng chỉ đề thành lập Việt-nam quang phục hội (!) (1904) tôn Kỳ ngoại hầu Cường Để làm Hội trưởng xuất bản cuốn « Lưu cầu huyết lệ tân thư » đề cổ võ tinh thần cách mạng và xuất dương du học » (trang 28).

Cũng ở sách này, ở trang 148 Nghiêm-xuân-Hồng nhận định về tác dụng của tác phẩm *Lưu cầu huyết lệ tân thư* như sau: « ... Tất cả những văn chương ấy cũng không khơi đào ý kiến gì hơn là nhắc nhở cái nhục vong quốc, cổ võ gương tiên tiến của một hai nước châu Á và tha thiết kêu gọi tinh thần nước non sông. Những lời kêu gọi ấy đã nhiều khi làm bột phát những phong trào mãnh liệt, song động lực của nó vẫn chỉ là một tình tự bằng bột, khó lòng duy trì khi bước sang một giai đoạn tranh đấu khó khăn ».

Chưa kể những điều bịa đặt, xuyên tạc xung quanh tác phẩm *Lưu cầu huyết lệ tân thư*, mà chỉ tách riêng vấn đề Phan-bội-Châu viết nó lúc nào, ở đâu, nội dung của nó nói gì và tác dụng của nó ra sao? thì cũng đã thấy mỗi người trên đây nói một phách! Vậy sự thực về tác phẩm đó như thế nào, xin dẫn nguyên văn lời của cụ Phan-bội-Châu như sau :

« Tháng 3 năm giáp thìn (1904) ở Nam-kỳ trở về, tôi lại ngụ ở Huế... Tôi bèn quyết kể tìm cách vận động các quan... tôi liền viết ra một cuốn sách, nhan đề là *Lưu cầu huyết lệ tân thư*. Trong đó, tôi tả rõ những cái thảm trạng thành tan nước mất, những nỗi nhớ nhục đời chúa làm tôi. Lại nói đến dân trí phải gấp mở mang, dân khí nên gấp bồi dưỡng, để làm nền tảng cho việc cứu quốc v.v... » (1).

Đó là « hồi ức » của cụ Phan năm 1914 viết trong quyển *Ngục trung thư*. Đến khoảng năm 1940, khi viết lại đời hoạt động cách mạng của mình, trong tập sách nhan đề là *Phan-bội-Châu niên biểu*, cụ đã ghi kỹ hơn về tác phẩm *Lưu cầu huyết lệ tân thư* của mình như sau: « Cuốn sách gồm 3 đoạn: đoạn thứ nhất nói thống thiết về việc mất nước, mất quyền, đoán định trước những thảm họa sau này sẽ phát sinh; đoạn giữa nói về chính sách cứu nguy cấp, lo toan lấy sinh tồn, cần phải một là mở mang dân trí, hai là chấn hưng dân khí, ba là bồi dưỡng nhân tài; đoạn cuối cùng là tỏ lòng mong những người tại chức và khuyến khích họ làm sự nghiệp bất hủ » (2).

Mục đích của Phan-bội-Châu khi viết tác phẩm này là nhằm « vận động các quan » và

kết quả sau khi đưa trình Thượng thư bộ Binh là Hồ Lệ, được ông giới thiệu sách này với trưởng quan ở Bộ Viện, Các thì quan Đông các là Nguyễn Đăng, Lại bộ là Nguyễn Thuật đều cho gọi Phan-bội-Châu đến dinh nói chuyện. Các quan đều bảo Phan phải giữ mồm. Hồ Lệ còn bảo: « Trong lúc công việc còn có thể làm được thì chớ ai nghĩ đến, bây giờ mọi việc đều không được tự do, còn nói gì được nữa ». Nhưng rồi Hồ Lệ vẫn « bảo các thuộc quan sao chép lại, ông lại đem cho các thân sĩ cùng làng xem, nên học trò ở Nam — Ngãi tranh nhau truyền tụng. Những người chỉ sĩ như các ông Tây-Hồ, Thái-Xuyên, Thịnh-Bình cùng tôi kết bạn tâm phúc, đến cả các bạn như Ngũ-Lang, Ấu-Triệu lúc bấy giờ đều có biết tôi, như thế đều là có sự giới thiệu của cuốn sách ấy » (3).

Đó cũng là tác dụng tuyên truyền vận động cách mạng của tác phẩm *Lưu cầu huyết lệ tân thư*. « Hồi ức » của Phan-bội-Châu trước sau là nhất trí. Về việc viết tác phẩm này, Phan không hề « bị khám sử Trung-kỳ bắt giam và tra tấn » gì cả như các ông Thử-Nguyên (4) và Trọng-Đức nói; và tác dụng của tác phẩm này cũng chưa đến mức « làm bột phát những phong trào mãnh liệt » như Nghiêm-xuân-Hồng suy diễn !

(1) Phan-bội-Châu — *Ngục trung thư*. Bản dịch Việt văn của Đào-trình-Nhất Nippon-Hunka-kaikan xuất bản 1945, trang 20-21.

(2,3) *Phan-bội-Châu niên biểu*. Bản dịch Việt văn của Tôn-quang-Phiệt — Phạm-trọng-Điềm. Nhà xuất bản Văn Sử Địa, Hà-nội 1957, tr.38—39.

(4) Nhân đây cũng xin đính chính những sai lầm của ông Thử-Nguyên trong quyển *Phan-bội-Châu*.

— Ở trang VII ông nói Phan-bội-Châu hưởng dương 75 năm. Kỳ thực cụ Phan-bội-Châu chỉ thọ 74 tuổi (1867—1940).

— Ở trang 14 ông nói Phan-bội-Châu « suýt nữa bị bôi tên trong sổ thi trọn đời » là « vì sơ ý viết trùng tên húy của nhà vua » không phải vì lý do đó, mà vì can tội « hoài hiệp văn tự » (một cách oan uổng do sơ xuất).

— Cụ Phan xuất dương năm 1905 chứ không phải 1904 như ông nói ở trang 22.

— Cụ Phan và Việt-nam quang phục hội do cụ tổ chức không phải là người chủ trương hạ sát Merlin như ông nói ở trang 37.

— Cụ Phan cũng không phải là người lập ra Tâm tâm xã như ông nói ở trang 38.

— Ở trang 39: về các tác phẩm của cụ Phan-bội-Châu, xin đính chính lại như sau :

— *Lưu cầu huyết lệ thư* viết ở Huế năm 1904 chứ không phải ở Nhật.

.....

Về tổ chức Duy tân hội của Phan-bội-Châu

Đây là một tổ chức hội đảng bí mật có tầm quan trọng đặc biệt trong giai đoạn đầu của cuộc đời hoạt động cách mạng của cụ Phan. Thế mà các tác giả viết về cụ Phan ở miền Nam đã trình bày sai lạc, thậm chí xuyên tạc cả sự thực lịch sử. Trước hết cần phải kể đến những điều xuyên tạc Phan-bội-Châu trong quyển *Lịch sử Việt-nam* của Phan-xuân-Hòa. Nhân danh là một giáo sư sử học lâu năm, quyển sách lịch sử này « đã được Bộ Quốc gia giáo dục chuẩn nhận làm sách giáo khoa », ông « đã sửa chữa kỹ lưỡng » và được in đến « lần thứ tám » phát hành rộng rãi để học sinh lớp đệ tứ trung học học tập mấy năm nay. Vậy mà khi trình bày lịch sử đầu thế kỷ XX, ở giai đoạn phong trào Đông du và Phan-bội-Châu, Phan-xuân-Hòa đã phạm một loạt sai lầm khó mà tha thứ. Ông viết :

« Năm 1904 hai cụ Phan-bội-Châu và Tăng-bạt-Hổ lập ra *Việt-nam Quang phục hội* làm cơ quan truyền bá tư tưởng « duy tân » và cổ vũ thanh niên « Đông du » cầu học (đi học bên Nhật-bản). ».....

« Các cụ tôn Kỳ ngoại hầu Cường Để làm hội chủ cho được danh chính ngôn thuận. Rồi các cụ qua giao thiệp với mấy chính khách Nhật như Khuynh Dưỡng Nghị, Bá Nguyên Phương (!) để năm 1905 đưa Kỳ ngoại hầu sang Đông-kinh. »

« Các danh sĩ Phan-chu-Trinh tức Tây-Hồ, Nguyễn-thượng-Hiền, Ngô-đức-Kế, Huỳnh-thúc-Kháng, Lương-ngọc-Can, Trần-quý-Cáp... đều cùng cụ Phan-bội-Châu thề nguyện hy sinh cho nước » (trang 194 — 195).

Cái sai thứ nhất của Phan-xuân-Hòa là năm 1904 Phan-bội-Châu không phải lập ra *Việt-nam quang phục hội* như ông nói, mà lập ra *Duy tân hội*. Trước khi ra đời chính thức năm 1904, Duy tân hội có một thời kỳ thai nghén. Đó là thời kỳ sau khi cụ Phan đỗ giải nguyên (1900) rồi cụ mới bắt tay hành động. Cụ đã cùng với cụ Ngự-Hải và các đồng chí tru tình 3 kế hoạch lớn :

« 1 — Liên kết dư đảng cần vương và những tay trắng kiện sơn lâm xưng nghĩa khởi binh, dùng thủ đoạn bạo động để đánh giặc phục thù.

2 — Tìm người trong hoàng thân lập làm minh chủ — rồi ngầm liên kết với những người có thế lực lúc bấy giờ để họ ứng viện, lại tập hợp các người ở Trung, Bắc-kỳ cùng nhau khởi sự.

3 — Thi hành hai kế hoạch trên, nếu lúc nào cần đến ngoại viện thì phái người xuất dương cầu viện. Mục đích là cốt sao cho khôi phục

được nước Việt-nam, lập một chính phủ độc lập, ngoài ra chưa có chủ nghĩa gì khác » (1)

Đó cũng là tiền thân của « Cương lĩnh hoạt động » của Duy tân hội được chính thức thành lập năm 1904. Đề cụ thể hóa cương lĩnh đó, lúc này (1904) Duy tân hội đã đề ra 3 nhiệm vụ cần thực hiện trước :

« 1 — Mở rộng thế lực hội, làm thế nào trong một thời gian ngắn thu hút được nhiều hội viên, thu góp được nhiều hội phí.

2 — Tiếp tục tiến hành công việc sau khi đã phát sinh ra cuộc bạo động, việc này trong một thời gian rất ngắn phải tru tình thế nào cho đầy đủ các thứ tài liệu.

3 — Xác định phương châm và thủ đoạn xuất dương cầu viện » (2).

Như vậy là việc Phan-bội-Châu cùng Đặng-thái-Thân, Nguyễn Hàm, Trình Hiền, Lê Võ, Đặng-tử-Kính lập ra Duy tân hội năm 1904 không phải chỉ bó hẹp trong phạm vi « truyền bá tư tưởng duy tân » và « cổ vũ thanh niên Đông du cầu học » như ông Phan-xuân-Hòa nói, mà chủ yếu là để « xưng nghĩa khởi binh », là « cùng nhau khởi sự », là « cốt sao khôi phục được nước Việt-nam »... như chính Phan-bội-Châu đã ghi trong *tập niên biểu* của mình.

Cái sai thứ hai của Phan-xuân-Hòa là nói : các danh sĩ... đều cùng Phan-bội-Châu thề nguyện hy sinh cho nước. Sự thực lịch sử đó như thế nào? Có phải là tất cả các cụ đều xuất dương và xuất dương đồng thời với cụ Phan-bội-Châu không? Các cụ thề nguyện với nhau lúc nào? Chúng ta biết rằng, khi thành lập Duy tân hội đều không có mặt 5 cụ mà ông Phan-xuân-Hòa dẫn và các cụ Ngô-đức-Kế, Huỳnh-thúc-Kháng, Lương-ngọc-Can, Trần-quý-Cáp đều không hề xuất dương bao giờ. Cụ Phan-chu-Trinh thì cuối năm 1905 mới sang

.... — *Việt-nam vong quốc sử* viết ở Nhật năm 1905.

— *Khuynh quốc dân du học văn* viết ở Nhật năm 1905.

— *Hải ngoại huyết thư* viết ở Nhật năm 1906.

— *Việt-nam quốc sử khảo* viết ở Nhật năm 1908.

— *Hà thành liệt sĩ* viết ở Trung-quốc năm 1913.

— *Ngục trung thư* viết ở Trung-quốc năm 1914.

— *Dư cửu niên lai sở tri chỉ chủ nghĩa* viết ở Trung-quốc năm 1921.

— Cụ Phan-bội-Châu không hề qua Nga và Đức như ông nói ở trang 69 và trang 73.

(1) *Phan-bội-Châu niên biểu*. Bản dịch, tr. 33.

(2) *Phan-bội-Châu niên biểu*. Bản dịch, tr. 42.

Nhật đề «hội đàm» với cụ Phan-bội-Châu, rồi sang đầu năm 1906 trở về nước. Còn cụ Nguyễn-thượng-Hiền thì mãi đến năm 1908 mới sang Trung-quốc và đến năm 1912 mới gia nhập một tổ chức cách mạng mới của phong trào Đông du tức là Việt-nam quang phục hội. Riêng các cụ Ngô, cụ Huỳnh, cụ Trần thì chỉ hoạt động chủ yếu cho phong trào Duy tân ở Trung-kỳ năm 1908.

Phan-xuân-Hòa lại tự ý gán cho Phan-bội-Châu «muốn cho cách mạng thành công, ta cần phải huấn luyện nhân tài, phải mở đường viện trợ ngoại bang, và phải có một nền tài chính riêng vững chắc hòng theo đuổi cuộc kháng chiến lâu dài» (trang 194).

Về cái lý luận «phải mở đường viện trợ ngoại bang», «phải có một nền tài chính riêng vững chắc» này, chúng tôi ngờ rằng đây là thứ «lý luận» của cơ quan tuyên truyền của chính quyền miền Nam hiện nay, được thể hiện cả trong nội dung các tài liệu giảng dạy ở các trường học, nhồi nhét cho học sinh, sinh viên tư tưởng «viện trợ Mỹ». Đây chưa phải là lúc phê phán toàn bộ tác phẩm sử học của Phan-xuân-Hòa, mà chỉ trích riêng một vấn đề Phan-bội-Châu chúng ta đã thấy một loạt sai lầm, đối chiếu với lời giới thiệu, quảng cáo của nhà xuất bản, của báo chí, thì chúng ta thấy nó như một trò ảo thuật hìp hèm.

Rồi từ sách của Phan-xuân-Hòa được «chuẩn nhận làm sách giáo khoa» đến công trình nghiên cứu nhằm cung cấp lý luận tuyên truyền «Bắc tiến», «chống cộng» cho miền Nam, Nghiêm-xuân-Hồng «nhà triết học duy linh nhân vị» đã viết quyển *Lịch trình diễn tiến của phong trào quốc gia Việt-nam* mà chúng tôi đã nói tới phía trên. Trong «tác phẩm» này, ở chương viết về sự diễn tiến của phong trào quốc gia Việt-nam đầu thế kỷ XX, khi dân chúng phong trào Đông du của Phan-bội-Châu, họ Nghiêm cũng lặp lại những sai lầm của Phan-xuân-Hòa đã mắc, như bảo «Phan Sào-Nam và Tăng-bạt-Hồ hợp các đồng chí đề lập Việt-nam quang phục hội ở Quảng-nam năm 1904»; hoặc bảo: «Các vị như Trần-quý-Cáp, Ngô - đức - Kế, Huỳnh - thúc - Kháng, Lương-ngọc-Can v.v... đều tham gia xuất dương hoạt động (trang 27-28).

Ngoài ra, hình như đề củng cố thêm cho luận cứ của mình về vấn đề «diễn tiến phong trào quốc gia», Nghiêm-xuân-Hồng còn bịa thêm một chi tiết lịch sử đáng chú ý như sau: «Năm 1899, Phan Sào-nam, Đại-Dầu, Thần-Sơn Đặng-thái-Thần bàn định khởi binh ở Hà-tĩnh như Phan-đình-Phùng mấy năm trước. Nhưng vì không có khí giới đầy đủ nên bỏ kế hoạch đó» (trang 27).

Những người quan tâm đến vấn đề Phan-bội-Châu, tìm hiểu chủ trương đường lối cứu nước của Phan-bội-Châu qua các thời kỳ đều lấy làm lạ về sự kiện hoàn toàn bịa đặt này. Trong những tập «hồi ký» của Phan-bội-Châu không hề ghi việc đó.

Trái lại, điều rõ ràng mà ai cũng biết là Phan-bội-Châu trước cái tuổi 34 (1900) là thời gian «hơn 10 năm chuyên tâm về việc tu dưỡng» (1) thời gian này, «Phan cố sức theo đuổi văn chương theo thời; một mặt ngấm ngấm tìm kiếm sách binh thư của đời Chiến quốc, như *Tôn-lữ thập tam thiên*, *Vũ-hầu tâm thư*, cho đến sách *Hồ-trường xu cơ*, *Binh gia bí quyết* v.v... để dự bị vào đấy mà thực hành sau này» (2). Hơn nữa Phan cũng cho chúng ta biết, trước ngày cùng với Ngự-Hải và các đồng chí bí mật truù tình ba kế hoạch lớn (1900) thì khuynh hướng «phá cũ sỏ lồng» của Phan chỉ thể hiện ở mấy việc như sau: Năm lên 9 tuổi (1876), sau khi vua tôi nhà Nguyễn ký hiệp ước bán nước, nhượng đất Nam-kỳ và mở rộng cửa ngõ Trung Bắc cho giặc Pháp vào, phong trào «bình Tây» sôi nổi khắp nơi, đặc biệt là ở Nghệ - Tĩnh, nơi chôn rau cắt rốn của Phan. Lúc đó Phan hẳn chưa nhận thức được thế nào là đánh giặc cứu nước, nhưng phong trào kháng chiến hùng cháy mạnh mẽ đã hấp dẫn cả tầng lớp tuổi thơ. Phan liền tập hợp bạn bè «lấy ống tre làm súng, hột vãi làm đạn, giả đờ làm quân bình Tây». Năm 17 tuổi (1883) sau hiệp ước Ác-măng (Harmand), toàn cõi Việt-nam đã trở thành thuộc địa, phong trào nghĩa binh «nổi dậy như ong», cậu thiếu niên Phan-bội-Châu tràn đầy nhiệt huyết hăm hở muốn đứng dậy ra quân, liền nửa đêm «khêu đèn thảo bài hịch «bình Tây thư Bắc». Lên 19 tuổi (1885), Tây kéo vào Nghệ-an. Hưởng ứng chiếu Cần vương của Hàm-nghi - Tôn-thất Thuyết, phong trào dậy lên bùng nổ, tiêu biểu là phong trào Phan-đình-Phùng, thanh niên Phan-bội-Châu «vì đại nghĩa kích thích» liền cổ động anh em bạn học thành lập đội «Thi sinh quân» gồm 60 người chuẩn bị lên đường ứng nghĩa, giết giặc cứu nước. Công việc chưa thành thì thành Nghệ đã bị giặc chiếm. Sau đó Phan rút bài học kinh nghiệm: «Muốn làm công việc anh hùng tất phải bồi dưỡng lực lượng, muốn lo toan việc lớn tất phải đầy đủ mưu kế, còn như kẻ nông nổi hấp tấp, tay không mà bắt cộp bơi sông, thì không làm gì được» (3) vì vậy mà từ đó trở đi, trong hơn 10 năm (1886 - 1900), Phan chuyên tâm tu dưỡng, nghiên cứu binh thư binh pháp, nhưng chủ yếu vẫn là dạy

(1, 2, 3) Phan-bội-Châu niên biểu. Bản dịch tr. 28.

học trò, bản văn bài, phụng dưỡng cha già, chứ không hề có cái chuyện « định khởi binh kháng chiến năm 1899, nhưng vì không có khi giới đầy đủ » như Nghiêm-xuân-Hồng nói.

Đọc « *Lịch trình diễn tiến của phong trào quốc gia Việt-nam ở các giai đoạn lịch sử khác nữa*, chúng ta sẽ thấy nhan nhản thứ lý luận « chống cộng » hần học do phản ứng giai cấp của tác giả kiểu như thế, nhưng thứ lý luận ấy không bịp bợm được mấy ai, không thể làm xiêu ngã ý chí cách mạng và lòng yêu nước cao độ của tuyệt đại đa số đồng bào ta đang đấu tranh anh dũng với bọn xâm lược Mỹ và liên tiếp thu thắng lợi dưới sự lãnh đạo của Mặt trận dân tộc giải phóng ở miền Nam.

Về vấn đề « Pháp Việt đề huề » của Phan-bội-Châu

Đối với những người cách mạng yêu nước đều đã từng nhất trí với nhau *Pháp Việt đề huề luận* của Phan-bội-Châu đầu vì động cơ gì chẳng nữa vẫn là một sai lầm đáng tiếc, là một cái xảy chân trong bước đường cách mạng của Phan-bội-Châu. Thế nhưng một số nhà nghiên cứu văn học, sử học ở miền Nam hiện nay lại cho đó như là một sự kiện có đóng góp tích cực cho công cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc. Đặc biệt, ông Phan-xuân-Hòa trong tác phẩm đã dẫn ở trên, đã viết: « sự khủng bố của Pháp đã làm cho phong trào Duy tân chỉ còn như là đồng than âm ỉ tàn dần... may sao năm 1912 (!)... cụ Phan-bội-Châu từ Trung-hoa gửi về cho toàn quyền Đông-dương quyền *Pháp Việt đề huề* khuyên Việt Pháp hai dân tộc phải thân thiện, Pháp phải thành thật mở cho Đông-dương phú cường, mới tránh khỏi cái họa xâm lăng của Nhật-bản sau này. Hành động của cụ Phan tuy rất ôn hòa, đã như ngọn gió thổi vào đồng than « cách mệnh » cho lửa lại bật lên thành ngọn » (trang 198).

Việc nhà sử học « hiện kim » của miền Nam nói *Pháp Việt đề huề viết năm 1912* đã là một điều khó tưởng tượng, song việc nhận định tác dụng của *Pháp Việt đề huề « như là một ngọn gió thổi vào đồng than cách mạng cho lửa lại bật lên thành ngọn »* thì thật là nực cười đến đau xót ! Vậy xin hỏi ông Phan-xuân-Hòa rằng, với tư cách là một người nghiên cứu lịch sử Việt-nam, ông có từng đọc-biết nguyên ủy chữ « Pháp Việt đề huề » là có từ năm nào trong lịch sử « hiện kim » không ? Cái gọi là chính sách « hiệp tác Pháp Việt » « Pháp Việt đề huề » phải chăng được cổ động khá ồn ào dưới thời tên Toàn quyền Xa-rô (Albert Sarraut) năm 1917 ? Lúc bấy giờ bọn bồi bút tay sai của thực

dân Pháp ở nhóm *Tạp chí Nam phong* đã chẳng ra rả ca ngợi khẩu hiệu « Pháp Việt nhất gia » đó sao ? Cũng vì thế mà cuối năm 1917, Pháp mới cử tên Nê-rông (Néron) cùng với tên phản bội cách mạng Phan-bá-Ngọc sang Trung-quốc thuyết phục Phan-bội-Châu. Cuối cùng « Pháp Việt đề huề luận » đã được viết dưới âm mưu bố trí của giặc Pháp và cụ Phan đã vì mất cảnh giác mà vô tình cung cấp cho kẻ địch một tài liệu tuyên truyền, phản lại đường lối cách mạng của dân tộc và của chính mình ! Sau đó *Tạp chí Nam phong* đã cho in toàn văn và kèm theo lời giới thiệu của Lê Dư. Tiếp theo là bản dịch viết văn cũng ra đời. Cho tới thời kỳ tạm bị chiếm trước đây (trước 1954), nhà xuất bản *Tân dân* đã cho tái bản để phục vụ cho chính sách « *Pháp Việt hợp tác* » để chống lại lực lượng kháng chiến của dân tộc trước khi họp hội nghị Giơ-ne-vơ 1954. Cũng như thời gian trước, báo chí và các cơ quan tuyên truyền của thực dân để quốc và chính quyền tay sai đề cao thuyết « đề huề » của Phan-bội-Châu đầu phải là vô tư, không có lợi cho chúng ? Chẳng những chúng lợi dụng tác phẩm đó của Phan-bội-Châu để phản tuyên truyền mà còn cố tình xuyên tạc nguyên tác đề tặng hiệu quả nhiều hơn, đến nỗi trước kia, Phan-bội-Châu đã phải đăng báo để đính chính như sau :

« Khi tôi ở ngoại quốc có làm quyền *Pháp Việt đề huề luận* » bằng chữ Hán, nay có người dịch ra quốc ngữ, mà dịch thì có nhiều nơi không đúng ý tưởng của tôi. Lẽ ra thời trước khi dịch đề in, người dịch phải hỏi ý kiến của tôi mới phải. Song nay chuyện đã qua, tôi cũng không phản nản gì nữa. Nhưng từ nay về sau, hễ có sách vở giấy má của tôi đã làm hay sẽ làm ra, ai có muốn dịch hay chép lại đề in hay đề đăng báo thời xin hỏi tôi trước đã » (*Thực nghiệp dân báo* số ra ngày 20-1-1926).

Điều đó chứng tỏ kẻ địch đã ra sức lợi dụng sai lầm của cụ Phan như thế nào rồi. Không phải ngẫu nhiên mà ngày nay Phan-xuân-Hòa lại ca ngợi bản đàn lạc điệu ấy, trong lúc đồng bào miền Nam cũng như nhân dân cả nước đã nhận thức sâu sắc ai là bạn ai là thù và đương chữa mọi mũi nhọn vào đế quốc Mỹ và tay sai của chúng.

Để làm sáng tỏ hơn vấn đề này, chúng tôi xin nhường lời cho chính tác giả « *Pháp Việt đề huề luận* » tự nói về cái khinh suất, lầm lẫn của mình.

« ... Tháng hai năm mậu ngọ (1918), Lê Dư ở trong nước sang gặp tôi ở Hàng-châu ; danh từ bốn chữ « Pháp Việt đề huề » thoáng qua tai tôi lần này là lần thứ nhất. Hần bảo chính

sách của Toàn quyền Xa-rô khác với chính sách của các toàn quyền trước, hẳn lại nói: Xa-rô là người đảng Xã hội, chủ nghĩa xã hội rất mâu thuẫn với chính sách thực dân của Pháp, hẳn kẻ ra một trang chính sách của Xa-rô, như là lập trường học, sửa đổi bộ luật mới của Bắc-kỳ, cho người nước ta lập hội, kết xã như hội « khai trí tiến đức » v.v... Trước tôi cũng tin nhưng nghĩ nếu thật như thế, thì mình tương kế tựu kế, chưa hẳn không có đất xoay xở. Tôi đem việc này bàn với Bá-Ngọc. Vì lúc ấy bên cạnh tôi, nói về phần cùng làm việc lâu năm, đã từng mạo hiểm giúp tôi, có nhiều thành tích thì không ai bằng Bá-Ngọc. Mà lần này Lê Dư sang lại cùng Bá-Ngọc giao kết rất là gần bó. Bá-Ngọc sốt sáng dlu dất Lê Dư đã đến cực điểm, tôi không thể biết được. Bá-Ngọc nói: « Muốn thành được công việc to lớn, không thể không có mưu mô xảo trá, bây giờ bác làm một bài lý luận chuyên nói Pháp Việt đề huề thì hai bên đều có lợi. Người Pháp xem sách này cho là ý chỉ đảng ta đã hòa hoãn, họ không chú ý đến đảng ta nữa. Ta có thể phái người về trong nước cùng người Pháp giao thiệp trao đổi ý kiến để làm gián điệp cho đảng ta, như thế thì tình hình của Pháp ta có thể xét đoán được, mà việc bí mật ở trong nước người ở ngoài nước cũng có thể biết được ». Nghe lời Bá-Ngọc kể ra cũng phải nên tôi tin theo, tôi cho rằng hẳn không có lý gì phản cha bán nước. Tôi mới làm một bài trường thiên nhan đề là « Pháp Việt đề huề luận » dưới ký tên là « Độc tỉnh tử », soạn xong, Bá-Ngọc viết lại, cuối cùng viết thêm mấy chữ « Phan-bá-Ngọc phụng thư ». Bá-Ngọc viết thêm 5 chữ này là có dụng ý xảo quyết. Lê Dư mang sách này về nước. Rồi khoảng 4, 5 tháng nữa thì người con yêu quý của ông Phan-đình-Phùng đã nghiễm nhiên thành ra con chó săn ngoan ngoãn của bọn râu xồm rồi ! (1).

Cụ Phan-bội-Châu cũng tự cho mình là « khinh suất » mất cảnh giác. Đó là một sự lầm lẫn lạc hướng đáng tiếc trong cả quá trình đấu tranh cách mạng của cụ Phan. Lúc bấy giờ cụ Phan mới ở tù ra, bờ ngõ trước thế sự, mà phong trào trong nước đang trầm xuống. Trong lúc đó, bên trời Tây, đế quốc Pháp đang thắng Đức liên tiếp, cái thế của bọn thực dân ở Đông-dương được củng cố hơn trước. Trong phút cùng quẫn, cụ Phan quả có ít nhiều dao động về mặt tư tưởng, lại bị bọn chó săn chim mồi vây bủa, quyến rũ, cho nên cụ đã mắc mưu địch. Cuộc đời của người chiến sĩ lần đầu tiên có thái độ khoan nhượng với kẻ thù ! Tuy sau này cụ đã bác bỏ thuyết « đề huề » với giặc và vẫn tiếp tục tinh thần chiến đấu không mệt mỏi, nhưng dù sao, việc ấy cũng là

một tý vết trong cả lịch sử vẻ vang của người chiến sĩ dũng cảm.

Về tác phẩm « Thiên hồ Đễ hồ ! » của Phan-bội-Châu

Đây cũng là một tác phẩm của Phan-bội-Châu mà các « nhà nghiên cứu » ở miền Nam thường nhắc tới, đồng thời cũng có nhiều sai lạc cần phải đính chính. Nguyễn-thượng-Huyền, người đã từng « sống chung với cụ Phan suốt một năm trời từ 1924 — 1925 » gần đây đã viết một bài « hồi ký » khá dài nói về « Cụ Phan-bội-Châu ở Hàng-châu » đăng ở tạp chí *Bách khoa* số 73 — 74 (tháng 1 và 2-1960) ngoài việc tự đề cao mình là xuất dương sang Tàu đến Hàng-châu với mục đích đi theo chủ tôi là Mai-Sơn Nguyễn-Thượng-Hiền », còn nhầm vu cáo một số nhà cách mạng chân chính của ta lúc đó hoạt động ở Trung-quốc, đề rồi tự bào chữa cho mình tội làm mật thám tay sai của thực dân Pháp, thủ phạm việc chỉ điểm bắt cụ Phan-bội-Châu hồi tháng 5-1925 ở Thượng-hải. Trong bài « Hồi ký » này, y cũng có đề cập đến tác phẩm « Thiên hồ Đễ hồ ! » của cụ Phan viết năm 1923 như sau :

« Từ khi đến Hàng-châu, thấy giáo hội tin lành làm nhiều công cuộc giáo dục và xã hội có vẻ khả quan, cụ nhận định rằng đạo tin lành tốt hơn công giáo, nên khi viết cuốn *Thiên hồ Đễ hồ !* cụ cực lực công kích công giáo ở Việt-nam mà khen ngợi đạo tin lành ở Trung-quốc, đồng thời cụ chủ trương nước ta nên bỏ công giáo mà theo tin lành. Bốn chữ *Thiên hồ Đễ hồ !* mà cụ đặt tên là theo cụ giảng « Thiên chúa hay Thượng đế ? » Cũng tức là công giáo hay tin lành ? »

Đây là một sự xuyên tạc Phan-bội-Châu một cách trắng trợn. Thi đây, xin ghi lại những lời của cụ Phan-bội-Châu viết về thời gian làm « biên tập viên » cho *Bình sự tạp chí ở Hàng-châu*. Trong quyển *Phan-bội-Châu niên biên* ghi rằng: « Trong thời gian này, những trứ tác gửi về nước có mấy loại là: *Dư cứu niên lai sở tri chí chủ nghĩa*, *Y hồn đan*, *Thiên hồ Đễ hồ !* » Cụ Phan còn chua thêm: « Ba loại sách này đều là những cuốn nhỏ để mang đi cho tiện. Về cuốn *Thiên hồ Đễ hồ !* thì cực lực công kích chính sách giặc Pháp, nội dung chia ra 3 chương lớn :

1. Tuyên truyền tôn giáo để ngấm tiêu diệt người nước ta ;
2. Đặt ra pháp luật chính trị để ngấm tiêu diệt chủng tộc người ta ;

(1) *Phan-bội-Châu niên biên*. Bản dịch, tr. 186 — 187.

3. Giáo dục nhồi sọ để ngấm tiêu diệt chủng tộc người ta» (1).

Thật ra rõ như ban ngày. Giấy trắng mực đen còn đó, thế mà Nguyễn-thượng-Huyền lại bảo là Phan-bội-Châu «khen ngợi đạo tin lành ở Trung-quốc», «chủ trương nước ta nên bỏ công giáo mà theo tin lành»! v.v...

Đó là «hồi ức» của cụ Phan khoảng năm 1910, chép rõ ở tập *niên biểu*. Ba nội dung cụ chép đó cũng phù hợp với tác phẩm «*Thiên hồ Để hồ!*» (Trời ơi! Chúa ơi!) mà chúng tôi có trong tay. *Thiên hồ Để hồ!* là một tác phẩm viết bằng chữ Hán, in trên khổ giấy 13x19. Phần chính quyển sách dày 55 trang, ngoài ra còn có thêm 5 trang gồm một «lời đề», một bức ảnh tác giả và ba bài tựa. Tác phẩm này do «Văn minh ấn thư cục» ở tô giới Pháp tại Thượng-hải in và do «Việt-nam Đông kinh Trung-hưng quán» (Thượng-hải) phát hành hồi tháng 2-1923. Trên bìa sách còn ghi thêm 3 chữ «phi mã phẩm». Trang đầu của sách là «lời đề». Trang tiếp là ảnh tác giả chụp năm 1923. Rồi đến lời tựa thứ nhất của Hồ-Thích viết; lời tựa thứ hai của Thẩm Quân-Nho viết; lời tựa thứ ba của Cảnh Đình-Thành viết.

Tiết thứ nhất là: Vài lời nói đầu.

Tiết thứ hai là: Tinh thần của tôn giáo gia-tô nhằm tiêu diệt lãnh thổ và nòi giống nước ngoài.

Tiết thứ ba là: Chính trị của thực dân Pháp nhằm ngấm tiêu diệt nòi giống của nước ngoài.

A. Giáo dục ngấm tiêu diệt nòi giống nước ngoài.

B. Pháp luật ngấm tiêu diệt nòi giống nước ngoài.

C. Thủ đoạn đặc biệt ngấm tiêu diệt nòi giống nước ngoài.

D. Chế độ quan lại ngấm tiêu diệt nòi giống nước ngoài.

Tiết thứ tư: Kết luận (2).

Nội dung tác phẩm *Thiên hồ Để hồ!* nhằm vạch trần âm mưu thâm độc của bọn thực dân Pháp lợi dụng tôn giáo gia-tô để tiêu diệt lãnh thổ và nòi giống nước ngoài, đặc biệt là vạch trần âm mưu chính trị thể hiện qua các chính sách giáo dục, pháp luật và những thủ đoạn đặc biệt khác nữa để ngấm ngấm tiêu diệt nòi giống nước ngoài. Trong suốt cả sáu chục trang sách, chúng tôi không hề thấy tác giả viết một câu nào gọi là nhận định «đạo tin lành tốt hơn công giáo», cũng không hề có ý nào «khen ngợi đạo tin lành ở Trung-quốc» và chủ trương «nước ta bỏ công giáo theo tin lành» như Nguyễn-thượng-Huyền bịa đặt. Đến ngay cái tên sách «*Thiên hồ Để hồ*» cũng chẳng có nghĩa gì là «Thiên chúa hay Thượng đế».

«Công giáo hay Tin lành» như Nguyễn-thượng-Huyền tự ý mình gán cho rồi bảo đó là giải thích của Phan-bội-Châu! Đối chiếu tác phẩm với những «hồi ức» của Nguyễn-thượng-Huyền trong bài «cụ Phan-bội-Châu ở Hàng-châu», chúng ta không khỏi thắc mắc và đặt nhiều câu hỏi: Tại sao Nguyễn-thượng-Huyền lại bịa đặt và xuyên tạc một loạt sự kiện như vậy? Mặc dù hết sức khôn khéo, ẩn nấp dưới hình thức một bài «hồi ký», «căn cứ ở óc nhớ» Nguyễn-thượng-Huyền cũng không che giấu được tâm địa đen tối của y. Mặc dù đã rào trước đón sau rằng: «có sao nói vậy, không hơn không kém», rằng «để làm tài liệu chân thật cho người khác tham khảo (1) trong khi viết sách hoặc viết bài về cụ Phan-bội-Châu hay là lịch sử Việt-nam ở hải ngoại», thì những cái gọi là «sự thật» mà Nguyễn-thượng-Huyền đưa ra đây cũng không lừa bịp được ai. Chân tướng mặt thâm tay sai đế quốc của y, chúng tôi sẽ nói rõ thêm ở phần sau.

Nhân nói về tác phẩm *Thiên hồ Để hồ!* của Phan Thị Hán (tức Phan-bội-Châu), ở *tạp chí Bách-khoa* số 174 ra ngày 1-4-1964 vừa rồi, ông Nguyễn-hiến-Lê khi giới thiệu bài tựa thứ nhất của *Thiên hồ Để hồ!* của Hồ-Thích mà ông vừa «phát hiện» được, ông chưa dám chắc đây là một tác phẩm của Phan-bội-Châu, đã đến «hỏi một ông bạn có nhiều tài liệu về cụ Phan» và được ông bạn kia cho biết «*Thiên hồ Để hồ!*» gồm 3 chương xét về tác hại diệt quốc của: 1. Một vài tôn giáo, 2. Pháp luật chính trị, 3. Chế độ giáo dục dưới thời cai trị của thực dân Pháp».

Ông Nguyễn-hiến-Lê cũng tin những lời giải đáp của ông bạn ấy «rất phù hợp với nhận xét của họ Hồ trong bài tựa đề ngày 8-1-1923». Kỳ thực, ông bạn ấy vì không có văn bản trong tay, nên chỉ nhớ lờ mờ bồm và nói mò mà thôi. Trong bài tựa này, Hồ-Thích có lược trích một vài chi tiết cụ thể trong tác phẩm của cụ Phan để bình luận (chẳng hạn điều 67 của Hình luật An-nam). Ông Nguyễn-hiến-Lê lại không tin, đi hỏi một vị thẩm phán nào đó về chi tiết kia. Vị thẩm phán trả lời «không có điều đó trong hình luật» và chưa thêm: «đó có lẽ chỉ là do một nghị định nào đó của thực dân mà thôi». Thế là cả ông bạn thẩm phán này cũng không nhớ luật, đi đến chỗ «nghĩ vẩn» cả cụ Phan, rằng «có lẽ» nhớ lầm.

Không, cụ Phan không nhớ lầm. Trong quyển «*Thiên hồ Để hồ!*», cụ Phan đã trích đầy đủ lời văn điều luật đó và có ghi cả nguyên văn

(1) *Phan-bội-Châu niên biểu*. Bản dịch, tr 194.

(2) *Thiên hồ Để hồ!* Bản dịch Việt văn của chúng tôi, sắp xuất bản.

tiếng Pháp nữa (1) «*Đệ lục thập thất điều*: Phạm thiết âm mưu đi phạm đệ lục thập nhị điều, đệ lục thập tam điều chỉ trọng tội giả, ứng xử dĩ phóng trục chi hình. Nhị nhân dĩ thượng thương nghị kỷ hành vi. Vị chi âm mưu. (nguyên văn ở trang 28).

(Nghĩa là: *Điều 67*. — Phạm đặt ra âm mưu đề phạm vào những trọng tội nói ở điều 62 và 63 sẽ xử vào tội phóng trục. Hai người trở lên bàn tán với nhau thì gọi là âm mưu).

(«*Art.67. — Tout complot formé dans le but de parvenir aux crimes mentionnés dans article 62 et 63, sera puni de la peine du bannissement. Il y a complot dès que la résolution d'agir est consentée entre deux personnes au moins*»).

Đây là một trong những điều cụ thể của luật hình mà Phan-bội-Châu dùng để chứng minh việc chính phủ Pháp đặt ra «*Pháp luật đề ngấm tiêu diệt nội giống nước ta*». Đối với thứ luật pháp ấy, Phan-bội-Châu đã phê phán: «*đó đều là những cạm bẫy sẵn sàng, chúng đặt sẵn để hãm nhân dân Việt-nam vào tròng. Như nói: «bày đặt cơ mưu», «kế hoạch», rồi lại nói «đặt ra âm mưu», những thứ danh từ hàm hồ ấy rất dễ vu thác, vì chúng không đợi phát hiện ra sự thực, không cần có bằng chứng rõ ràng, chỉ bảo là «có mưu» là «kế hoạch» là có thể ghép tội được ngay. Thế là so với cái luật «phúc phỉ» (2) khi trước còn hà khắc hơn... Điều mà người ta không thể hiểu được là: Hai người bàn bạc đã gọi là «âm mưu» đem xử ngay vào trọng tội. Hãy thử nghĩ trong khi hai người bàn bạc, miệng người này nói, tai người kia nghe thì do đâu mà biết được đó là âm mưu phương hại trị an? Hai người bàn bạc mà đã khép vào trọng hình thì phép nhà Tần «hai người đem kinh sách nói chuyện với nhau là đem chém đầu bêu ra chợ» dữ dội không thể hơn được!» (3).*

Sở dĩ chúng tôi dẫn thêm một số câu trên đây trong tác phẩm *Thiên hồ Đế hồ!* cốt là để các «*nhà nghiên cứu*» ở miền Nam thấy rõ nhà ái quốc chân chính Phan-bội-Châu khi trình bày biện bạch một vấn đề gì cũng dựa trên những tài liệu rất cụ thể, rất xác đáng, chứ không hồ đồ tùy tiện. Đó cũng là một điều đáng để cho mọi người cầm bút suy nghĩ về trách nhiệm của mình khi cầm bút.

Về vấn đề Phan-bội-Châu bị bắt

Việc Phan-bội-Châu bị bắt ở Thượng-hải hồi tháng 5-1925, vì sao mà bị bắt bất ngờ như vậy, và do ai chỉ điểm?... thì tất cả những ai quan tâm đến cuộc đời hoạt động của cụ đều đã rõ. Vậy mà có một số người viết sách báo ở miền Nam hiện nay vẫn lại vô tình hoặc cố ý (phần

lớn là cố ý) đã đưa ra đủ mọi giả thuyết, thậm chí đã dám khẳng định những điều xuyên tạc, vu cáo trắng trợn về sự thật đã hai năm rồi mười đó.

Ông Thế Nguyên trong cuốn *Phan-bội-Châu (thân thế và thi văn)* đã dẫn theo báo *Cải tạo* số đặc biệt kỷ niệm Phan-bội-Châu (30-10-1918) ở Hà-nội do Đào-trình-Nhất làm chủ nhiệm, nói rằng âm mưu chính trong việc bắt Phan-bội-Châu là Lâm-đức-Thụ (4). Đặc biệt trong giả thuyết cho «*Lâm-đức-Thụ là người chủ mưu bán nhà cách mạng Phan-bội-Châu cho người Pháp*» tác giả đã đề lộ một chi tiết, rằng: khi cụ Phan từ giả Hàng-châu đi Thượng-hải để đáp tàu thủy về Quảng-châu dự lễ kỷ niệm đệ nhất chu niên ngày tuần tiết của liệt sĩ Phạm-hồng-Thái có Nguyễn-thượng-Huyền đi cùng. Vậy mà khi biện bạch chứng giải việc chỉ để bắt cụ Phan, những người theo chủ trương cho là Lâm-đức-Thụ chủ mưu đã tâng lờ việc Nguyễn-thượng-Huyền xuất hiện trong đoạn đường đi đó! Còn Nguyễn-thượng-Huyền thì lại được thể nhân đó mà ra sức chối rằng «*lúc cụ Phan về Thượng-hải, Huyền còn bận học Anh văn ở Triết-giang chuyên tu học hiệu*»...

Về việc ai bắt cụ Phan, trong bài Hồi ký «*Cụ Phan-bội-Châu ở Hàng-châu*», Huyền nói, sở dĩ người ta nghi oan cho Huyền làm chỉ điểm là vì «*Khi đến Hàng-châu có Trần-đức-Quý (là một tên mật thám của Pháp) cùng đi*», và «*lúc bấy giờ những người hoạt động cách mạng ở Trung-quốc như Hồ-ngọc-Lâm, Tân Anh... đã nghe theo lời Lâm-đức-Thụ bảo rằng y «bắt» cụ Phan, y cho đó là «nói dựng đứng» và biện bạch quanh co một chập rồi y kết luận «sự thực tuyệt đối không phải tôi «bắt». Đồng thời y trút tất cả tội lỗi đó cho Lâm-đức-Thụ.*

(1) Tất cả những điều luật Phan-bội-Châu trích dẫn trong *Thiên hồ Đế hồ!* đều có chú thích tiếng Pháp.

(2) Phúc phỉ: Phỉ báng ở trong bụng. Đời Hán, Nhan Ri chậm thi hành một chiếu lệnh của vua. Trương Thang tâu vua rằng: Nhan Ri miệng không nói nhưng bụng chê bai, thế là «*phúc phỉ*» nên khép vào tội tử hình. Từ đấy nhà Hán đặt ra tội «*phúc phỉ*» — C.T.

(3) *Thiên hồ Đế hồ!* Bản dịch Việt văn của Chương-Thâu, chưa xuất bản.

(4) Xem báo *Cải tạo* số 25. Tác giả bài báo ký tên là XXX. Về giả thuyết này được ông Bùi-Đình, tác giả quyển *Vụ án Phan-bội-Châu*. Nhà xuất bản Tiếng Việt Hà-nội 1950 nhắc lại ở mục viết «*Ái là kẻ đã bán nhà cách mạng Phan-bội-Châu cho người Pháp?*», và khẳng định là Lâm-đức-Thụ.

Lập luận của y cũng giống như XXX trong báo *Cải tạo* số 25, rằng Lâm-đức-Thụ là người chủ mưu bắt cụ Phan, dùng Phan-bội-Châu làm « vật hy sinh » để lấy thưởng của thực dân Pháp để có tiền cho tổ chức cách mạng hoạt động ! Y còn dẫn lời Cường-Đề năm 1939 nói là « Lâm-đức-Thụ đã tự nhận hẳn là người bắt cụ Phan. Khi xử án ở Hà-nội (1925) đã trở nên một cuộc tuyên truyền gián tiếp có ảnh hưởng rất lớn và rất hay cho phong trào cách mạng Việt-nam. Lâm-đức-Thụ ở Quảng-châu thường khoe đó là « công » của hẳn ».

Về việc này, khi tung ra bài « hồi ký » này, Nguyễn-thượng-Huyền tưởng đánh lừa được công luận, hòng làm cho mọi người hiểu rằng mình là cách mạng, thậm chí y cũng định đánh lừa cả độc giả của Phan-bội-Châu nữa. Y nói : « Về phần cụ Phan thì mãi đến lúc viết cuốn « *Tự phán* » năm 1929 (!) Cụ vẫn không ngờ hay là không nghĩ ra người bắt cụ chính là người *gửi tiền* cho cụ làm tiền lộ phí từ Hàng-châu về Quảng-châu ». (Chúng ta chú ý thêm chi tiết *gửi tiền* này)

Đọc đến đây, người ta có cảm tưởng là vì có trong tay quyền *Tự phán*, nên Nguyễn-thượng-Huyền « nói đúng » sự thật. Sự thực thế nào, xin mời bạn đọc đọc những giòng sau đây của chính cụ Phan-bội-Châu viết ở quyền *Phan-bội-Châu niên biểu* (mà Nguyễn-thượng-Huyền gọi là « *Tự phán* » ấy) :

« Ngay trước khi Méc-lanh (Merlin) chưa du hành sang Nhật, đi qua Hương-cảng Quảng-đông đến Hoành-tân, Đông-kinh... tên trưởng cục trình thám Đông-dương là Nê-rông đã thả từng đàn chó săn ở vùng Hương-cảng, Quảng-đông và Thượng-hải như bọn Trần-đức-Quý, Nguyễn-thượng-Huyền và còn nhiều tên khác nữa. Phàm chỗ nào có đảng viên ta ở, là chúng theo chân nổi gót, không rời một bước nào » (1).

Như vậy là Nguyễn-thượng-Huyền đã hiện nguyên hình là một tên mật thám của thực dân Pháp. Chi tiết sau đây nữa mới thật lột hết mặt nạ của y, bóc trần chân tướng làm tay sai cho giặc của y. Cụ Phan viết rất rõ ràng rằng :

« Trước kia tôi ở Hàng-châu vẫn phải mua ngân phiếu của Đức gửi sang Béc-lanh để làm học phí cho anh Trần-trọng-Khắc hiện học ở đây. Mỗi năm tôi phải lên đi Thượng-hải hai lần vào tháng Sáu và tháng Chạp. Lần này vì việc truy điệu Phạm liệt sĩ, nên tôi đi trước một tháng. Ngày 11-5, tôi đến Thượng-hải, định mua ngân phiếu xong thì đáp tàu đi Quảng-đông. Từ Thượng-hải đến Quảng-đông đi thuyền phải mất 5 ngày. Lúc tôi ở Hàng-châu ra đi có đem theo 400 đồng bạc bằng tiền Trung-hoa là số tiền mua ngân phiếu để

gửi anh Trần-trọng-Khắc. Còn như việc đem hết những thời khắc đi đường và hành động những gì để mật báo với người Pháp thì lại là một người cùng ở chung nhà với tôi mà đã được tôi nuôi dưỡng là Nguyễn-thượng-Huyền, tôi không thể nào biết trước được.

Nói về tên Nguyễn-thượng-Huyền ; lúc nó mới đến Hàng-châu, nó cùng đi với tên Trần-đức-Quý, tôi đã có ý ngờ, nhưng nghe nói nó là cháu ông Nguyễn-thượng-Hiền, giỏi chữ Hán, đã đỗ cử nhân, chữ tây chữ quốc ngữ đều khá, vì yêu tài của nó, nên tôi dùng làm thư ký. Còn việc nó làm chó săn cho giặc Pháp thì thực tôi không đoán trước được » (2).

Điều mà cụ Phan « không ngờ » là « không ngờ » rằng một người như cử Huyền lại làm tay sai cho giặc, chứ không phải là « không ngờ » hay « không nghĩ » như Huyền nói.

Nhưng chưa hết, Nguyễn-thượng-Huyền trong bài « hồi ký » của mình còn nhằm một mục đích đen tối thâm độc hơn là vu cáo một số nhà cách mạng chân chính khác hoạt động ở Trung-quốc lúc đó. Nhưng tất cả những lời vu cáo của một tên làm chó săn cho giặc đã bị bắt « quả tang » còn có hiệu nghiệm gì ngoài việc làm cho mọi người thấy rõ thêm bộ mặt ghê tởm của một kẻ trước kia là tay sai của thực dân Pháp mà ngày nay là tay sai của đế quốc Mỹ !

Còn quan hệ giữa cụ Phan với đồng chí Nguyễn-ái-Quốc và tình cảm quý mến của cụ đối với đồng chí Nguyễn-ái-Quốc thế nào thì những văn kiện sau đây đã chứng rõ : Trước đây, trong các tác phẩm của Phan-bội-Châu, mỗi khi nhắc đến Nguyễn-ái-Quốc đều tỏ ra hết sức trân trọng. Chẳng hạn ở quyền *Truyện Phạm-hồng-Thái* (1925) cụ Phan-bội-Châu đã viết : « Nguyễn quân từ Pa-ri về .. sau khi chào hỏi quen biết nhau thì trở thành đôi bạn thân thiết », hoặc : « Nguyễn quân là một người nhiệt tâm cách mạng, có chân trong đảng Xã hội Pháp » (3).

Trong quyền *Phan-bội-Châu niên biểu*, cụ Phan nói mình đã thích Nguyễn lúc Nguyễn mới lên 10. Cụ Phan nhắc lại rằng, khi Phan ngâm hai câu thơ của Tuy-Viên : « Mỗi phạn bất vong duy trúc bạch. Lập thân tối hạ thị văn chương » (Dịch là : Khuya sớm những mong ghi sử sách. Lập thân hèn nhất ấy văn

(1) *Phan-bội-Châu niên biểu*. Bản dịch, tr. 195.

(2) *Phan - bội - Châu niên biểu*. Bản dịch, trang 202—203.

(3) *Truyện Phạm-hồng-Thái*. Bản dịch Việt văn của Chương-Thâu, sắp xuất bản.

chương) thì Nguyễn-ái-Quốc đã tỏ ra thích thú và đến bây giờ (tức là khi Phan-bội-Châu viết *Niên biểu*) ông (tức là Nguyễn-ái-Quốc) vẫn còn thuật lại» (1).

Từ duyên nợ văn chương, chúng ta thấy được ý chí của hai nhà cách mạng.

Những ngày trước lúc bị sa lưới giặc, Phan cũng ghi cụ thể như sau :

« Tôi nhận thấy phong trào hiện nay đã dần dần khuynh hướng về cách mạng thế giới, mới thảo luận với các đồng chí, thủ tiêu hội Quang phục, cải tổ thành « Việt-nam quốc dân đảng », bèn thảo chương trình và cương lĩnh của đảng Quốc dân Việt-nam, đưa in để tuyên bố. Nội dung chia làm năm bộ phận lớn là : bộ binh ngụy, bộ kinh tế, bộ chấp hành, bộ giám đốc, bộ giao tế. Quy mô tổ chức đại lược cũng theo như chương trình Quốc dân đảng Trung-hoa mà chậm chước thêm một ít nhiều. Đó là một thủ đoạn theo thời mà thay đổi. Sau khi đảng cương và chương trình tuyên bố chưa được ba tháng, thì ông Nguyễn-ái-Quốc ở thủ đô Nga là Mạc-tư-khoa về Quảng-dông, thường thường bàn với tôi nên sửa đổi lại. Tháng chín năm ấy, tôi rời Quảng-dông về Hàng-châu, định đến tháng năm năm ất Sửu (1925) sẽ lại trở về Quảng-dông để cùng các đồng chí trú ngụ ở đây quyết định việc này, nhưng chẳng may tôi bị bắt » (2).

Đó cũng là sự thực về tổ chức *Việt-nam quốc dân đảng* do Phan-bội-Châu định thành lập ở Trung-quốc. Việc thảo luận giữa Phan với Nguyễn chỉ cũng có thế, chứ đâu có giống như « hồi ký » của Nguyễn-thượng-Huyền.

Rồi những ngày tàn của đời hoạt động cách mạng của mình, bị an trí ở Bến Ngự, cụ Phan-bội-Châu vẫn thường tiếp chuyện những anh chị em thanh niên, những nhân sĩ trí thức lúc tới thăm hỏi cụ. Trả lời về câu hỏi « thời thế, vận mệnh quốc gia » cụ thường nói với mọi người : « Tôi tiếc nói là cách mạng nhưng trăm thất bại mà không một thành công. Nước nhà sau này mở hội quang vinh được, độc lập hạnh phúc là phải trông nhờ vào lớp mới, nhất là lại có ông Nguyễn-ái-Quốc tài giỏi gấp tôi bội phần dẫn đạo thì chắc bao lâu nữa mà thành tựu » (3).

Còn về Hồ Chủ-tịch thì từ năm 1928, với tư cách là đại biểu Đông-dương đọc tham luận tại Đại hội lần thứ sáu của Quốc tế cộng sản, khi đề cập đến tình hình chính trị ở Đông-dương, Người đã nói : « Từ khi nhà cách mạng Phan-bội-Châu bị bắt ở Trung-quốc và bị đưa

về Đông-dương để xét xử, thì một làn sóng phản nô bất bình mới lan ra trong tất cả các tầng lớp trong nước. Sở dĩ như vậy không phải chỉ vì — và đây không phải lý do chính — tình thần dân tộc của toàn thể nhân dân đã thúc đẩy họ chống lại bọn đế quốc đã bắt giữ người mà họ rất tôn kính, mà còn là vì hoàn cảnh sinh sống hàng ngày càng cùng khổ và ách áp bức ngày càng đè nặng lên quần chúng » (4).

Gần đây hơn, trong bài nói chuyện tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ 3, khi nhắc đến những tác phẩm văn thơ yêu nước, Hồ Chủ-tịch đã nói đến giá trị văn chương yêu nước và cách mạng của các bậc tiền bối và dẫn chứng bằng văn thơ của Phan-bội-Châu. Người nói rằng : « Văn chương cách mạng như những thơ ca của các cụ Phan-chu-Trinh, Phan-bội-Châu và những người yêu nước khác... đã được truyền tụng trong dân gian và đã có tác dụng cổ động tinh thần cách mạng » (5).

Đối với cụ Phan-bội-Châu, nhà yêu nước chân chính suốt đời hiến thân cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, tuy chí lớn của cụ chưa thành, tuy đường lối vận động cách mạng cũng như biện pháp tiến hành cách mạng do cụ chủ trương chỉ đạo, cuối cùng đã đi đến chỗ thất bại, nhưng không phải vì thế mà chúng ta đánh giá thấp vai trò lịch sử của cụ. Những người mác-xít lê-nin-nít chân chính, mà đại biểu ưu tú là Hồ Chủ-tịch kính mến lại càng đánh giá đúng mức những cống hiến của Phan-bội-Châu cho cách mạng. Cho nên những luận điệu vu cáo bỉ đĩ của tên phản bội Nguyễn-thượng-Huyền chẳng đánh lừa được một ai. Đó chẳng qua chỉ là một tiếng « phèng la » trong cả bản « đại hợp xướng chống cộng » ở miền Nam do đế quốc Mỹ « cầm càn » mà thôi.

(1) *Phan - bội - Châu niên biểu*. Bản dịch, tr 30.

(2) *Phan - bội - Châu niên biểu*, Bản dịch, trang 201 — 202.

(3) Đây là câu trả lời của cụ Phan trả lời cho các cụ Trần-lê-Hữu, Nguyễn-đình-Ngân... Những năm 1931—1936—1939 khi các cụ này vào thăm cụ Phan ở Bến Ngự.

(4) *Văn kiện lịch sử của Đảng cộng sản Đông-dương*. Đã đăng ở tạp chí *Học tập* số 2-1961.

(5) Xem Tập san *Nghiên cứu Văn học* số tháng 1-1963.

Trên đây chúng tôi chỉ mới bước đầu nêu một vài vấn đề tài liệu tương đối phổ biến đã dẫn dụng trong một số sách báo nghiên cứu về Phan-bội-Châu ở miền Nam hiện nay. Trong số mấy chục tác giả viết về những vấn đề có liên quan đến cụ Phan-bội-Châu mà chúng tôi đọc được, có nhiều vấn đề tinh tế hơn vượt ra ngoài phạm vi sử dụng tài liệu, nhất là những vấn đề dính dáng đến việc nhận định đánh giá cụ Phan-bội-Châu, chúng tôi sẽ còn có dịp trở lại trong một bài viết sau này.

Tuy chỉ mới lược cử ra một số vấn đề như trên, chúng ta đã có thể thấy được thực chất nền nghiên cứu học thuật nói chung và nghiên cứu Phan-bội-Châu nói riêng ở miền Nam hiện nay như thế nào. Trừ một số tài liệu tương đối khách quan, còn đa số đều nhằm một mục đích chính trị nhất định. Họ sẵn sàng bóp méo sự thật lịch sử, gò vào cho đúng với yêu cầu của một đường lối chính sách phản động nhất định. Thậm chí chính ông Phạm-dình-Tân, chủ nhiệm *Tuần báo Văn đàn* là một tờ báo văn học, xã hội, thời sự, trong cuộc tọa đàm « đi tìm một chi hướng » hồi tháng 4-1963, phiên họp này có cả chủ tịch quốc hội miền Nam là Trương-vĩnh-Lễ và bộ trưởng công dân vụ là Ngô-trọng-Hiếu dự, đã phải thú nhận rằng:

« Người ta vẫn bảo nhau : « Làm báo nói láo ăn tiền ». Lời này có phần quá đáng nhưng cũng có một phần sự thực. Vì không những ở Việt-nam mà từ ngay các nước tiền tiến, người ta vẫn còn thấy những người không biết trọng ngòi bút, không nhớ đến sứ mệnh cao quý của nghề nghiệp mình ».

Đó cũng chính là trường hợp của số đông tác giả viết về Phan-bội-Châu mà chúng tôi đã dẫn ở trên, nhất là Nguyễn-thượng-Huyền, Nghiêm-xuân-Hồng. Tất nhiên, không phải là « vơ đũa cả nắm ». Ở đây, chúng ta không nhìn hễ người nào cầm bút làm cái việc gọi là « nghiên cứu học thuật » ở miền Nam hiện nay đều là với động cơ đen tối cả. Có người vì lý do này, vì lý do khác buộc phải ẩn giấu đi một ít sự thực đáng nói đáng vạch trần ra, thì âu đó cũng là một trường hợp đau lòng.

Vấn đề Phan-bội-Châu hiện nay vẫn còn là một đề tài hấp dẫn. Ở miền Bắc, theo chỗ chúng tôi biết, đã sưu tập được tương đối đầy đủ những tài liệu gốc về Phan-bội-Châu. Những tài liệu này đang chờ dịp trao đổi rộng rãi với các bạn nghiên cứu ở miền Nam.

Tháng 5-1964

Hai nước Việt-nam và Trung-quốc...

(Tiếp theo trang 1)

là tình hữu nghị thông thường giữa hai dân tộc, mà còn là tình hữu nghị của đôi bạn chiến đấu chống một kẻ thù chung là đế quốc Mỹ. Trên quan điểm này, nước bạn Trung-quốc coi Việt-nam ta chẳng những là tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á, mà hiện nay còn là tiền tuyến chống đế quốc Mỹ và bệ lữ của chúng để bảo vệ thành quả của hậu phương, kẻ cả đại lục Trung-quốc. Những ngày gần đây, từ khi đế quốc Mỹ xâm phạm miền Bắc nước ta, ngoài những lời tuyên bố của chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, một khẩu hiệu được nêu lên ở khắp mọi nơi trong nước là « đế quốc Mỹ xâm phạm nước Việt-nam dân chủ cộng hòa là trực tiếp xâm phạm Trung-quốc ». Khẩu hiệu này đã nói lên mối liên hệ hữu cơ giữa hai nước Việt-Trung và còn cảnh cáo đế quốc Mỹ rằng nếu chúng tiến công miền Bắc Việt-nam thì chúng chẳng phải chỉ đụng đầu với 30 triệu

nhân dân Việt-nam từ nam chí bắc, mà còn phải đương đầu với 700 triệu nhân dân Trung-quốc. Không lúc nào bằng lúc này, vận mạng của nhân dân hai nước đã hòa chung vào nhau.

Năm nay, kỷ niệm 15 năm nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, nhân dân Việt-nam coi những thắng lợi huy hoàng của bạn như của chính bản thân mình, gắn liền sự nghiệp vĩ đại của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa với sự nghiệp của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa. Nhân dân hai nước Việt - Trung, dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân đương viết ra những trang lịch sử hiện đại quang vinh của tổ quốc mình và cùng nhau viết chung những trang lịch sử hữu nghị chiến đấu giữa hai dân tộc anh em, những trang lịch sử chưa từng có trong cổ sử hay cận đại sử của hai nước.

Bắc-kinh ngày 18-8-1964.

BÀI DIỄN THUYẾT VỀ QUÂN TRỊ CHỦ NGHĨA VÀ DÂN TRỊ CHỦ NGHĨA

PHAN - CHU - TRINH

THƯA các anh em, chị em, đồng bào,
Từ khi tôi biết cái học nời đến bây giờ, thì trong trí tôi bực tức, ngấm nghĩ lấy làm lạ quá. Là vì trong xứ Á-đông này có bốn nước đồng văn, mà đều sùng cái chính thể quân chủ, đều sùng thượng nho giáo. Vậy làm sao mà từ hồi cái văn minh bên Âu châu tràn sang cõi Á-đông đến nay thì chỉ có người Nhật-bản bỏ ngay cái học cũ mà theo lối mới, thì sự giàu mạnh trông thấy liền trước mắt, chừng trong bốn năm mươi năm mà đã sánh vai với liệt cường? Còn nước Xiêm ở gần bên ta, thì nó chẳng có đạo nho gì hết, nó chỉ có đạo Phật mà thôi, mà nay nó cũng đứng vào hàng vạn quốc binh đẳng, tại làm sao mà được như thế?

— Chẳng có sự gì lạ, hễ người Anh lại nó cũng cho vào, người Pháp lại nó cũng cho vào, người Mỹ người Đức lại nó cũng dãi tử tế, để nó theo học cái hay của mấy nước đó.

Chỉ chưa ra có ba nước là nước Tàu, nước Cao-ly và nước ta, dân thì nghèo, nước thì yếu, cái phần người dốt nát thì chiếm đến 80 phần trăm. Còn gọi là thượng lưu, trung lưu, chẳng qua là trong bọn « bát cổ » (1) đã chiếm hai phần ba trong nước, thật chẳng biết cái nho học là gì, mà cũng nhắm mắt lại chê cần cái văn minh mới là mọi rợ! (Đây là tôi nói Cao-ly và Tàu, còn Việt-nam ta để tôi nói lại sau).

Nhưng mà nay cái phong trào trong thế giới nó mãnh liệt lắm: ai thuận theo nó mà đi thì thuận buồm xuôi gió, ai không thuận theo nó thì cũng bị xô đẩy mà đồ lướt đi như cỏ rác.

Vậy cho nên bọn thiếu niên Cao-ly họ đã tỉnh dậy, mới có cái hồi vận động năm 1919, làm cho Nhật-bản phải bỏ lòng hồ lang đi, mà trả cái tự do lại cho họ; nước Tàu thì có sự vận động bọn thanh niên năm 1925, làm cho liệt cường thế nào cũng phải lấy sự công bình mà đối đãi lại với họ.

Khốn nạn thay cho cái dân tộc nước Việt-nam ta, đến bây giờ trong dân tộc mà gọi là các ông nho học tức là các ông có học được ít chữ Tàu, mà nhất là các ông đã đậu được cử nhân tiến sĩ; các ông đó tôi dám chắc rằng không hiểu nho giáo là gì hết; vậy mà mở miệng ra thì cứ đem nho giáo ra để làm chỗ dựa, đề bài bác cái văn minh kim thời,

tức là cái văn minh mà các ông tuyệt nhiên không hiểu được một chút nào cả.

Còn nói về các anh thiếu niên tân học, trừ ra có đôi anh tự cái sức thông minh của mình mà tìm kiếm ra thấy được nhiều ít, kỳ dư thì chỉ theo cách học cũ: mong kiếm lấy cái chức phẩm gì, hay là coi cho rộng để viết lách khoe khoang mà thôi. Không có ông nào chịu đem cái sự học của Âu tây để so sánh lại với cái học cũ của ta, xem điều gì hay, điều gì dở cho người ta xét đoán mà tìm lấy đường tiến tới về sau.

Tôi xin lỗi các anh chị em đồng bào, cái đề mà tôi lựa đề diễn thuyết bữa nay, quân trị chủ nghĩa (tức là nhân trị chủ nghĩa 人治主義), dân trị chủ nghĩa (tức là pháp trị chủ nghĩa 法治主義), cái đề mục đó thật là lớn lao quá, không phải là sức tôi có giải quyết ra cho mình bạch được. Muốn giải quyết ra cho mình bạch thì phải tìm về Âu Á lịch sử chính trị học và chính trị triết học, mới có thể nói ra cho tinh tường được.

Các anh em tôi có lạ gì tôi: cái học về đường lịch sử chính trị Tàu thì tôi cũng hiểu được ít nhiều, còn về đường tây học thì thật là kém lắm. Nhưng mà tôi cũng ráng hết sức đem cái việc mà tôi đã biết xin nói ra để anh em nghe, còn các việc gì cao xa không thấu, thì để phần ông nào hiểu hơn tôi diễn giải ra cho anh chị em rõ.

* * *

Nói về cái lịch sử quân trị chủ nghĩa

Cuộc quân chủ đến ngày nay thì cũng như một cái hoa tàn lá héo phất phơ trong đời bây giờ.

Xem như trong một cõi Á-đông này — không kể những ông vua đã mất nước rồi mà những nước mạnh họ chỉ để làm con nộm, con bù nhìn để dân bốn xứ — thì chỉ có vua Xiêm

(1) Bài kinh nghĩa có tám vẻ, thường gọi là văn bát cổ, bọn bát cổ tức là những người học đi thi cử ngày xưa.

và vua Nhật đủ quyền phép đáng xưng là ông vua mà thôi. Âu châu bây giờ dân chủ đã đến 14 nước mà quân chủ chỉ sót lại có 12 nước. Còn bên Mỹ châu thì chẳng có một nước nào quân chủ. Vậy thì ta có thể nói quyết rằng: trong trái đất này chỉ có 8.000 triệu người, mà số dân có vua thì không được một phần trong số mười.

Về vương thay cái oai quyền quân chủ! Gớm ghê thay cái dục vọng của quân chủ! Đang hồi thượng cổ, trung cổ dân chúng còn bèn yếu ngu dốt, cho nên bắt cầu loài dân nào cũng phải có cái quyền quân chủ để bao bọc cho dân, dạy dỗ cho dân, che chở cho dân; đang cái thời đó thì quân chủ thật là một vị thuốc rất hay cho loài người hồi đó.

Khốn nạn thay cái tính loài người; thấy người ta tôn trọng mình bao nhiêu thì mình lại thêm kiêu hãnh bấy nhiêu; thấy người ta kính nể mình bao nhiêu thì mình lại càng tự thần tự thánh bấy nhiêu; thấy người ta chiều chuộng mình thì mình lại muốn ngồi lên đầu người ta! Không những thế, lại muốn truyền cho con cháu đời này qua đời khác, như cái gia tài riêng của mình. Đất muốn cho ai thì cho như là bán ruộng, còn dân thì làm như bợn mọi vậy.

Ta thử xem từ xưa đến nay, bất cứ vua nào, hề cướp được nước lên làm vua thì tìm đủ cách để truyền cho con cháu cho lâu dài, mà rốt cuộc lại họ nào lâu lắm thì ba trăm năm, còn mấy họ vẫn thì năm mươi năm thôi. Cái cuộc đó thì ở Á ở Âu gì cũng như thế cả. Nhưng mà ở Âu châu thì đến thế kỷ mười bảy, mười tám, các bậc hiền triết ra xướng lên cái chủ nghĩa dân quyền. Mấy ông vua nào hung dữ chuyên chế, phản đối lại cái phong trào dân chủ thì bị nhào cả; còn anh nào điều hòa với dân thì còn ngoắc ngoải đến bây giờ.

Về cái vấn đề này thì tôi cốt chỉ cho rõ cái quan trị chủ nghĩa bên Á-đông này thật không phải là gốc tự nho giáo. Tôi xin chỉ vẽ rõ ràng cái tư tưởng sai lầm từ xưa đến nay cho anh em chị em đều hiểu.

Cứ theo các ông triết học Âu châu bàn về lịch sử nhân loại: kể từ loài người mới sinh, rồi làm sao mà có gia trưởng, làm sao mà có tù trưởng, làm sao rồi thành vua thành chúa; cứ nói như thế thì mất hết thì giờ, mà các ngài ngồi nghe cũng vô ích. Vậy cho nên tôi cứ sử Tàu mà cắt nghĩa để các ngài dễ hiểu hơn.

Tàu thì tôi cứ nói từ vua Hoàng đế. Vua Hoàng đế là một ông vua mạnh nhất ở Tàu. Từ ở núi Côn-lôn (phía tây nước Tàu) tràn xuống phía bắc Tàu, rồi đánh với dân bản xứ Tàu là dân Hữu-miêu ở miền Dương-tử-giang,

giết được tướng nó là Xuy-Vưu; ông ta thật là một ông vua lớn của nước Tàu. Nhưng vậy mà đến khi ông Không-tử làm sách, ngài không muốn đề tên ông Hoàng đế đầu, vì ông ấy thượng binh thượng võ lắm. Ngài chỉ chép từ vua Nghiêu vua Thuấn mà thôi. Vì hai ông vua ấy không có lòng gì muốn làm vua hết, chỉ bị các nước chư hầu bắt buộc, họ bầu cử lên mà thôi, cũng nổi nghiệp ông Hoàng đế đi đánh Hữu-miêu, nhưng trong một tháng không được thì rút binh về để lo sửa việc học hành, dạy dỗ dân mà thôi.

Đời đó thì bày ra những lời dạy dân có ngũ luân, làm ra lịch có ngày tháng, thì giờ, cho tiện người làm ruộng, đặt ra cân, ra thước, ra lường cho tiện dân buôn bán, bày ra có áo xiêm, có lễ phục v.v... còn nhiều nữa tôi không có thể kể ra đây cho hết được. Đây các ngài nghe cho rõ: cái dân tộc Á-đông mà có nho giáo ra là từ hai ông ấy. Nên ông Không xưng là «tổ thuật Nghiêu Thuấn». Thầy Mạnh nói cũng chỉ khen Nghiêu Thuấn. Mà bây giờ ở nước ta những ông có học được một hai chữ Tàu, hễ mở miệng ra là nói đạo nho cũng vì cái lịch sử mờ mờ đó.

Đây tôi xin nhắc lại cái đời Nghiêu Thuấn, lúc đó thế nào? — Cái đời đó vua Nghiêu vua Thuấn chẳng qua là một anh thủ lĩnh của đám tù trưởng ở trong dân tộc Trung-hoa hồi đó mà thôi.

Cứ theo cái dấu tích lịch sử mà suy, thì lúc đó chư hầu nước Tàu có ít cũng là đến 15 ngàn nước; về sau trong hai trăm năm rồi vua Võ hội chư hầu ở Đê-sơn còn lại một vạn nước, tính theo số đó, thời đó, thì không sai sót mấy. Vậy thì cái nghi về và cái quyền lợi của thiên tử hồi đó ra thế nào? — Thiên tử cũng ở trong một nước nhỏ như các nước chư hầu vậy thôi, chỉ có lập ra triều nghi để cho các chư hầu triều cống. Cái quyền to nhất là cái quyền được tế trời đất, còn chư hầu chỉ được tế những núi, những sông ở xứ mình mà thôi. Thiên tử có đi xem xét ở các nước chư hầu thì chư hầu phải đón rước. Thiên tử được cử người lên làm quan, có tội thì phạt, có công thì cũng được phong làm chư hầu.

Vậy thì nói lược lược qua đó, anh em chị em đủ biết ông thiên tử cũng như ông tổng lý hội Vạn quốc đời nay. Chỉ có được lễ triều cống, được cầm quyền chinh phạt, là theo cái số nhiều chư hầu mà phạt nước này thưởng nước kia

Thương hại thay các ông học chữ Tàu, nghe nói cái tên Nghiêu Thuấn thì các ông tưởng là nhà ngũ-phụng-lâu, cỡi xe lục-long-xa, tướng là cũng ra vào hò hét như các vua ta bây giờ. Nhưng mà ai có đọc địa dư hay là có

đi du lịch đến chốn Bình-đương Bồ-hải, thì mới biết rằng cái kinh đô của hai Ngai bằng hai cái thành con bây giờ, nghĩa là không đầy hai ba dặm vuông.

Từ đó vua Võ nối vua Thuấn, truyền ngôi cho con trị những nước chư hầu lớn mà cứng đầu nhất, nghĩa là nó muốn giành ngôi thiên tử: như là đời ông Võ thì giết ông Phòng-Phong, đời ông Khải thì giết Hữu-Hộ, đời ông Thiếu-Khang thì giết Hậu-Nghệ ở nước Hữu-cung. Ấy tôi tạm đặt đó là cái thời kỳ thứ hai của thiên tử.

Từ đó về sau đến 400 năm, đến đời ông Kiệt. — Ông Kiệt thì tôi không cần nói những cái lỗi của ông ấy ra, các ngài cũng đã hiểu rồi. Đến khi đó thì các nước chư hầu không phục ông Kiệt, mới tôn ông Thang là vua một nước chư hầu nhỏ nhất làm đầu, mà đánh đuổi ông Kiệt đi, rồi thay vào ngôi thiên tử. Cái việc đã mấy nghìn năm rồi, có thật hay không không biết, nhưng mà tôi cũng cứ thuật lại mà nghe: Khi ông Thang đã được chư hầu cử lên làm thiên tử, thì ông cáo với dân và các nước chư hầu rằng: « Ông lấy cái sự đuổi vua Kiệt đó làm then, nhưng vì ông muốn cứu dân nên phải ra làm ». Tuy ông nói thế nhưng chư hầu cũng cứ tôn ông lên ngôi thiên tử. Ấy là cái oai quyền thiên tử tấn tới về bước thứ ba.

Từ sau con cháu ông đến sáu bảy vua giỏi nối nhau làm vua, truyền đến 600 năm. Đến đời ông Trụ, dân không phục nữa mới mất nước. Hồi ấy dân ông Trụ ba phần thì đã hai phần phục theo ông Văn-vương rồi, thế mà ông Văn-vương cũng không chịu đuổi Trụ, đến đời con ông Văn-vương là ông Võ-vương mới giết ông Trụ mà lên làm vua. Đến hồi đó thì trong sự đánh dẹp, thấy tập luyện cũng đã ghê gớm lắm rồi, thấy quân lệnh cũng nghiêm trang, binh giáp cũng dữ dội, cũng lấy giết người chảy máu nhiều làm danh giá, bắt được tướng giặc thì cũng chặt đầu bêu lên, cũng đã làm cách đã man như lối bây giờ vậy. Cho nên ông Khổng-tử khen ông Văn-vương là chỉ đức, chê ông Võ-vương là vị tận thiện là thế.

Từ ông Võ đến đây là hơn một nghìn năm, ông tức là vua đầu nhà Hạ. Khi ông lên làm vua thì dưới quyền ông còn hơn một vạn nước; đến hồi vua Thang nhà Thương đuổi vua Kiệt, thì còn mấy nước chư hầu sử không thấy nói. Đến đời ông Võ-vương nhà Chu đánh ông Trụ thì thấy chư hầu không hạn mà tới hội được 800 nước. Vậy thì trong độ một nghìn năm mà tuyệt mất hơn 9.000 nước. Đời ông Võ-vương nhà Chu thì oai quyền to lắm, nên có thể nói rằng đến đời này là cái oai quyền thiên tử tấn tới bước thứ tư.

Bây giờ tôi xin nói tóm lại: Khổng, Mạnh và Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Võ, tức là những ông đã làm ra cái gương để cho các vua đời sau gọi là nho giáo đó. Ta phải xem xét cái thời thế phong tục của các vua đời sau so lại với nho giáo thì có giống chút nào không?

Từ sau Võ - vương giết vua Trụ, dân đã không phục, duy có đời vua Văn, vua Võ, vua Thành, vua Thang, thì dân phục mà chư hầu cũng phục. Đến đời vua U vua Lệ thì dân nó nổi lên giết các vua ấy. Rồi ngôi thiên tử của nhà Chu từ đó mà mất theo. Một đoạn lịch sử tốt đẹp như Tàu từ Nghiêu Thuấn cho đến Văn Võ, thật như là cái khí mùa xuân, như là cái ánh sáng mặt trời êm ái, ai thấy mà không khen ngợi. Ai thấy mà không ước ao. Vậy cho nên đức Khổng thầy Mạnh nhân đó mà lập ra cái đạo để bình trị thiên hạ thì cũng phải lắm.

Lạ thay, qua đến đời Xuân thu là nửa đời Chu thì năm nước Bá ra, chẳng cần gì đạo đức nhân nghĩa như trước cả, chỉ lấy cái giả dối thay nhau, còn thiên tử chỉ để cái hư hiệu mà thôi. Từ lúc đó thì còn được 300 nước; hơn một trăm năm nữa rồi chỉ còn bảy nước; không đầy một trăm năm nữa thì rút cuộc lại thống nhất về nhà Tần.

Về cái thời này tôi mới cắt nghĩa cái quân trị chủ nghĩa tức là nhân trị chủ nghĩa

Ông Tần Thủy-hoàng khi mới lên làm vua thì ông làm cái gì? Ông đặt ông là ông vua đầu; ông truyền cho đến muôn nghìn đời về sau; ông sợ dân khôn nên ông đốt sách; ông sợ học trò chống cãi lại nên ông chôn sống học trò; sợ đề gươm giáo trong dân gian nhiều thì dân nó nổi giặc, nên ông phá ra đúc làm tượng để chơi; phá mấy cái thành cao, lấp mấy cái ao sâu, không cho dân dựa đó mà chống lại nhà nước. Lại tin cái câu sấm « Vong Tần giả hlo » mà bắt cả dân già trẻ đi đắp cái Vạn-lý-trường-thành, khổ não biết bao nhiêu. Cái mối loạn phát ra từ đó.

Ông làm như thế thì ông tưởng có cái gì mà sợ nữa. Ông làm ra cái cung điện A-phòng, bỏ vài ba nghìn con gái đẹp vào để chơi. Ông làm ra cái lăng Li-sơn dài ba bốn dặm, có đường cách đạo, trùng thành; còn nhiều cái sang đẹp nữa. Ông lấy chữ « trẫm » để cho một mình ông hoàng để được xưng mà thôi.

Đời xưa hễ xưng « hoàng » là « hoàng » xưng « đế » là « đế », khi trước đạo nho lấy « vương » là quý, ông chỉ để phong cho đầy tớ mình mà thôi.

Sung sướng đáng bao nhiêu, chưa đầy 13 năm đã bị thằng Triệu-Cao nó giết, rồi thiên

hạ lại vào tay nhà Hán, quân chủ lại vào tay nhà chuyên chế khác nữa.

Đó! xin các ngài nghe rõ một khúc này nữa.— Nay những ông nho học ở nước ta, các ông yêu mến đạo nho mà các ông ghét nhà Tần biết bao nhiêu; vì các ông thấy nhà Tần bội đạo nho. Nhưng mà vua của các ông có xấu thế nào các ông cũng cứ vi với Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Võ, chứ không khi nào các ông vi với vua Tần. Nhưng mà các anh em thử nghĩ xem — vua mà xưng «trẫm» là theo đạo nho hay là theo Tần? Vua mà xưng là «hoàng đế» thì theo đâu? Vua mà có luật giết ba họ người thì có phải theo Tần không? Vua mà dám đục ở trong cung với hàng trăm hàng nghìn cung nữ, có phải là bất chước theo Tần không? Vậy mà ông vua nói mình theo đạo nho; tự ông nói vậy là phải; các quan ninh theo vua thì họ nói theo cũng là phải đi, bọn đó không kẻ; còn các ông đồ giả cũng rần gân cổ lên mà cãi rằng:

Vua mình theo đạo nho!

Triều đình mình sùng đạo nho!

Nước nhà mình theo đạo nho!

Dân mình theo đạo nho!

Vậy thì đạo nho ở đâu?

Do nhà Hán đến nhà Đường, do nhà Đường đến nhà Tống, do nhà Tống đến nhà Nguyên, do nhà Nguyên đến nhà Minh, do nhà Minh đến nhà Thanh, nghĩa là trong độ 2.200 năm đó, cách chính trị của nhà Hán cũng không có cái gì rộng rãi công bình; nhưng Hán cũng còn hơn Đường, Đường cũng còn hơn Tống, Tống cũng còn hơn Nguyên, Nguyên cũng còn hơn Minh, Minh cũng còn hơn Thanh, Xét cái lịch sử quân chủ ở Á-đông này thì chúng ta biết rằng từ Tần Thủy-hoàng về sau, các nước nói theo đạo nho đó kỳ thật trong nước không có thi hành một chút đạo nho nào, chỉ còn sót lại một hai điều ở trong gia đình mà thôi. Kỳ dư là những điều mấy ông vua chuyên chế dựa vào đạo nho để đè nén dân.

Cách chuyên chế ở Á-đông khéo hơn Âu châu thế nào?

Vua Âu châu ở xứ thượng võ, cho nên làm cái gì cũng hung hăng mà ngay thực, cho đến sự độc ác cũng vậy. Lúc trước muốn đè nén dân thì phải thông đồng với Giáo hội, bày đặt ra nói ông vua là ông Thần Trời, thay mặt cho Thần Trời, hay là Thần Trời hóa thành ra; nghĩa là ông vua không phải một loài, với dân thì dân phải tôn kính ông vua. Nhưng mà những cái lễ đó là cặn cùng giả dối, chỉ có phỉnh dân ngu được một lúc mà thôi, cho nên sau rồi ở Âu châu cái dân quyền càng mạnh chừng nào thì quân quyền càng xếp lại chừng

nấy. Vua Á-đông thì họ không làm như thế. Họ lựa ở trong cái lời nói của ông Khổng ông Mạnh, hoặc ở trong sách cổ những câu nói có nhiều nghĩa để họ dựa vào đó; họ lập ra pháp luật để bó buộc cai trị dân; cái ngôi vua thì gọi là con Trời, nhưng họ cũng cứ xưng họ là người, chẳng những họ không đứng ra ngoài cái hàng bà con của dân mà họ lại đứng vào cái hàng thân thiết của dân, như là ta nói «quân, sư, phụ», lại thường nói «vua, cha, chồng». Dù ở chốn hương thôn dốt nát không biết ông vua là thế nào, nhưng mà họ thấy đứng vào hàng cha, thầy, chồng, thì họ cũng cho đứng vào đám thân thiết. Dân ngu thì họ cứ kính, cứ yêu, chứ họ có biết đâu đến hồi giận của ông vua thì ông giết cả ba họ người ta. Mà còn ông cha, ông thầy, ông chồng, thì có làm ích cho ta, chứ có khi nào làm hại làm ác như thế. Còn khi cha mẹ ta đẻ ta ra, thì đói, no, sống, chết, thế nào cũng ở trong tay cha mẹ ta, nào ông vua có biết đến đâu. Thế mà đến hồi tuổi ta lông lộng lớn lên thì đánh một tiếng là «tôi trời con vua». Ông vua muốn cho sống thì được sống, ông vua muốn cho chết thì phải chết, ta không có thể chối cãi lại được, là nghĩa lý gì?

Dân bên Âu châu thượng võ, cho nên dòng quý tộc chư hầu phải có võ công mới lên được, mà đã lên được thì khó mất lắm. Còn bên Á-đông này, cái cách quý tộc lại chuộng thi văn, mà trong thi văn đó ai đậu mới được làm quan, ai không đậu thì thôi, bên quan võ thì chỉ hồi có giặc là hồi khai quốc mới có người tài thật, kỳ dư thi võ chức chỉ là để thưởng cho những người dốt nát. Thi dụ như một người đi lính, dù dốt nát mấy nhưng mà đi lính từ 20 tuổi đến 50 tuổi, thì thế nào cũng lên được chức lãnh binh, đề đốc, hưởng được cái mùi phú quý ít năm, nghĩa là mình ăn ở miễn cho người ta đừng ghét là được. Ấy là cái mưu quân chủ rèn tập cái trí dân ở Á-đông làm cho khờ khĩnh. Ta thì dụ nước ta đã mất nước mấy mươi năm rồi, mà đến kỳ thi ai cũng khi khúm lo cho đậu được một chút mới thôi. Hễ đậu được thì cho là mỡ mà ông cha có phúc. Còn người có thể hay là có tiền thì cũng vác đi lo làm quan, cũng kiếm một cái hư hàm. Chứ chúng ta đi ra Hà-nội, ra Huế, ta thấy những là bọn mang thẻ bài ngà nó đi đung đầu với nhau, còn một bọn thì đang vác tiền đi lo, thì ta cho là một bọn điên cuồng ngu dại, ta không biết cái óc chúng nó ra thế nào, nhưng mà ta biết rằng cái giống đó là giống đã gieo mầm từ các đời vua trước đã mấy nghìn năm rồi.

Nói tóm lại, cái cách chuyên chế ở Á-đông này là tôn lên mấy lời tà thuyết, như là câu «lột lòng mẹ ra đã phải chịu cái nghĩa vua

lỗi». Nhưng mà ta có biết rằng « quân thần dĩ nghĩa hiệp » là nghĩa làm sao? Vậy cho nên có người họ chán, họ bỏ đi ở ẩn, thì bọn chuyên chế nó lại lập ra cái luật « hữu tài bất vi quân dụng » nghĩa là có tài mà không cho vua dùng, nó lập ra cái luật « yêu quân », nghĩa là nể vua, để mà phạt bọn người ấy. Nó sợ rằng dân biết chính trị nhiều thì dân nổi lên cách mạng, cho nên nó cấm học trò và dân không được nói đến chính trị. Hết thấy những cách chuyên chế đó, nghĩa là họ bảo dân rằng: « Mày muốn làm gì làm, nhưng đừng động đến cái ngôi vua của con cháu tao ».

Có hay đâu giữ khéo thì dân trong nước không động đến ngôi vua của con cháu họ thật, nhưng mà ngoại quốc đến lấy thì dễ như chơi, bởi vì dân « nó ngu ! » nó không biết nước là cái gì cả. Ta thử xem cái gương nhà Tống trước thì mất với Liêu, rồi sau mất với Kim, rồi sau mất với Mông-cổ. Còn nhà Minh thì mất với Mãn-châu, Cao-ly thì mất với Nhật, Việt-nam thì mất với Tây.

Thương hại thay trong hai nghìn năm các nhà vua chẳng ngó chi đến cái lợi hại dân tộc, chỉ lo tính toán mà đè nén cái trí dân, để mà giữ chặt cái chìa khóa tử sát ngôi thiên-tử cho con cháu mình. Nhưng mà có hay đâu, dân đã ngu thì nước phải yếu, vua quan lại ngênh ngang tham những nữa, như thế tất loạn, loạn thì ngôi vua mất. Nếu dân ngu quá, yếu quá, không đủ dấy loạn được, thì các nước khác nó tràn vào, ấy là cái lẽ tự nhiên, làm gì thế nào cũng không khỏi mất. Cho nên xưa nay cái ngôi vua thay đổi luôn, cũng như cái ghế hạng nhất ở rạp hát vậy.

Cái quân chủ lợi hại thế nào?

Vậy bây giờ ta tóm lại để coi cái lợi hại về quân chủ ra thế nào, thì ta thấy bất câu là Á, là Âu, là xứ nào, dân tộc nào mà lập thành nước để đến bây giờ, là đều nhờ những anh hùng hào kiệt đời xưa, họ ra cầm đầu cho dân, ngoài thì đối phó với các dân tộc khác, trong thì sửa sang lại việc hòa bình ở trong nước. Những cái công đức của các ông đó ta cũng nên khen ngợi, đáng ghi nhớ, chứ không phải không. Còn cũng có dòng dân, trước còn đứng được, sau lại không có anh hùng hào kiệt đứng ra chống chọi, thì lại bị nước khác nuốt mất. Xem vậy thì cái lợi của quân chủ ở đời thượng cổ, quý không gì bằng. Tuy các ông cũng có mưu vẽ lợi riêng, nhưng chúng ta cũng có thể tha thứ cho được. Còn cũng có một cái dịp dùng cái quyền quân chủ rất tốt, như nước Nhật, nước Xiêm, khi nước Âu châu mới qua thì dân còn ngơ ngáo không biết gì, thế mà nhờ trên có ông vua anh hùng, dưới

có các quan tài trị, đem đường chỉ lối cho dân tấn tới lại càng mau. Vậy thì cũng là một sự hay. Còn từ đó sắp sau, chỗ nào dân không thể nhờ được dịp đó thì cái quân chủ là một đồ vô dụng.

Ta xem bên Tàu 30 năm trước, vua Quang-Tự đã hạ chiếu duy tân, vì có một người thiếp của cha, mê trai tham của, không chịu thay đổi chính trị, chẳng những làm cho dòng vua Mãn-châu mất, mà làm cho Tàu đến nay hãy còn khốn đốn. Vua Cao-ly, bên vợ thì duy tân, bên cha thì thủ cựu, đánh nhau mãi, giết nhau mãi, rút cuộc lại, cha mẹ thì bị ở tù, vợ thì bị giết, mình thì hai tay bưng nước đưa cho Nhật, rồi bị cách chức!

Nhắc qua đến ông vua nước ta là ông Tự-Đức mà đến bây giờ mấy anh quan già và mấy anh đồ già còn ca tụng là « thánh quân », khi người Tây mới qua, quan binh thì cũng có như ông Nguyễn-tri-Phương, ông Võ-trọng-Bình xin đánh, mà nói có muốn đánh thì phải xuất tiền đi ngoại quốc mua súng ống về mới có thể đánh được. Nhưng mà ông vua ấy có tính thương tiền tiếc bạc, cứ muốn chôn dưới đất, chẳng muốn đem mua cái gì cả, ông trả lời với các quan binh rằng: « Các anh muốn đánh thì đánh, nhưng mà nếu các anh đánh không hơn thì các anh mới đề mẹ con trầm vào đâu? » Làm ép cho mấy ông quan võ như là ông Võ-trọng-Bình bỏ về, còn ông Nguyễn-tri-Phương để cho Tây bắt, rồi không ăn mà chết. Cũng có người học thức như ông Nguyễn-trường-Tộ, khuyên vua đạo qua bên Tây, xem xét cái văn minh của họ rồi cho người qua học; các quan văn cũng có nhiều người xin thế, mà ông vua trả lời rằng: « Nhật nó là dòng mọi, Xiêm nó là dòng mọi; mọi thì nó học với mọi được, chứ như ta là con thần cháu thánh, lẽ nào ta lại đi học với mọi hay sao? ».

Thôi! Tôi không đoán cái hay cái dở của ông vua đó, để các ngài nghe rồi các ngài sẽ đoán xét các ông vua đó là ông vua gì. Mẹ con ông chết thì có chỗ chôn còn mẹ con hai mươi triệu bơ vơ đến bây giờ đó thì sao? Bọn mà ông cho là mọi rợ thì bây giờ nó đã tấn tới hết cả. Hai mươi triệu khi xưa không đến mọi rợ mà bây giờ chẳng những hóa ra mọi, mà lại hóa ra tôi đòi hèn hạ nữa!

Quân trị tức là nhân trị (người trị người)

Đây hãy nói tóm lại quân trị tức là nhân trị. Quân trị chủ nghĩa tuy có pháp luật mặc lòng, nhưng mà pháp luật cứ tự tay ông vua lập ra, chứ còn dân thì không biết gì hết. Vậy cho nên khi nào gặp một ông vua thông minh anh hùng, hiểu được cái sự quan hệ giữa dân

với nước là thế nào, mà trừng trị lũ quan tham, lại những, để cho dân được yên lặng làm ăn, thì dân giàu nước mạnh, mà cái thì giờ của vua sống được bao nhiêu thì nước còn được thái bình bấy nhiêu.

Còn đến mấy ông vua hôn ám thì ông sống với đàn bà con gái, với bọn hoạn quan, còn biết gì đến nước, trao chính quyền vào trong tay mấy đứa nịnh thần, người đã hư thì nước cũng đổ thôi. Cho nên ông Khổng-tử có nói rằng: « Văn Võ chỉ chánh bổ tại phương sách, kỳ nhân tồn tắc kỳ chánh cử, kỳ nhân vong tắc kỳ chánh tức », nghĩa là cái chính trị vua Văn vua Võ còn chép ở trong sách, có người chính trị giỏi thì cái chính trị trong sách đó mới thì hành ra, nếu không có người giỏi thì cái chính trị ấy mất. Tuân-tử thì nói rằng: « Hữu trị nhân, vô trị pháp » nghĩa là có người ra làm hay, chứ không có cái phép luật nào hay được. Ông Mạnh thì kiêm cả hai ông mà nói rằng: « Đồ thiện bất túc dĩ vi chính, đồ pháp bất năng dĩ tự hành », nghĩa là có người giỏi mà không có pháp luật thì cũng không làm được chính trị; có pháp luật mà không có người giỏi thì pháp luật cũng không tự làm lấy được.

Mấy nghìn năm nay, mấy ông vua giỏi, tướng giỏi hết sức mà tránh cho khỏi cái chữ quân trị là nhân trị, nhưng mà không được, vì là lập phép này phép kia cũng tự tay vua, đến khi dập dờ đi cũng tự tay vua.

Ấy tôi nói những ông vua biết lo mà chữa cho khỏi chữ nhân trị là từ đời Tống, đời Đường sắp lên, những ông vua hiền, minh thì thế. Còn từ đó sắp xuống thì chuyển chế quá lắm. Xem thư ông Minh Thái-tổ đặt ra cái luật « hữu tài bất vi quân dụng » nghĩa là đặt ra cái luật hễ ai có tài mà không ra cho vua dùng thì có tội. Ấy là để bắt người ta phải ra cho mình áp chế hết cả, chứ không cho ai ở ăn nữa. Về đời Càn-Long lại đặt ra luật « yêu quân » nghĩa là có tài mà buộc vua phải cầu cạnh mình thì có tội. Những cái luật đó thì còn có ích gì cho dân tộc, cho nhà nước đâu, chỉ làm sưng cái óc kiêu ngạo, làm cho sưng cái xác thịt của ông « hoàng đế » đó thôi.

Vua đời xưa thì còn cầu hiền hạ sĩ, chứ vua đời sau thì cứ nằm ngửa đó, thằng nào có tài mà không ra cho tao dùng thì tao bỏ tù, thì còn gì sang trọng hơn nữa!

Từ nãy đến giờ tôi nói về cái lịch sử và triết học quân trị là nhân trị. Đây tôi xin chỉ thêm vài cái chứng thật cho anh em dễ hiểu. Nhân trị nghĩa là cai trị một cách rộng rãi hay là nghiêm khắc chỉ tùy theo lòng vui, buồn, thương, ghét của một ông vua mà thôi, pháp luật tuy có cũng như không.

Thí dụ như ông Gia-Long lấy cái luật của đời Càn-Long nước Tàu để trị dân Việt-nam; trong

cái luật đó nói rằng: « phi quân công bất hầu », nghĩa là không có công đánh được giặc thì không phong tước hầu. Vậy thì ông Nguyễn-văn-Thành phong tước hầu, và làm đến trung quân, chẳng qua là ông Gia-Long vui trí mà cho đó thôi chứ không phải ông Gia-Long có cái lòng công bình mà xét cho cái công trạng của ông ấy theo đánh giặc từ nhỏ đến lớn. Sao tôi dám nói vậy? Bởi vì sau đó con ông Thành có làm một bài thơ chơi, nghĩ cũng chẳng tội lỗi gì, mà ông Gia-Long, ông giết tới ba họ. Như vậy chẳng qua là khi cơn giận ông lên thì ông giết, chứ có pháp luật gì đâu!

Tôi nhắc qua một cái tích của ông Tự-Đức mà tôi đã nói trên kia. Năm Tự-Đức thứ 25, dân Trung phần chết đói, nhà nước đã lo phát chẩn được một ít rồi, các quan lại xin trích tiền thuế trong các tỉnh, các phủ huyện, để trữ lại trong xã thương các làng, phòng năm khác dân có đói chẳng; thì ông ta cho phép dân được đem tiền đem lúa ra nạp quyền mà lấy chức bá hộ, bát phẩm, cửu phẩm. Nhưng mà dân nó đói quá có lúa có tiền đâu mà quyền. Ông xuống dụ các quan cho dân quyền chịu đã, nghĩa là số quyền một lần một nghìn quan tiền thì cứ đóng trước đi 300 quan rồi phát bằng cho đã, chừng nào đóng đủ số tiền đó thì sẽ phong sắc cho. Còn tiền đóng thì cứ để lại cho làng ấy. Cái dụ xuống nói rõ ràng như thế. Cách một năm thì thấy cái dụ khác kể hết tiền chưa đóng và đã đóng rồi, bắt phải đem hết ra tỉnh để cấp cho lính đánh giặc. Tỉnh sức xuống phủ huyện, phủ huyện sức xuống các làng. Dân trả lời rằng vua cho phép quyền chịu, chứ không bắt đóng ngay, năm này mất mùa dân không chịu đóng, làm gì nó cũng không có mà đóng. Quan tỉnh tư bộ, bộ tâu vua, vua buộc phải làm tội hết những dân ấy. Nhưng mà trong luật Việt-nam, những cái luật tiền bạc thuộc về dân qua lại với nhà nước thì ít thấy lắm, các quan không biết theo mặt luật gì mà làm án, phải tâu lên vua hỏi phải làm án gì, thì vua bắt làm theo luật « thượng thư bất dĩ thiệt » nghĩa là chiếu theo cái luật các quan dâng thư cho vua nói về chính trị mà không thật. Quan bộ cứ đó mà làm tội. Đến khi tư về các tỉnh, người thì 6 năm, người thì 8 năm, người thì 12 năm tù. Gia dĩ đang khi đói khát, cha xa con, vợ bỏ chồng, trường quyền cái bắt cửu phẩm để lấy làm vui, hay đầu không được vui mà lại phải ở tù. Thế nên cả nhà, cả họ ai cũng lấy làm đau lòng xót ruột. May đâu cái án đó đi đến Quảng-ngãi, gặp một ông án sát, ông ấy thì giỏi luật lệ, mà có lòng thương dân, lo việc nước, (ông ấy là người Bến-tre về tỉnh Vĩnh-long, tên là Nguyễn Thông, hiệu là Kỳ-xuyên, sau lúc tỉnh mất thì ông chạy ra Phan-thiết). Ông ấy cứ từ câu mà bẻ hết cả cái án, rồi ông gửi trả lại cho bộ,

ông nói rằng: «Cái vụ này là chỉ có vua với quan nói đối dân, chứ dân không nói đối ai chút nào cả. Còn chiếu theo luật «thượng thư bất dĩ thiệt» thì không đúng vào đâu cả». Ông Tự-Đức biết mình lỗi, nhưng mà mắc cỡ, xui cho người khác kiện ông Nguyễn Thông, rồi cách chức ông đi, muốn trị tội nặng. Nhưng dân Quảng-ngãi và dân các tỉnh hết sức bênh vực cho ông ta, cho nên cũng chẳng làm hại ông được, chỉ đuổi ông ta đi mà thôi.

Đây nói lược qua một hai điều cho các ngài nghe, chứ tôi kể hết cái sử Tàu và Việt-nam thì mấy ngày cũng không hết.

Nói qua dân trị chủ nghĩa

Nay khắp cả thế giới những nước nào đã theo kịp được một ít văn minh Âu châu, hay là hiểu được một ít tư tưởng tự do, ngôn luận tự do, thì ai cũng hiểu được cái tiếng dân chủ là thế nào, hay là dân trị là thế nào.

Bên Âu châu có mấy nước quân chủ mặc lòng, nhưng nước nào cũng có đảng dân chủ ở trong thượng hạ nghị viện cả. Duy có nước ta thì như trong lục tỉnh này thuộc với Tây đã hơn 60 năm, cái chữ «République» thì nói luôn trên miệng, nhưng mà chẳng tìm kiếm nghĩa lý ra thế nào, so sánh với quân trị chính thể cũ của nước ta ra thế nào! Ấy là nói những người có ăn học, ý tôi xem hình như các ngài đoán trước rằng có quân chủ là hơn. Còn nhất là dân nhà quê, chẳng những là không biết dân chủ là gì, mà đối với vua thì thờ trên đầu như thờ thần thờ thánh; chẳng những không dám nghĩ đến sự «phải có hay là không» mà như hình có ai nghĩ đến việc đó thì phải bị sét đánh, đá dằn, voi chà, ngựa xé. Khi nào nghe nói bất luận là ông vua nào, nghe qua thì trong lòng đã vui mừng hơn hở, nghĩa là ông ấy chắc là mình trông cậy được; rất dõ là mới đây việc thăng Phan-xích-Long còn xảy ra trong xứ này. Vậy mới biết rằng cái độc quân chủ vào trong óc dân ta sâu quá, mà cái trình độ của dân ta cũng thấp quá, chỉ một người mà nói: «Mấy phải trùng với người này, phải kính người này», thì nó mới hiểu. Mà nếu cứ nói ra cái tên nước Việt-nam mà rằng: «Ấy là nước ông cha mày, mày phải thương», thì tay nó không rờ được, mắt nó không trông thấy được, thì nó không thể làm thế nào mà nó thương được. Vậy thì cứ trừ ra một cái nhà, một cái vườn, vài mẫu đất, nội chỗ con mắt nó thấy đó thì nó thương mà thôi. Đã mấy năm nay tôi thường thấy nhà báo hay nhà diễn thuyết, hễ mở miệng ra thì nói nước có hai mươi triệu quốc dân, trong cái giọng nói thì như hình có danh giá, có sự khoe khoang, có sự tin cậy. Nhưng mà tôi nghĩ trong 20 triệu ai cũng biết có nhà mà không biết có nước; như thấy trong cái nhà nào trong lúc rủi ro

có 5, 3 thằng con trai bị chết tuyệt tự, hay nhà nào nhiều ruộng đất mà bị kiện thừa, hay là bị con ham cờ bạc, thì xúm lại nói ồn ào khắp dân gian, cho là việc quan hệ nhất ở trong xứ này. Còn nói đến việc «mất nước» thì chẳng ai mơ màng vào đâu. Một dân tộc mà nó đối với nước lơ lảo lẹo như thế cũng khổ nạn thật! Dân như vậy mà muốn bỏ vua đi mà lập ra dân quốc, chắc trong các ngài có ông cũng lấy làm lạ. Nhưng mà tôi nghĩ rằng vì cái độc quân chủ nó giết hẳn cái lòng ái quốc của dân Việt-nam ta, bây giờ muốn cho dân Việt-nam ta biết nước là của chúng nó, thì phải đem cái tội bù nhìn đó vất hết cả đi, thì nó mới có thể tìm kiếm cái nước đó là nước của ai. Mà nói giống ta thông minh, có lẽ một ngày kia sẽ gặp thấy rằng ở trong cái miếng đất mấy nghìn năm lưu truyền lại đây, cái quyền lợi của nó hãy còn nhiều, cái quyền phép của nó cũng có nhiều; rồi nó sẽ hiểu rằng xưa nay người mà gọi rằng vua quan đó, chẳng qua là người thay mặt làm việc cho nó, nếu làm không xong thì nó đuổi đi cũng không có lỗi gì.

Khi nào dân đã hiểu như thế thì nó mới biết thương nước. Mà nó có biết thương nước thì một ngày kia mới mong tự do độc lập được, chứ không thể thì cứ đời đời làm tôi mọi mãi.

Sao gọi là dân chủ?

Câu này ở Âu châu thì không cần phải cắt nghĩa cho nhiều, nhưng mà ở trong xứ mình thì tôi cắt nghĩa mau mau để cho người ta hiểu cái đại lược.

Lịch sử.—Bất cứ là dân nước nào, số người học thức cũng là phần ít cả, thường thường nhờ cái đảng thượng lưu, trung lưu điều dắt nó đi, ấy là lẽ thường. Nhưng mà duy có dân Âu châu khác với dân ta có một việc: là từ khi bắt đầu mới khởi ra thì họ cũng sùng trọng quân chủ. Nhưng không biết thế nào đến hồi nước Hy-lạp họ lại có cái hội gọi là Trường giả hội nghị, thì do ông vua nhóm họp lại những bọn quý tộc mà lập pháp luật ban cho dân; lại có một cái hội tên là Quốc dân hội nghị, phạm những luật lệ mà ông vua cùng những người quý tộc đã đặt ra thì phải giao cho hội ấy xem có bằng lòng thì mới được làm. Sau đến nước La-mã thì có hội nghị «Một trăm người» thì lấy trong quân lính mà sắp đặt ra hội ấy, phạm xứ ấy có việc gì lỗi thời thì hội ấy bàn. Còn sau đến hồi dòng vua La-mã đã mất rồi, thì có một cái hội «La-mã nguyên lão viện», lại một hội, «La-mã bình dân viện». Cho nên sau khi La-mã đổi làm đế quốc chuyên chế mà cái phép La-mã cũng phát đạt luôn luôn. Bây giờ các nước đầu đầu cũng bắt chước La-mã cả.

Trong một lối tư tưởng mọi Nhật-nhĩ-man tràn xuống phá La-mã đế quốc, các nước Âu châu được độc lập hết cả, thì cái chính thể hội nghị ấy đã mất đi đến mấy trăm năm.

Lạ lùng thay người nước Anh còn giữ lại được những cái hội gọi rằng « Nhân dân hội nghị » « Liên giả hội nghị », hai hội ấy đều là vua nhóm những kẻ tài trí trong dân gian để giao cho cái quyền « lập pháp ». Đến nay thành ra cái hạ nghị viện của Anh bây giờ, mà đến thế kỷ mười bảy mười tám, lại truyền bá ra cả lục địa Âu châu. Ấy là nói lược qua cái lịch sử dân quyền Âu châu.

Đây tôi xin nói qua chính thể dân chủ là thế nào ?

Bây giờ bên Âu châu, trừ nước nào dân còn ngu dại, còn thì đều theo chính thể dân chủ.

Đây tôi nói về cái chính thể bên Pháp — Ở trong nước có một hạ nghị viện là viện quan hệ nhất. Số nghị viên thì trên dưới sáu trăm. Dân đúng 21 tuổi trở lên thì ra bầu cử. Dân 25 tuổi trở lên thì được ra ứng cử. Được cử rồi thì gọi là hạ nghị viện. Cái số phận của nước Pháp cầm ở trong tay cái hội ấy; hội ấy thì chủ quyền để lập pháp luật. Thử nữa có một nguyên lão nghị viện. Cái viện ấy lại không phải dân cử. Các hội đồng ở các tỉnh, các hội nào mà nhà nước đã nhận có cái nhân cách, và những người làm việc nhà nước thì được ra ứng cử. Hội ấy thì để coi về việc tiền bạc.

Khi nào bắt đầu đặt tổng thống, hay là thiếu mà đặt lại, thì hợp số người trong hai viện ấy lại mà bỏ thăm. Người ra ứng cử cũng là ở trong hai viện ấy. Ai được nhiều thăm thì làm tổng thống. Khi tổng thống đã được bầu cử rồi, thì phải thề trước mặt hai viện ấy rằng: « Cứ giữ theo hiến pháp dân chủ, không phản bội, không theo đảng này chống đảng kia, cứ giữ công bình, nếu có làm bậy thì dân cứ trục xuất ngay ». Trước thì có Mac Mahon, sau thì có Milerand bị cách chức, cũng vì phạm hiến pháp.

Còn chính phủ thì cũng bởi trong hai viện ấy mà ra. Nhưng mà giao quyền cho đảng nào chiếm số nhiều ở trong hai viện ấy thì được tổ chức Quốc vụ viện (tức là Chính phủ, tòa Nội các). Theo Quốc vụ viện bây giờ chừng đâu cũng đến vài chục bộ, nhưng mà không phải ăn rồi ngồi không, vênh vênh lên đó như mấy ông thượng thư ta đâu. Ông nào cũng có trách nhiệm ông ấy cả. Nếu cái gì mà làm không bằng lòng dân, thế nào cũng có người chỉ trích. Bởi vì ở trong hạ nghị viện thế nào cũng có hai đảng, một đảng tả, một đảng hữu; nếu cái đảng tả chiếm số nhiều mà cầm quyền trong nước thì đảng hữu xem xét chỉ trích, cho nên có muốn làm bậy cũng khó lắm.

Trong nước đã có hiến pháp, ai cũng phải tôn trọng hiến pháp. Cái quyền Chính phủ cũng bởi hiến pháp qui định cho, lười biếng không được, mà dẫu muốn áp chế cũng không chỗ nào thò ra được. Và lại khi có điều gì phạm đến pháp luật, thì người nào cũng như

người nào, từ ông tổng thống cho đến một người nhà quê cũng đều chịu theo một pháp luật như nhau.

Các quan chức về việc cai trị chỉ có quyền hành chính mà thôi, còn quyền xử đoán thì giao cho các quan án là những người đã học giỏi luật lệ, có bằng cấp. Các quan án thì chỉ coi về việc xử đoán, có quyền độc lập, cứ theo lương tâm công bình, chiếu theo pháp luật mà xử, xử Chính phủ cũng như xử một người dân. Các quan án ở về một viện riêng, gọi là viện tư pháp.

Quyền tư pháp cũng như quyền hành chính của Chính phủ, và quyền lập pháp của nghị viện, đều đứng riêng ra, không hiệp lại trong tay một người nào.

Đây là nói sơ lược mà thôi, muốn hiểu kỹ cái chính thể dân trị thì phải chuyên môn mới được.

Xem vậy thì biết dân trị tức là pháp trị (lấy phép mà trị người). Vì rằng quyền lợi và bổn phận của mỗi người trong nước đều có pháp luật chỉ định rõ ràng, không khác gì là đã có đường gạch sẵn, cứ trong đường ấy mà đi tự do, muốn bước tới bao nhiêu cũng không ai ngăn trở, chỉ trừ khi nào xâm lấn đến quyền lợi của người khác thì không được. Vì đối với pháp luật thì mọi người đều bình đẳng, không có ai là quan ai là dân cả.

* * *

So sánh hai cái chủ nghĩa quân trị và dân trị, thì ta thấy chủ nghĩa dân trị hay hơn cái chủ nghĩa quân trị nhiều lắm. Lấy theo ý riêng của một người hay là của một triều đình mà trị một nước, thì cái nước ấy không khác nào một đàn dê, được no ấm vui vẻ hay là phải đói rét khổ sở chỉ tùy theo lòng của người chăn. Còn như theo cái chủ nghĩa dân trị, thì tự quốc dân lập ra hiến pháp luật lệ, đặt ra các cơ quan để lo việc chung cả nước, lòng quốc dân muốn thế nào thì làm thế ấy. Dù không có người tài giỏi làm cho hay lắm, cũng không đến nỗi phải đói đầu khốn nạn làm tội mọi một nhà, một họ nào.

Xét lịch sử xưa, dân nào khôn ngoan biết lo tự cường tự lập, mua lấy sự ích lợi chung của mình, thì càng ngày càng bước tới con đường vui vẻ. Còn dân nào ngu dại, cứ ngồi yên mà nhờ trời, mà mong đợi trông cậy ở vua ở quan, giao phó tất cả những quyền lợi của mình vào trong tay một người, hay là một chính phủ muốn làm sao thì làm, mà mình không hành động, không bàn luận, không kiểm xét, thì dân ấy phải khốn khổ mọi đường.

Anh em chị em đồng bào ta đã hiểu thấu các lẽ, thì phải mau mau góp sức lo toan việc nước, mới mong có ngày cất đầu lên nổi.

Bàn về

CHỦ NGHĨA CẢI LƯƠNG PHAN-CHU-TRINH

TÔ - MINH - TRUNG

Bài dưới đây, chúng tôi nhận được của bạn Tô-minh-Trung từ lâu. Chúng tôi lược bỏ những đoạn không cần thiết và nhất là những đoạn về tiểu sử Phan-chu-Trinh. Kỳ sau chúng tôi sẽ đăng bài của bạn Hưng-Hà gửi cho chúng tôi từ tháng 12-1963.

Tạp chí NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

Về Phan-bội-Châu, các nhà nghiên cứu lịch sử cũng đã bàn bạc khá nhiều. Riêng về Phan-chu-Trinh, ở miền Bắc, chúng ta cũng đã được đọc kỹ trong quyển *Phan-bội-Châu và Phan-chu-Trinh* của nhà sử học Tôn-quang-Phiệt nhưng nếu nói về « Chủ nghĩa cải lương Phan-chu-Trinh »

thì chưa được bàn một cách có hệ thống.

Để đóng góp một phần nhỏ vào lịch sử cận đại Việt-nam, chúng tôi mạnh dạn phát biểu ra đây những suy nghĩ chưa thật đầy đủ của mình về « Chủ nghĩa cải lương Phan-chu-Trinh ». Rất mong được sự chỉ dạy của các nhà nghiên cứu lịch sử.

I. THỜI ĐẠI LỊCH SỬ NÀO ĐÃ GIÚP CHO PHAN-CHU-TRINH ĐI THEO CHỦ NGHĨA CẢI LƯƠNG?

Như lịch sử đã cho chúng ta thấy, vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản thế giới đã chuyển sang chủ nghĩa đế quốc. Và từ đó, chính sách xâm lược thuộc địa đã trở thành « món ăn thường xuyên » trong đường lối đối ngoại của các nước tư bản phương Tây. Cũng trong lúc này, Đông Nam châu Á đã trở thành mỗi ngon của các đế quốc Anh, Hà-lan, Tây-ban-nha và Pháp. Các đế quốc phương Tây đã biến các nước lạc hậu ở Đông Nam châu Á (Ấn-độ, Nam-dương, Đông-dương...) trở thành những nước vựa thuộc địa, vựa phong kiến.

Ở châu Á, lúc này có một sự kiện nổi bật nhất là nước Nhật-bản bước lên vũ đài chính trị của chế độ tư bản. Nước Nhật cũng theo gót các đế quốc phương Tây, đi cướp Đài-loan (1874), Triều-tiên (1894) và tiến hành cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905).

Chiến thắng Lữ-thuận trong cuộc chiến tranh với Nga của Nhật-bản hồi 1904 - 1905 đã gây cho những người ái quốc ở phương Đông hy vọng theo con đường Nhật.

Trong khi chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang chủ nghĩa đế quốc ở Phương Tây và ở châu Á nước Nhật-bản cũng tiến lên theo con đường đó, thì phong trào cách mạng thế giới cũng đã có những bước chuyển mới: Trung tâm của phong trào cách mạng thế giới đã chuyển từ Trung Âu sang Đông Âu, từ Đức sang Nga. Và

nước Nga đã tiến hành cuộc cách mạng dân chủ tư sản 1905 - 1907 mang một tính chất hoàn toàn khác hơn các cuộc cách mạng tư sản trước nó - cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới. Tuy cuộc cách mạng Nga 1905 - 1907 bị thất bại, nhưng theo như Lê-nin « không có một « cuộc tổng diễn tập » như năm 1905, thì Cách mạng năm 1917, cách mạng tư sản, cách mạng tháng 2, cũng như cách mạng vô sản, Cách mạng tháng 10, không thể có được ».

Tiếng nổ của cách mạng Nga 1905 - 1907 và tinh thần cách mạng theo chủ nghĩa Mác-Lê-nin ở Nga tuy đã làm chấn động cả phương Tây, nhưng nó vẫn chưa xáo động đến phương Đông lạc hậu. Vì lẽ đó cho nên Lê-nin đã nhận định rất đúng rằng: Phương Tây đã làm xong cách mạng tư sản, thì phương Đông chưa đi tới cách mạng đó (1).

Thật vậy, những cuộc cách mạng tư sản kiểu cũ ở phương Tây mà điển hình là cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789 đã qua rồi, phương Tây đã chuyển lên chủ nghĩa đế quốc rồi, giai cấp tư sản đã trở thành một giai cấp cực kỳ phản động, nó không còn đóng vai trò tiến bộ như buổi bình minh của chế độ tư bản nữa, do đó cuộc cách mạng tư sản kiểu cũ không còn phù hợp với yêu cầu lịch sử ở cuối thế kỷ XIX

(1) Xem Lê-nin *nguyên lập*, tiếng Việt, xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, q.I, phần I, tr. 67.

đầu thế kỷ XX nữa. Thế mà các nước lạc hậu phương Đông vẫn chưa vươn tới trình độ của cuộc cách mạng lỗi thời đó. Cho nên, những nhà ái quốc phương Đông (trong đó có những nhà ái quốc Việt-nam) đang như là những người đứng giữa ba đường, chưa biết đi đường nào cho thích hợp. Vì vậy tình hình thực tế của phương Đông (ngay ở trong nước mình và của các nước láng giềng) có một tác dụng quyết định đối với bước đi tìm chân lý của họ.

Những nhà ái quốc Việt-nam lúc bấy giờ phần đông đều hướng về sự «tự cường» của Nhật-bản, và họ đã coi quyển sách *Nhật-bản lom thập niên duy tân* sử là một phương thuốc hay để «trị bệnh» mất nước của dân tộc ta. Hơn nữa, ở Trung-quốc, một nước lớn sát nách với ta, nhà Mãn Thanh đã thật sự đầu hàng đế quốc phương Tây. Trung-quốc đã trở thành một nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến. Điều đó cũng đã làm cho các nhà ái quốc Trung-quốc cũng có những xu hướng hoạt động khác nhau: 1 — Có một số người kiên quyết làm cách mạng vũ trang đánh đuổi ngoại xâm, như phong trào cách mạng Thái-bình-thiên-quốc, cách mạng Tân-hợi. Nhưng vì do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan mà họ bị thất bại, cho nên tầm gương cách mạng đó chưa thức tỉnh lòng yêu nước các sĩ phu Việt-nam. 2 — Một số người có xu hướng cải lương tư sản như Khang Hữu-Vi, Lương Khải-Siêu. Họ theo gương Nhật-bản muốn làm một cuộc cải cách từ trên xuống dưới, lấy những người sĩ phu tân học có kiến thức mới thay thế bọn quan lại hủ bại của triều đình rồi mở trường học, ra báo chí, bỏ khoa cử, lập hội buôn, mở công nghệ v.v... làm cho dân giàu nước mạnh, đi lên con đường tư bản chủ nghĩa như Âu Mỹ. Tư tưởng Khang — Lương trong một giai đoạn nhất định đã ăn sâu vào tâm hồn của các sĩ phu Việt-nam (1).

Tình hình khách quan ở bên ngoài đã ảnh hưởng mạnh mẽ vào nước ta như thế, nhưng trong xã hội Việt-nam thì giai cấp tiền tiến cách mạng, nhất là giai cấp công nhân thì chưa hình thành do đó, chưa có đủ cơ sở để tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lê-nin đang tỏa sáng ở nước Nga. Trong lúc xã hội ta đang còn non trẻ về những mầm mống cách mạng, thì bọn đế quốc thực dân Pháp lại tìm cách hô hào cái gọi là «khai hóa văn minh», chúng tìm mọi cách che giấu dư luận cách mạng ở Nga, ở Trung-quốc tràn vào nước. Chính sách «vừa đánh vừa xoa» của giặc Pháp cũng đã làm cho một số người nhầm lẫn. Đứng vào lúc ấy thì tư tưởng cải lương của Khang — Lương, các loại sách «tân thư» của Rút-xô (Rousseau), Mông-tết-ski-ơ (Montesquieu) v.v... lại tấn công mạnh mẽ vào ý thức tư tưởng của các sĩ phu

Việt-nam, nó tấn công đúng vào lúc phong trào cần vương đã bị nhận chìm trong máu, trong lúc cuộc khởi nghĩa của Đê Thám đang đi vào con đường bị cô lập để rồi sẽ không tránh khỏi thất bại.

Chính vì sống trong thời đại lịch sử đó, nên những nhà ái quốc Việt-nam không thể không có những xu hướng khác nhau.

Phan-Chu-Trinh đã lớn lên trong một thời đại lịch sử có hai xu hướng đang thịnh hành như vậy — xu hướng tin vào sự «tự cường» của Nhật và xu hướng muốn dựa vào chính sách «khai hóa» của thực dân để «mở mang dân trí» — Hai xu hướng đó lại nảy sinh trong lúc chủ nghĩa đế quốc đang ở thời kỳ thịnh trị, trong lúc chủ nghĩa cơ hội đang lan rộng và ăn sâu trong phong trào công nhân Tây Âu. Do đó, việc Phan-chu-Trinh lựa chọn con đường cải lương chủ nghĩa làm lý tưởng cao nhất của mình cũng là một lẽ tất nhiên vậy.

Đồng thời với Phan-bội-Châu, cũng là xuất thân từ «cửa Khổng sân Trình» như Phan-bội-Châu, tại sao Phan-chu-Trinh lại chọn con đường cải lương?

Nếu chỉ giải thích bằng khuôn khổ của thời đại lịch sử nhất định thì chưa đủ, bởi vì Phan-bội-Châu cũng cùng sống trong thời đại đó, nhưng Phan-bội-Châu lại đi theo con đường bạo động. Cũng trong thời đại đó Nguyễn-ái-Quốc lại tìm đúng đường cách mạng chân chính để đi đến thắng lợi.

Chỉ có thể giải thích vấn đề này bằng nguồn gốc giai cấp của mỗi người, bằng sự hoạt động và sự tiếp thu ý thức xã hội của mỗi người.

Phan-chu-Trinh xuất thân từ một gia đình quan lại nhỏ (võ hiền). Bản thân ông cũng lớn lên trong cử nghiệp, quan trường. Do đó ý thức hệ của Phan-chu-Trinh cũng là ý thức hệ phong kiến. Nhưng Phan-chu-Trinh lớn lên trong điều kiện xã hội có khác hơn Phan-bội-Châu. Phan-bội-Châu xuất thân từ nhà nho, Phan-chu-Trinh xuất thân từ nhà võ. Thế mà Phan-chu-Trinh không đi theo con đường bạo động, là bởi vì rằng tại đất Quảng-nam (quê hương của Phan-chu-Trinh) phong trào Cần vương kém sôi nổi hơn ở Nghệ-an (quê hương

(1) Nói như thế không có nghĩa là tuyệt đối, bởi vì bản thân những sĩ phu tân thành đường lối Khang — Lương họ cũng có những nhận thức riêng của họ (Phan-bội-Châu chẳng hạn). Hơn nữa, ở nước ta cũng có người không đi theo chủ trương đó, mà lại đi sang phương Tây tìm một chân lý cách mạng khác (như Nguyễn-ái-Quốc).

của Phan-bội-Châu); mặt khác cha của Phan-chu-Trinh lại bị phái Cần vương giết vì tình nghi mưu phản. Tinh thần của Phan-chu-Trinh không những không được hun đúc bởi phong trào đấu tranh của quần chúng, mà lại phải chứng kiến bi cảnh của cha. Hơn nữa, ở Quảng-nam, một trong những nơi có mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa sớm nhất, tầng lớp công thương phát triển mạnh mẽ. Cơ sở vật chất và tinh thần đó đã có tác dụng quyết định đến sự phát triển ý thức hệ của nhà ái quốc Phan-chu-Trinh.

Ngay từ khi bước vào ngưỡng cửa quan trường hủ bại, Phan-chu-Trinh đã không vừa lòng với thực tại, nên ông đã từ bỏ chức thừa biện bộ Lễ (1905) để đi tìm chân lý cứu nước. Cũng như các sĩ phu Việt-nam yêu nước khác, Phan-chu-Trinh hy vọng rất nhiều vào các loại sách « tân thư » của Khang — Lương — của Rút-xô, của Mông-tết-ski-ơ... mong tìm ở trong đó một biện pháp cách mạng hay nhất. Phan-chu-Trinh cũng đã dày công tìm hiểu cuộc « Minh-Trị duy tân » của Nhật-bản, đã dày công nghiên cứu « Mậu tuất chính biến » của Trung-quốc.

Trên con đường mò mẫm chân lý cách mạng trong các loại sách « tân thư », trong những sự kiện lịch sử nóng hổi của thời đại ở châu Âu, Phan-chu-Trinh cũng thử xem qua con đường vũ trang chống Pháp của Đề Thám. Phan-chu-Trinh đã vào đồn Phồn-xương của nghĩa quân Yên-thế, rồi gặp Phan-bội-Châu thử bàn bạc... Nhưng Phan-chu-Trinh vẫn không tiếp thu được đường lối bạo động, bởi vì ông thấy các cuộc bạo động trước đây đều

bị thất bại, nên ông đã nói « Đừng bạo động, bạo động là chết »; ông cũng không đồng ý với con đường cầu viện nên ông đã nói « đừng trông ngoài, trông ngoài là ngu », mà theo ông chỉ nên « chuyên chú về việc viết sách, không cần hô hào đánh Pháp, chỉ nên đề xướng dân quyền, dân đã giác ngộ quyền lợi của mình, bấy giờ mới có thể dần dần mưu tính đến việc khác » (1).

Ngoài những điều kiện chủ quan và khách quan trên đây, cơ sở xã hội của nước ta lúc ấy cũng phần nào giúp cho Phan-chu-Trinh phát mạnh là cơ chính trị cải lương của mình. Trong lúc giai cấp công nhân chưa hình thành, thì tầng lớp tư sản mới nhú mầm đã bị các chính sách « khai thác » của thực dân Pháp đè lên khá nặng nề, tạo cho tầng lớp đó có một ý thức hệ giai cấp yếu đuối, chỉ dám nghĩ đến cải lương mà không dám nghĩ đến hai chữ cách mạng. Chủ trương tiến hành những cuộc cải cách trước hết là trong bộ máy vua quan cũ, bằng cách là dựa vào đế quốc Pháp, để dần dần giành được độc lập cho dân tộc là đường lối cải lương của Phan-chu-Trinh, nhưng nó cũng chính là ý muốn của tầng lớp tư sản đang trên con đường hình thành giai cấp. Vì vậy, tuy xuất thân từ giai cấp phong kiến, nhưng tiếp thu ý thức hệ của giai cấp tư sản bên ngoài biến thành lý tưởng đấu tranh của mình, Phan-chu-Trinh đã nghiêm nhiên là lá cờ đầu về tư tưởng cải lương của tầng lớp phong kiến tư sản hóa ở Việt-nam lúc bấy giờ, và là đại diện trước hết cho tầng lớp phong kiến tư sản hóa ở Việt-nam phát biểu đường lối của mình đối với phong trào đấu tranh giải phóng của dân tộc ta.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA « CHỦ NGHĨA CẢI LƯƠNG PHAN-CHU-TRINH »

1. Chủ trương bài phong không triệt để và toàn diện.

Xuất thân từ một gia đình phong kiến, lớn lên trong nền giáo dục phong kiến, nhưng Phan-chu-Trinh lại rất ghét chế độ quan trường phong kiến. Điều đó biểu hiện một cách đầy đủ ở chủ trương bài phong của ông.

Trước hết, Phan-chu-Trinh đã kích ngay vào chế độ văn chương cử tử của chế độ phong kiến mà bản thân ông đã trải qua.

Năm 1905, khi Phan-chu-Trinh cùng với Huỳnh-thúc-Kháng, Trần-quý-Cáp đi vào miền Nam. Lúc đến Bình-dịnh thì gặp quan tỉnh đang khảo sát, hạch sách học trò. Phan-chu-Trinh liền làm bài « Chi thành thông thánh » trong đó ngụ ý nói: dân ta đang còn ở trong vòng nô lệ, mà sĩ phu lại mê ngủ trong lối học từ chương, cứ chịu giấc mộng chữ thì khi nào mới thoát khỏi cảnh cá chậu chim lồng. Bài

« Chi thành thông thánh » cũng là lời phát biểu đầu tiên, biểu hiện tư tưởng dân chủ của Phan-chu-Trinh. Với bài thơ ấy Phan Tây-hồ tỏ ra có một lòng tin vào cái tư tưởng dân chủ của mình, ông mong muốn thức tỉnh đồng bào bằng mấy vần thơ cổ động: « các người đâu phải không lâm huyết, xin đọc thơ đây có mấy giò ».

Chính nhờ ảnh hưởng tư tưởng này của Phan-chu-Trinh, mà phong trào « chống cự học, cổ xúy tân học » ở thời kỳ Đông kinh nghĩa thực phát triển rất là mạnh mẽ. Trong « Văn minh tân học sách » đã có những đoạn viết:

« ... Không biết những lối phá, thừa, khởi, thúc, thanh, luật biến ngẫu có ích gì cho thực dụng không? Lại không biết các cụ đồ già, các

(1) Theo *Tự phê phán* của Phan-bội-Châu.

thầy thạo văn cử nghiệp, nào ai có biết tên năm châu là những châu gì, thế kỷ ngày nay là thế kỷ thứ mấy?... Mực thước kẻ cũng đã đến nơi đến chốn đấy, nhưng chẳng qua chỉ làm cho người ta bó buộc cái tình hào mại, suy sút tinh thần hái để chăm vào cái học vấn rất vô dụng mà thôi» (1).

Từ chỗ đã kích chế độ văn chương cử tử, Phan-chu-Trinh vạch mặt thật của chế độ quan trường nhà Nguyễn là một chế độ quan liêu, thối nát và hủ bại.

Trong bức thư gửi cho tên toàn quyền Bô (Beau) (1906) nói về tệ hủ lậu của quan trường Phan-chu-Trinh viết: «Mấy chục năm gần đây, ở trong chốn trào đình thì mấy ông quan đại thần khúm núm cho qua ngày tháng, làm việc vụ tại cho chiếu lệ thì thôi, còn các quan ở các tỉnh, phủ, huyện thì ăn dút ăn lót, cầu cạnh chạy chọt, không còn biết liêm sỉ là cái gì!» (2). Không những thế mà bọn họ còn «sách nhiễu tiền tài, bóc lột dân đen, thì quan trên vậy, quan dưới cũng vậy, hình như một cái khuôn sáo sẵn hễ làm quan là phải noi theo rồi» (3). Nhưng «trong dân gian nếu có ai cứng cổ mà chống cự lại thì hoặc vu cho là âm mưu phản nghịch, hoặc buộc cho là ngăn trở việc quan, mượn tay chính phủ mà sát hại lương dân, mấy câu nói đầu hồ đồ không cho chúng có gì, song nhiều khi cũng phải làm cho chính phủ phải tin, vì thế mà làm người phải mang án tội» (4).

Chỉ một vài câu nói trên đây, Phan-chu-Trinh đã phơi bày ra ngoài công chúng bộ mặt thật của bọn «sâu mọt» dân lành, bọn mà Phan-chu-Trinh gọi «còn một tiếng chỉ đúng hơn là lũ ăn cướp có giấy phép» (5).

Có thể nói rằng, trong bất cứ trường hợp nào, trong bài nói chuyện, hay trong văn thơ của mình, Phan-chu-Trinh không hề bỏ qua đối tượng «quan trường» mà ông cố tình phỉ báng. Trong bài thơ «Kêu gọi phụ nữ» ông viết:

«Chị em hỡi? biết chăng chẳng biết?

Phường mặt trắng lửng lơ vòng hủ bại
Bia mà chí, bằng mà chí, nghênh ngang
võng lọng nữa mà chí!
Bề trần gặp mặt tương tri
Có chăng Thịnh-đốn, A-khuê(?) anh hùng
Lấy chồng cho đáng tấm chồng!» (6)

Phan-chu-Trinh rất ghét «Phường mặt trắng lửng lơ vòng hủ bại», ông không muốn cho chế độ thối nát ấy tồn tại trong xã hội ta, bởi vì nếu còn chúng thì «máu thịt của dân cày ngày càng khôét, làm cho dân đến hết thế làm ăn» (7), và chính vì nó mà «hiện tình trong nước bây giờ, cảnh tượng thì tiêu điều, lương

dân thì ly tán, phong tục đồi bại, lễ nghĩa mất hết, lập quốc hơn hai mươi triệu người, cái thời kỳ đã bán khai mà bây giờ đã sắp trở lại đã man» (8).

Tư tưởng dân chủ của họ Phan chính xuất phát từ trong thực tế nhất định. Phan-chu-Trinh cũng đã tìm đúng nguyên nhân nào làm cho chế độ quan trường thối nát tồn tại. Ông viết: «Vi chính phủ bảo hộ dung dưỡng cho bọn quan lại An-nam đã gây nên tệ lậu» (9). Tìm đúng được nguyên nhân tồn tại của chế độ quan trường hủ bại, nhưng chủ trương giải quyết vấn đề đó lại không đúng, đó là mặt nhược điểm của Phan-chu-Trinh.

Không phải chỉ dám vạch mặt xấu của hàng quan lại, mà Phan-chu-Trinh còn dám chỉ thẳng vào kẻ đứng đầu bọn đó, kẻ đã tạo ra chế độ quan liêu thối nát ấy từ khi giặc Pháp chưa đặt chân đến nước ta. Phan-chu-Trinh nói: «Đến vua Gia-Long nhà Nguyễn thỉnh luật Càn-Long về lại càng chuyên chế hơn nữa. Chưa đầy 80 năm đã bị mất nước một cách rất hèn hạ» (10).

Ở thời gian lịch sử ấy, đã mấy ai dám nhìn thẳng vào vấn đề này như Phan-chu-Trinh — dám thấy nguyên nhân sâu xa của việc nước ta lọt vào tay của lũ giặc ngoại xâm là bắt nguồn từ tên vua Gia-Long «cồng rắn cắn gà nhà»! Phan-chu-Trinh với sự nhận thức khá sắc nét đó, về mặt xã hội, đã tự làm cho tư tưởng dân chủ của mình thêm cao cả, thêm có giá trị thực tiễn đối với trào lưu dân chủ của dân tộc ta.

Phan-chu-Trinh đã vạch rõ bản chất của ông vua lúc bấy giờ rằng: «Vua mà xưng «trẫm» là theo đạo nho hay theo Tần. Vua mà xưng là «hoàng đế» thì theo đâu? Vua mà dám dục

(1) Trích trong «*Lịch sử Việt-nam*» của Trần-văn-Giàu, Đinh-xuân-Lâm, Nguyễn-văn-Sự, (1897—1914) xuất bản Xây Dựng, Hà-nội, 1957, tr. 310.

(2) Xem phần phụ lục, trong quyển «*Phan-chu-Trinh*» của Thế-Nguyên, Tân Việt xuất bản Sài-gòn, 1956, tr. 82.

(3) Như trên, tr. 86.

(4) Như trên, tr. 90.

(5) Như trên, tr. 149.

(6) Trích trong *Lịch sử Việt-nam* (1897—1914). Sách đã dẫn, tr. 295.

(7) Thế-Nguyên, phần đã dẫn, tr. 82

(8) Như trên

(9) Như trên tr. 84

(10) Trong bài nói chuyện về «Đạo đức luân lý Đông Tây» tại nhà Hội Việt-nam Sài-gòn, đêm 19-11-1925 — Dẫn trong *Phan-chu-Trinh* của Thế-Nguyên, tr. 157.

ở trong cung với hàng trăm nghìn cung nữ, có phải là bắt chước theo Tần không? Vậy mà ông vua nói mình theo đạo nho» (!) (1).

Về tên vua Tự-Đức, Phan-chu-Trinh đã không thương tiếc mà nói rằng: « Ông vua ấy có tính chất thương tiền tiếc bạc, cứ muốn chôn dưới đất, chẳng muốn đem mua gì cả (ý muốn nói không đem tiền mua súng để đánh Pháp — T.M.T.). Ông trả lời với các quan binh rằng: « các anh muốn đánh, nhưng mà nếu các anh đánh không hơn thì các anh mới để mẹ con trảm ở đâu » (2).

Việc vạch rõ bản chất của bọn vua chúa nhà Nguyễn mà điển hình là tên vua Tự-Đức, Phan-chu-Trinh đã thành công trong sự đánh giá một nhân vật phản diện của xã hội Việt-nam lúc ấy. Điều đó chứng tỏ Phan-chu-Trinh hơn hẳn cả một số sử gia Việt-nam ở miền Nam nước ta ngày nay — những sử gia đang cố tình hay chưa dám nhìn thẳng vào bản chất xấu xa của Tự-Đức.

Như vậy là, Phan-chu-Trinh đã có chủ trương bài phong khá mạnh mẽ và có đối tượng cụ thể. Đối tượng đó tức là « chế độ văn chương cử tử », « tề quan trường » và những tên « vua chuyên chế nhà Nguyễn ».

Nhưng mức độ của chủ trương bài phong ấy như thế nào? Phải chăng Phan-chu-Trinh, với chủ trương bài phong của mình, ông đã đạt được yêu cầu dân chủ mà lịch sử nước ta đang đòi hỏi những nhà cách mạng phải giải quyết?

Mức độ bài phong của Phan-chu-Trinh chỉ cao so với những tư tưởng dân chủ cùng đồng thời với ông, chứ nó chưa đáp ứng đúng yêu cầu của lịch sử xã hội.

Xét cho kỹ, Phan-chu-Trinh chỉ nhằm đả kích thật mạnh vào chế độ quân chủ thối nát của nhà Nguyễn, chứ không phải chủ trương lật đổ tất cả chế độ quân chủ khác. Khi nói về « Quân trị chủ nghĩa, dân trị chủ nghĩa » Phan-chu-Trinh đã bày tỏ lập trường của mình rằng:

« Còn cũng có một dịp dùng quyền quân chủ rất tốt, như nước Nhật, nước Xiêm, khi người Âu châu mới qua thì còn ngờ ngác không biết gì, thế mà nhờ trên có ông vua anh hùng, dưới có quan tài trí, đem đường chỉ lối cho dân tấn tới lại càng mau. Vậy cũng là một sự hay » (4).

Rất rõ ràng, Phan-chu-Trinh chưa hẳn phải là đứng trên lập trường đánh đổ toàn bộ chế độ phong kiến, mà chỉ đánh đổ những triều đại lạc hậu, phản động — triều đại mà trong đó ông không có thể thi thố tài năng để phục vụ cho từng lớp phong kiến tư sản hóa. Nhưng nếu một triều đại nào giống như chế độ quân chủ ở Nhật-bản hoặc như các « chinh thể văn

minh lập hiến Âu Á », trong đó ông có ghế ngồi xứng đáng trong công cuộc duy tân đất nước theo đường lối cải lương tư sản, thì chắc hẳn Phan-chu-Trinh cũng vừa lòng! Phan-chu-Trinh thừa nhận rằng: « ... Khi nào gặp một ông vua thông minh anh hùng, hiểu được cái sự quan hệ giữa dân với nước là thế nào, mà trừng trị lũ quan tham, lại những, để cho dân được yên lặng làm ăn, thì dân giàu nước mạnh, mà cái thì giờ của vua sống được bao nhiêu thì nước còn được thái bình bấy nhiêu » (5).

Phan-chu-Trinh chửi tên vua lạc hậu, nhưng lại khen « ông vua thông minh anh hùng », chứng tỏ rằng Phan-chu-Trinh bài phong có mức độ. Mức độ lựa chọn vua này hay vua khác của Phan-chu-Trinh chính là biểu hiện lập trường chính trị của ông, lập trường chính trị của một người yêu nước chưa vượt khỏi tầm thức phong kiến, đang muốn vươn lên tầm thức của giai cấp tư sản nhưng vẫn chưa đạt tới mức triệt để của một giai cấp tư sản cách mạng như buổi đầu của chủ nghĩa tư bản. Ông chưa dám đánh đổ toàn bộ chế độ phong kiến để xây nên một chế độ mới.

Về sau này, khi ở Pháp về, với bài nói chuyện về « Quân trị chủ nghĩa, dân trị chủ nghĩa », Phan-chu-Trinh đã tỏ ra có tư tưởng dân chủ cao hơn trong thời kỳ viết thư cho tên toàn quyền Bô. Ông đã đặt mạnh hai chữ « dân trị » trong chủ trương của mình.

Nhưng cái « dân trị » của Phan-chu-Trinh đề xướng không phải là cái « dân chủ » mà dân ta đang mong muốn. Quan điểm « dân trị » của Phan-chu-Trinh là quan điểm « dân trị » nằm trong khuôn khổ lập hiến tư sản. Phan-chu-Trinh nói về cái « dân trị » của ông như sau:

« Dân trị tức là pháp trị (lấy pháp mà trị người). Vì rằng quyền lợi và bổn phận của mỗi người trong nước đều có pháp luật chỉ định rõ ràng, không khác gì là đã có đường gạch sẵn, cứ trong đường ấy mà đi tự do, muốn bước tới bao nhiêu cũng không ai ngăn trở, chỉ trừ khi nào xâm lấn đến quyền lợi của người khác thì không được. Vì đối với pháp luật thì mọi người đều bình đẳng, không có ai làm quan, ai làm dân cả » (6).

Không hiểu Phan-chu-Trinh tự mình nhìn thấy như thế ở cái « pháp trị » của nước Pháp trong những năm 1911 — 1925, những năm mà

(1) Trong bài « Quân trị chủ nghĩa, dân trị chủ nghĩa » — Sách đã dẫn, tr. 111.

(2) Như trên, tr. 116.

(3) Thế-Nguyên, phần đã dẫn, tr. 115.

(4) Thế-Nguyên, phần đã dẫn, tr. 115.

(5) Thế-Nguyên, phần đã dẫn, tr. 117.

(6) Thế-Nguyên, phần đã dẫn, tr. 126 — 127.

Ông đã sống bên ấy — sống trong nền « đệ tam cộng hòa » phản động Pháp, hay ông đã đọc được trong tư tưởng triết học của Ilan Phi-Tử (đời Chiến quốc — Trung-quốc), bởi vì Ilan Phi-Tử cũng cho rằng: « pháp luật của nhà nước phải trở thành công cụ quan trọng cho sự phát triển đời sống xã hội và củng cố chủ nghĩa chuyên chế, bất kỳ người nào, kể cả bọn quý tộc, đều phải chịu sự chế ước của pháp luật » (1) (?); hay ông rút từ trong tư tưởng xã hội của Rút-xô, « rằng chính nghĩa vĩnh cửu đã thực hiện trong pháp luật của giai cấp tư sản » (2) (?). Có lẽ Phan-chu-Trinh đã tập hợp những tư tưởng ấy lại hòa với thực tế của nước Pháp mà ông đã kiểm nghiệm để đề xuất ra tư tưởng « dân trị » của chính mình!

Xét về thực chất mà nói tư tưởng « dân trị » của Phan-chu-Trinh không thoát ra ngoài khuôn khổ của giai cấp tư sản đang thống trị xã hội đương thời. Cái « quyền lợi và bổn phận », cái « mọi người đều bình đẳng » mà Phan-chu-Trinh đề ra đó chẳng qua cũng chỉ đi đến cái « bình đẳng tư sản » trước luật pháp mà thôi. Phan-chu-Trinh đưa quan điểm « dân trị » này chính là nhằm mục đích để phá tư tưởng « quân trị », mong muốn đồng bào ta nghe theo chủ trương của ông mà bài xích bọn phong kiến tay sai, bài xích những người còn mong mỏi vào một giòng vua nào đó. Vì vậy cho nên Phan-chu-Trinh đã nói: « Cuộc quân chủ đến ngày nay thì cũng như một cái hoa tàn lá héo phất phơ trong đời bây giờ » (3) và « mấy ông vua nào hung dữ chuyên chế, phần đối lại cái phong trào dân chủ thì bị nhào cả; còn anh nào điều hòa với dân thì còn ngoắc ngoải đến bây giờ » (4).

Xem đó cũng thấy rằng, toàn bộ chủ trương bài phong của Phan-chu-Trinh chưa hề thoát ra khỏi khuôn khổ cải lương. Phan-chu-Trinh không thích chế độ phong kiến lạc hậu của nhà Nguyễn, nhưng ông vẫn tán thành con đường quân chủ lập hiến của Nhật; ông không vừa lòng với nền quân chủ phản động, nhưng ông muốn xây dựng một nước cộng hòa tư sản. Con đường thay đổi chế độ theo như chủ trương của Phan-chu-Trinh không phải là con đường cách mạng, mà là con đường dựa vào Pháp để cải cách, dựa vào sự « mở mang dân trí » rồi dần dần đi đến chỗ thay đổi chế độ một cách ôn hòa.

Chủ trương bài phong của Phan-chu-Trinh là một thứ chủ trương không triệt để và toàn diện, bởi vì rằng ông chưa hề đề cập đến việc đánh đổ toàn bộ nền thống trị phong kiến về cả hai mặt thượng tầng kiến trúc và hạ tầng cơ sở; nghĩa là phải làm cho được nhiệm vụ lật đổ sự thống trị của giai cấp phong kiến về mặt quan hệ sản xuất, và vấn đề căn bản trong

công cuộc lật đổ đó là phải giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân. Trong chủ trương bài phong của mình Phan-chu-Trinh chỉ nhằm giải quyết những vấn đề thuộc hình thức của chế độ xã hội, chứ ông chưa hề nhìn thấy bản chất của chế độ xã hội mà ông đang thái nguyền phải là một chế độ xã hội gì.

Sống trong một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến, Phan-chu-Trinh cũng không thể nào vượt xa hơn cái thực tế đó. Nhưng đó chỉ mới là một mặt của vấn đề. Phan-chu-Trinh sở dĩ « thủy chung như nhất » vẫn nuôi trong mình những lý luận cải lương đó, là bởi vì ông ta đã chịu ảnh hưởng nặng nề của đạo Khổng Mạnh và tư tưởng xã hội của Rút-xô, Mông-tết-ski-ơ. Những ảnh hưởng tư tưởng ấy không phải chỉ vương vấn ở buổi đầu, mà nó vẫn tiềm ẩn sâu sắc trong tâm hồn ông cho đến ngày ông tạ thế.

Trong bài nói chuyện về « Đạo đức và luân lý Đông Tây », Phan-chu-Trinh hồ háo:

« Cái nền luân lý ở Á-đông, nhất là ở nước ta ngày nay đồ nát như thế là bởi các nhà vua chuyên chế làm sai hết cả đạo Khổng — Mạnh mà ra » (5). « Khi còn ở trong gia đình thì thờ cái không khi chuyên chế của gia đình, khi đến trường học thì thờ cái không khi ở trường học (...) thì làm sao khi bước chân ra ngoài xã hội khỏi quen tính nô lệ, chịu luôn cúi người » (6).

Xuất phát từ cái nhận nghĩa của Khổng — Mạnh, theo sự suy nghĩ riêng của mình, Phan-chu-Trinh không hết lời ca ngợi Rút-xô, La Phông-ten (La Fontaine), Pa-scal (Pascal), Vôn-te (Voltaire) và Mông-tết-ski-ơ. Ông nói: họ « đều là những tay kiếm hết cách mở cái chìa khóa chuyên chế để giúp đồng bào ra chỗ tự do ».

Từ sự tiếp thu đó Phan-chu-Trinh kêu gọi kết hợp đạo đức Đông Tây rằng: « đem văn minh đây là đem cái chân văn minh ở Tây Âu hòa hợp với chân như giáo ở Á-đông, chứ không phải là tự do độc lập ở đầu lưỡi của mấy anh Tây học lem nhem mà cũng không phải là quốc hồn quốc túy ngoài môi của các bác Hán học dở mùa » (7).

(1) Xem *lịch sử triết học Trung-quốc*, xuất bản Sự Thật, Hà-nội, 1958, tr. 35.

(2) Xem *Chủ nghĩa xã hội phát triển từ không tưởng đến khoa học* của Ăng-ghe-n, xuất bản Sự Thật, Hà-nội, tr. 40.

(3) (4) Thế-Nguyên, phần đã dẫn, tr. 104—105.

(5) Thế-Nguyên, phần đã dẫn, tr. 137.

(6) — nt — , tr. 139.

(7) — nt — , tr. 156.

Chính vì bởi quá thật sự trung thành với những tư tưởng « Dao đức và luân lý Đông Tây », không đếm xỉa gì đến thực tế của xã hội, nên Phan-chu-Trinh chỉ có thể đưa chủ trương bài phong của mình đến mức thừa nhận chế độ « cộng hòa tư sản » hơn chế độ « quân chủ lập hiến », chứ chưa đạt đến trình độ phản phong của cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789 (Thật ra thì trình độ phản phong của cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789 đến đầu thế kỷ XX cũng không thể dùng được nữa, vì nó đã lạc hậu so với yêu cầu của thời đại rồi). Cho nên dù Phan-chu-Trinh có kêu gọi: « nhân dịp này phá tan dây xích chuyên chế đã ràng buộc ta hơn nghìn năm nay và thâm nhập tư tưởng tự do của châu Âu để làm một phương thuốc cho nước ta » (1) thì quần chúng nhân dân cũng không thể nào hưởng ứng theo ông.

2. Đường lối phản đế theo quan điểm cải lương tư sản.

Chủ trương bài phong của Phan-chu-Trinh thì mọi người chúng ta đều dễ dàng nhận thấy. Nhưng đường lối phản đế của ông thì thật là khó nhìn thấy.

Là một người ái quốc cũng như bất cứ một người ái quốc nào ở nước ta, Phan-chu-Trinh không hề tin thành giặc Pháp xâm lăng, không hề tán thành đường lối cai trị của giặc Pháp đối với dân ta. Nhưng bởi vì do điều kiện lịch sử xã hội cũng như lịch sử bản thân hạn chế nên Phan-chu-Trinh chống Pháp bằng con đường cải lương chứ không bằng con đường bạo động, con đường cách mạng.

Hành động chống Pháp của Phan có thể coi được bắt đầu từ khi gửi bức thư cho tên toàn quyền Bô (1906).

Tuy nội dung chủ yếu của bức thư là vạch tội lỗi của chế độ quan trường và yêu cầu chính phủ Pháp nên sửa đổi. Nhưng nếu chúng ta chú ý đến những khía cạnh mà Phan-chu-Trinh đề ra coi như là nguyên nhân làm cho tệ « quan trường » thêm hủ bại như: « 1. Vì chính phủ bảo hộ dung dưỡng cho bọn quan lại An-nam để gây nên tệ lậu » (2), « 2. Chính phủ bảo hộ khi thị sĩ dân Việt-nam thái quá, khiến cho đôi bên phải xa cách nhau » (3) và do đó mà « 3. Quan lại nhận cái sự ly gián ấy mà hành hà dân » (4), thì chúng ta cũng thấy được rằng: Phan-chu-Trinh đã phản đối cách cai trị của giặc Pháp đối với dân ta. Ông đã nhìn thấy cái tai hại mà giặc Pháp mang đến cho nhân dân Việt-nam. Ông nói: « Nước Nam khi xưa, pháp luật đâu không được công bằng cho lắm, song về phần quan lại cũng

không đến nỗi quá tệ như bây giờ » (5), quá tệ như những năm Pháp cai trị. Phan-chu-Trinh đã vạch rõ thái độ hống hách, hiếp người của Pháp như sau: « Mấy chục năm nay không cứ là quan là dân, có tội hay không có tội, mỗi khi chộc giận một quan Tây nào, thì đều bị chửi mắng không còn thể diện gì cả; những dân nghèo đi làm mướn cùng phu dịch ở trong làng, bị người Pháp đánh đập đến nỗi bỏ mạng không phải là ít, vì vậy cho nên xa gần đồn đại, ai cũng nhận là người Pháp coi người Nam như trâu chó » (6) và khi ra đường « gặp một người nào là người Tây, thì người Tây đó bất cứ là quan hay lính, hay Tây buôn, đều cuối đầu trông trộm, rảo bước bước mau, chỉ sợ lảng tránh đây rồi mấy cái đá dúi, mấy cái bạt tai sẽ cồng hiến cho mình » (7).

Một sĩ phu yêu nước dám viết một bức thư gửi thẳng cho chính phủ Pháp, trong đó vạch ra một số tội lỗi của chúng (tuy lời lẽ ôn hòa) cũng đủ chứng tỏ rằng Phan-chu-Trinh là người có tinh thần phản đế, nhưng tinh thần phản đế ấy còn rất hạn chế trong khuôn khổ của quan điểm cải lương tư sản.

Xuất phát từ quan điểm cải lương tư sản — quan điểm muốn có độc lập dân tộc, muốn giành cho giai cấp mình, cá nhân mình một địa vị xứng đáng trong xã hội, nhưng lại sợ bị đảo lộn cuộc đời — nên Phan-chu-Trinh đã bắc cầu cho đường lối phản đế của mình bằng cái gọi là « duy tân » đất nước.

Theo Phan-chu-Trinh: « dân ta sở dĩ làm nô lệ là vì quá lạc hậu, do đó muốn cho dân nước nhà độc lập thì trước hết hãy mở mang dân trí » « đề xướng dân quyền ». Vì vậy cho nên hồi năm 1906, sau khi đi nước ngoài về, Phan-chu-Trinh đã ra sức vận động công cuộc « cải cách văn hóa xã hội ».

Do ảnh hưởng của Phan-chu-Trinh, phong trào « duy tân » đã phát triển rầm rộ hồi năm 1908 (phong trào Đông kinh nghĩa thực, phong trào duy tân ở Trung-kỳ...). Nếu xét về tác dụng trước mắt thì đó là phong trào « chống cự học, cổ súy tân học ». Nhưng nếu nhìn sâu về tác dụng dài lâu, chúng ta thấy nó đã thức tỉnh ý thức tự cường của dân tộc

(1) Thế-Nguyên, phần đã dẫn, tr. 152.

(2) Thế-Nguyên, phần đã dẫn, tr. 84.

(3) Thế-Nguyên, phần đã dẫn, tr. 86.

(4) Thế-Nguyên, phần đã dẫn, tr. 89.

(5) Thế-Nguyên, phần đã dẫn, tr. 86.

(6) (7) Thế-Nguyên, phần đã dẫn, tr. 87 — 88.

ta lên một bước, nó truyền bá và cổ vũ mạnh mẽ tư tưởng tự do đòi độc lập của dân tộc ta, và do đó đã mở đường cho trí thức cách mạng của dân tộc được nảy nở.

Nhưng bởi vì những hoạt động « duy tân » đó đều hoạt động hợp pháp dưới sự dung túng của chính quyền thực dân Pháp, nên nó chỉ là những hoạt động mang tính chất cải lương tư sản, nặng về phản phong hơn là phản đế. Tinh thần phản đế ở phong trào duy tân, do Phan-chu-Trinh đề xướng, mới chỉ là ý thức tiềm tàng, nhưng khi ý thức đó đi vào quần chúng thì lại biến thành hành động phản đế thật sự và mạnh mẽ. Phong trào chống di phu, chống thuế ở Trung-kỳ (3-1908 — 5-1908) là một sự kiện lịch sử chứng minh hùng hồn cho cái lô-gíc đó — cái lô-gíc biện chứng về mối quan hệ giữa ý thức chính trị non nớt của một số người lãnh đạo theo đường lối cải lương với ý thức chính trị vững vàng của quần chúng cách mạng khi họ được giác ngộ bởi quyền lợi thực tế.

Đồng thời với chủ trương « cải cách văn hóa xã hội » Phan-chu-Trinh cũng chủ trương « cải cách kinh tế ». Nếu « cải cách văn hóa xã hội » nặng về phản phong hơn phản đế, thì « cải cách kinh tế » lại mang màu sắc phản đế nhiều hơn phản phong.

Phan-chu-Trinh khuyến khích những người buôn bán nên lập « hội buôn », nông dân nên lập « hội cày ». Nói về buôn bán, ông viết: « Việc buôn ta giữ làm đầu, mọi người cùng ghé địa cầu một vai » (1). Chính vì lẽ đó mà Phan-chu-Trinh đã có ý ca ngợi một vài công việc làm của thực dân Pháp như: « sửa sang đường xá, cầu cống, tàu thủy, xe lửa giao thông, giấy thép báo tin, tiện tiện mau chóng » (2). Phan-chu-Trinh đã hô hào « chấn hưng công thương nghiệp » nước nhà. Nhờ sự hô hào đó mà đã có một số cơ quan kinh doanh kinh tế mọc lên, như « Quảng-nam hiệp thương công ty » ở Quảng-nam, « Triều dương thương vụ » ở Nghệ-an. Ở huyện Diên-phước (quê của Phan-chu-Trinh và Huỳnh-thúc-Kháng) một số đồng nhà nho rủ nhau làm ruộng, lập vườn v.v...

Chủ trương « cải cách kinh tế » của Phan-chu-Trinh tuy chỉ là phản ánh hoài vọng của một giai cấp đang lên — giai cấp tư sản Việt-nam, nhưng trong điều kiện bị đế quốc thống trị thì việc làm đó cũng mang theo một tác dụng tự cường dân tộc. Việc « cải cách kinh tế » đó đã nói lên ý thức độc lập của một dân tộc đang bị kìm hãm, lệ thuộc, mặc dù ý thức độc lập ấy chỉ mới nổi lên trong khuôn khổ cải cách.

Trong lúc thực dân Pháp, với chính sách khai thác của nó, đang vơ vét, bóc lột tận

xương tủy dân ta thì công cuộc « chấn hưng công thương nghiệp » do Phan-chu-Trinh đề xướng, thực tế đã đi ngược lại yêu cầu của đế quốc, phù hợp với ý muốn của dân tộc ta. Và nếu muốn thoát ra khỏi vòng tối tăm đó thì phải có ý chí tự cường, tự lập, không dựa vào sự « khai hóa » của người khác. Vì lẽ ấy mà nó đã mang theo bên mình nó một ý nghĩa phản đế rõ ràng. Sự phản đế ở đây chỉ đóng khung trong việc phản đối chính sách kinh tế bóc lột của thực dân Pháp.

Theo như Phan-chu-Trinh: dân ta muốn trở thành một dân tộc độc lập thì trước hết phải có dân quyền, mà muốn có dân quyền thì phải đánh đổ ngay nền quân chủ nhà Nguyễn. Và muốn làm được việc đó, phải trông vào thái độ « hối ngộ » của Pháp. Ông nói: « Nếu ngày nay chính phủ biết hối ngộ lại mà mau mau đổi lại chính sách, kén dùng hiền tài, giao cho quyền lĩnh, lấy lễ đãi người, lấy lòng thành xử người, rồi cùng nhau trừ hoạch cái kế sách chung hưng lợi trừ hại, mở con đường nuôi sống cho dân nghèo, cho thân sĩ cái quyền nghị luận, mở nhà báo để thấy rõ dân tình, minh thường phạt để thanh trừng lại tệ; những việc cần thiết như đổi pháp luật, bỏ khoa cử, mở nhà học, dựng phòng sách, chấn hưng công thương kỹ nghệ, các việc đều lần lượt cải lương, như thế thì dân An-nam ai cũng yên vui, lại chỉ sợ nước Pháp bỏ nước Nam mà đi thôi, còn có gì mà kinh địch nữa » (3).

Ghét Phan-chu-Trinh là người chống đối, sợ Phan-chu-Trinh là người ái quốc, giặc Pháp lại tìm thấy ở Phan-chu-Trinh một con bài có thể lợi dụng được. Tên Mi-ra-ben (Mirabel), thống sứ Bắc-kỳ, trong báo cáo gửi lên cho tên toàn quyền Đông-dương vào tháng 12—1907 có viết:

« Tốt nhất là gắng mua chuộc Phan-chu-Trinh về phe ta trước khi ông ta trở thành một kẻ thù công khai. Có lẽ chúng ta có thể ban cho ông một chức vụ ngoài chính quyền, với chức vụ đó ông sẽ vừa có thể thi thố những khả năng thực tế của mình mà vẫn giữ được tư cách độc lập ông ấy rất tha thiết » (3).

Điều đó chứng tỏ rằng đường lối phản đế của Phan không đáng làm cho giặc Pháp sợ, ngược lại còn có thể giúp cho chúng làm lợi khi mê hoặc dân ta.

(1) Xem *Phan-bội-Châu và Phan-chu-Trinh Tôn-quang-Phiệt*, tr. 79.

(2) Trong Thư gửi cho toàn quyền Bô, phần đã dẫn, tr. 82.

(3) *Lịch sử Việt-nam* — (1897 — 1914) — sách đã dẫn, tr. 218.

Chính vì Phan-chu-Trình chủ trương dựa vào Pháp để tiến hành lật đổ nền quân chủ đương thời, nên hầu hết những việc làm và lời nói đều tập trung vào đối tượng chính là chế độ quân trường phong kiến nhà Nguyễn; còn việc phản đối giặc Pháp (phản đế) thì Phan-chu-Trình chỉ nói với những lời lẽ ôn hòa để làm thế nào đạt cho được mục đích lật đổ nền quân chủ nhà Nguyễn. Đường lối cải lương dần dần đó của Phan-chu-Trình đã dễ dàng làm lu mờ bản chất chống Pháp của ông.

Nếu nói tư tưởng chống phong kiến của Phan-chu-Trình càng rõ bao nhiêu, thì tư tưởng chống đế quốc của Phan-chu-Trình càng khó thấy bấy nhiêu. Nhưng không phải vì thế mà chúng ta cho Phan-chu-Trình là người thích Pháp, thân Pháp.

Phan-chu-Trình không có tư tưởng phản đế tại sao ông lại bị giặc Pháp bắt đi đày ở Côn-lôn? dù rằng ở Côn-lôn Phan vẫn được giặc Pháp ưu đãi. (Phải hiểu rằng sự ưu đãi của Pháp đối với Phan-chu-Trình chỉ là thủ đoạn mua chuộc của chúng đối với Phan-chu-Trình). Phan-chu-Trình không có tư tưởng phản đế tại sao Phan đã tích cực hoạt động trong «nhóm những người Việt-nam yêu nước» ở Pháp? Phan-chu-Trình không có tư tưởng phản đế tại sao ông kiên quyết từ bỏ mọi trợ cấp của giặc Pháp, sống một cuộc đời khổ cực để hoạt động yêu nước ở Pháp?

Những hành động cao cả của Phan-chu-Trình trong suốt thời gian 1905 — 1925 chứng minh rằng ông là người yêu nước.

Sống trên đất Pháp, tham gia hoạt động yêu nước nhưng do nhân sinh quan của giai cấp tư sản đã ăn sâu trong đầu óc, nên Phan-chu-Trình ngày càng đi sâu vào con đường cải lương, tự ông làm mất dần khả năng phản đế của mình trong sự đánh giá của quần chúng đối với ông.

Ngày 3-2-1925, trước khi về nước Phan-chu-Trình đã đọc một bài diễn văn tại phòng «Hội bác học», có đoạn rằng:

«Muốn được sinh tồn và muốn được mở mang đất châu Á thì thế tất ta phải cần đến một sức mạnh về đường vật chất mà duy chỉ có nước Pháp là có thể giúp ta được việc ấy thôi; chứ như về phần nước Pháp, nếu nước Pháp muốn giữ lấy cái thế lực ở bên Viễn Đông thì tất là phải cần đến sự hiệp tác với nhau thì việc gì cũng làm được, chia rẽ nhau ra thì chẳng làm nổi việc gì cả» (1).

Tại sao có tư tưởng chống Pháp mà Phan-chu-Trình lại vẫn cứ khẳng khái cần đến sự giúp đỡ của Pháp? Bởi vì theo như ông thì chỉ có Pháp là nước đang nắm quyền thống trị ở Việt-nam, nếu Pháp chịu giúp ông làm công việc

đánh đổ nền quân chủ nhà Nguyễn thì kết quả hơn hẳn cứ một nước nào. Chính vì sự suy nghĩ nông cạn như thế nên Phan-chu-Trình mới nói rằng: «Tôi phản đối là phản đối cái chính sách ngược đãi người Việt-nam chúng tôi, chứ không phản đối nước Pháp» (2).

Đường lối phản đế của Phan-chu-Trình là đường lối giành độc lập dân tộc dần dần theo con đường sửa đổi chế độ, và điềm cao nhất mà Phan-chu-Trình muốn đi đến là chính thể cộng hòa tư sản.

Sở dĩ Phan-chu-Trình ôm mộng thực hiện cộng hòa tư sản là bởi vì ông nhìn thấy ở chính thể đó: «... quyền lợi và bốn phận của mọi người trong nước đều có pháp luật đã chỉ định rõ ràng». Do đó suốt đời mình, Phan-chu-Trình đều tập trung tâm hồn và trí tuệ vào mục đích cải lương nước ta từ một chế độ thuộc địa lên một nước độc lập theo chính thể cộng hòa tư sản. Và cũng vì suy nghĩ theo nhân sinh quan lỗi thời của giai cấp tư sản ở thế kỷ XX, nên Phan-chu-Trình đã không đồng lời miệt thị những nhà ái quốc khác. Ông nói:

«Nói rộng ra, các ông ấy cũng tự xưng là đảng nhưng chỉ có chủ nghĩa báo thù mà thôi, có anh thông minh can đảm thì đâm đầu vào chỗ chết vô ích như lũ phù du, còn dân thì có ích lợi gì» (3) «Đã mấy mươi năm nay, nhờ cái phong trào của thế giới xô đẩy mà trong nước ta cũng có đảng thủ cựu, đảng duy tân, đảng hòa bình, đảng kịch liệt làm ồn ào cả lên mà rút cục lại chẳng thành hiệu quả gì. Đến khi đổ bể ra thì thấy toàn những đầu trâu mặt ngựa cả, chỉ bêu xấu cho cái danh giá của dân tộc mình khiến người ta trông vào thấy thế càng khinh dễ thêm, càng vầy đập thêm» (4).

Theo Phan-chu-Trình: «Thương nước... không phải là xúi dân «tay không» nổi lên, hoặc đi lạy nước này cầu nước khác về phá loạn trong nước» (5), mà theo ông, phản đế có nghĩa là «hiệp sức nhau lại mà chống... việc gì bất công của Pháp gây ra, nhưng cũng phải «nhìn nhận» những việc làm tốt của Pháp» (6).

Rất rõ ràng, Phan-chu-Trình thật là ngây thơ về chính trị, ông đã không hiểu nổi bản

(1) Trích trong bài diễn văn của Va-ren đọc ở hạ nghị viện Pháp hồi cuối tháng 6 - 1930 — *Thực nghiệp dân báo* đăng lại ngày 23-9-1930.

(2) Trong *Thi thì lòng thoai* — của Huỳnh-thúc-Kháng, tr. 33.

(3) Theo báo *Tân Dân* số 3, đặc biệt kỷ niệm Phan Tây-Hồ tiền sinh, Hà-nội, 1949, tr. 74.

(4) Trong bài nói chuyện về «Đạo đức và luân lý Đông Tây», sách đã dẫn, tr. 131.

(5,6) như trên, tr. 144—145.

chất của thực dân Pháp xâm lược, lại cũng không nhận thức nổi yêu nước sâu sắc của các nhà cách mạng khác: vì lẽ ấy ông cũng không thấy được quyền lợi chung của dân tộc ta lúc bấy giờ. Phan-chu-Trinh, ở năm 1925, đã thật sự là một người đại diện chính trị cho giai cấp tư sản dân tộc Việt-nam. *Đường lối phản đế của ông ngày càng lộ rõ linh yêu đuối của ông trước đế quốc, nó dễ dàng đẩy ông đi vào con đường thỏa hiệp với đế quốc Pháp về mặt tư tưởng*, đồng thời, nó còn tách ông xa dần những con người yêu nước chân chính, cách mạng.

Phan-chu-Trinh kêu gọi: «Thương nước là không thù nghịch gì với người Pháp» (1). Điều đó chứng tỏ rằng: bản thân ông cũng đi ngược lại tư tưởng của ông. Việc làm của ông là việc làm chống Pháp (dù là chống Pháp bằng con đường cải lương) nhưng ông lại cố nói cho mọi người biết là ông không hề thù nghịch với Pháp. Phải chăng đến năm 1925, sau những năm «vui buồn mình biết lòng mình vậy» «miễn trả cho rồi nợ nước non» (2), thì Phan-chu-Trinh đã bị thoái hóa về tư tưởng so với những ngày đầu ở năm 1905—1906?

Dù tư tưởng có thoái hóa hay không, nhưng với luận điểm «phản đế» của mình, Phan-chu-Trinh đã dần dần xa lập trường phản đế của dân tộc ta — lập trường làm cách mạng đánh đuổi đế quốc ra khỏi đất nước. Sở dĩ Phan-chu-Trinh phạm phải sai lầm đó, bởi vì ông chỉ đứng trên quyền lợi của giai cấp tư sản dân tộc Việt-nam.

Ở năm 1925, Phan-chu-Trinh cố đứng lên cho xứng với tầm thước của giai cấp tư sản thời đại, nhưng bản thân ông lại mang nặng tư tưởng Khổng Mạnh, nên đường lối của ông cũng là đường lối chiết trung chủ nghĩa của một con người không chính thức đại diện cho một giai cấp nào. Do đó những tiếng nói cuối cùng của Phan-chu-Trinh chỉ là những lời bàn luận quanh, không có một phương hướng rõ ràng, cụ thể. Ông chủ trương xây dựng nước nhà từ một «quốc gia luân lý» bước lên «xã hội luân lý». Và thời gian chuyển từ «quốc gia luân lý» lên «xã hội luân lý» phải «đôi ba mươi năm» (3).

Phan-chu-Trinh chưa cho chúng ta một định nghĩa rõ ràng về «quốc gia luân lý» cũng như «xã hội luân lý». Nhưng ông cũng cố gắng chỉ cho chúng ta thấy con đường đi của «quốc gia luân lý» bằng một số biện pháp cụ thể là: «Muốn nước Việt-nam được tự do độc lập thì trước hết dân Việt-nam phải có đoàn thể đã, mà muốn có đoàn thể thì có chỉ hay hơn là truyền bá xã hội chủ nghĩa (tôi nhấn mạnh — T.M.T.) trong dân gian Việt-nam» (4).

Cái mà Phan-chu-Trinh gọi là «truyền bá

xã hội chủ nghĩa» đó mang nội dung như thế nào?

Danh từ «xã hội chủ nghĩa» mà Phan-chu-Trinh dùng, cũng không được ông giải thích rõ ràng (?). Nhưng cứ theo hệ thống tư tưởng cải lương của ông, chúng ta có thể khẳng định rằng, đó là một thứ «xã hội chủ nghĩa không tưởng»! Bởi vì theo Phan-chu-Trinh trước hết là phải được cứu chữa «cây luân lý cũ», mà «cây luân lý cũ» ấy «chính là cái đạo đức trung dung của Khổng — Mạnh, đem dùng vào đời nào cùng nước nào cũng được, không cò, không kim, không đồng, không tây». Đạo đức ấy ở trong những câu «Sĩ khả sát bất khả nhục» «Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, thử chi vị đại trượng phu» (5).

Sở dĩ chúng ta nói cái «xã hội chủ nghĩa» mà Phan-chu-Trinh đề cập là cái «xã hội chủ nghĩa không tưởng» chính là vì ông muốn cải cách chế độ một cách lý tưởng, mà không có điều kiện thực tế cho phép. Cho dù rằng, Phan-chu-Trinh muốn cứu vớt «cây luân lý» theo «đạo đức trung dung của Khổng — Mạnh» giặc Pháp cũng không nghe theo lời ông, không chấp nhận ý kiến ông; bởi vì nếu làm theo ý muốn của ông thì ít nhiều cũng chạm đến quyền lợi thống trị thuộc địa của chúng. Về phía quần chúng nhân dân, người ta cũng không thể tiếp thu ý kiến ấy để làm lý tưởng cho cuộc sống, bởi vì có cố giữ cho được cái mẫu «cây luân lý cũ» của Phan-chu-Trinh, thì rồi mọi người cũng chỉ là nô lệ, tôi đòi của chủ nghĩa thực dân.

Cho nên, chủ trương cứu vớt «cây luân lý cũ», chủ trương «truyền bá xã hội chủ nghĩa» không tưởng của Phan-chu-Trinh chỉ là một thứ phản đế tiêu cực, phản đế trog lý trí mà trốn tránh hành động phản đế cụ thể.

Tháng 2-1963

(1) Trong bài «Đạo đức và luân lý Đông Tây», sách đã dẫn, tr. 146.

(2) Trong bài thơ làm tại nhà ngục Pháp ở Pa-ri, xem *Phan-bội-Châu và Phan-chu-Trinh* của Tôn-quang-Phiệt, tr. 110.

(3) Trong bài «Đạo đức và luân lý Đông Tây», sách đã dẫn, tr. 146.

(4) Sách đã dẫn, tr. 149—150.

(5) Sách đã dẫn, tr. 163.

Mấy câu này có nghĩa là: «giết người học trò thì được mà làm nhục thì không được», «giàu sang không mê được lòng người, nghe hèn không đổi được chí mình, sức mạnh không buộc mình cúi đầu, được thế mới gọi là đại trượng phu».

NGUYÊN NHÂN KHIẾN CHO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MÔNG-CỔ HỒI THẾ KỶ XIII

ĐI ĐẾN THẮNG LỢI

(Tiếp theo và hết)

VĂN-TÂN

Chiến lược và chiến thuật

TRẦN-quốc-Tuấn có nói với vua Trần Nhân-tôn: « Phải xem xét tình thế biến chuyển như người đánh cờ tùy theo thời cơ mà chế biến cho đúng ».

Xét câu này, chúng ta thấy Quốc-Tuấn cũng giống Quang-Trung ở chỗ lỳ theo tình hình cụ thể của chiến tranh rồi mới vạch ra chiến lược, chiến thuật cụ thể; chiến lược, chiến thuật do ông vạch ra vì vậy luôn luôn ăn khớp với tình hình. Khi xâm lược nước Đại Việt lần đầu tiên, quân Mông-cổ chỉ có hai nghìn người từ Vân-nam theo đường sông Hồng-hà vào xâm lược. Do chỗ chưa nắm được tình hình thực tế quân địch, và cũng hoảng sợ trước uy thế của quân Mông-cổ, vua tôi nhà Trần đầu tiên có vẻ hoang mang. Vì vậy, quân Mông-cổ chỉ với số lượng hai nghìn mà tiến vào nước Đại Việt khá nhanh, và chúng đã tiến vào kinh đô Thăng-long như vào chỗ không người. Vua tôi nhà Trần hoang mang đến nỗi Trần Thái-tôn đã có ý muốn đầu hàng. Vì số lượng không nhiều, vì thiếu lương thực, vì không quen thủy thổ, cho nên quân Mông-cổ chỉ ở Thăng-long có mười ngày rồi quyết định rút lui. Lúc này vua tôi nhà Trần mới mang quân phản công đánh vào doanh trại giặc ở Đông-bộ đầu (1). Quân Mông-cổ thua chạy, chúng lại theo đường sông Hồng-hà rút về Vân-nam.

Trong cuộc xâm lược lần thứ hai, quân Mông-cổ có đến sáu mươi vạn. Quân địch chia làm hai lộ: Lộ quân chủ lực do Thoát-hoan chỉ huy theo đường phủ Tư-minh thuộc tỉnh Quảng-tây tiến vào nước ta. Lộ quân thứ hai do Toa-đô chỉ huy từ Chiêm-thành đánh ra. Trần-quốc-Tuấn chia quân đóng giữ các cửa ải thuộc miền Lạng-châu, còn tự ông, ông đem quân đóng giữ cửa ải Khâu-cấp, (sở cũ cho địa điểm này gần Kỳ-lừa). Thủy quân của Quốc-Tuấn đóng ở Bến Bải trên sông Thương. Quân địch mở cuộc tấn công, quân Trần thua. Quốc-Tuấn phải cho quân rút về Vạn-kiếp.

Một tình hình hoang mang lại diễn ra. Vua Trần Nhân-tôn ngỡ ý muốn đầu hàng. Về đến Vạn-kiếp, Quốc-Tuấn triệu tập các vương hầu đến hội quân. Lúc này quân đội nhà Trần có tất cả là hai mươi vạn người. Quốc-Tuấn tổ chức một cuộc diễn tập lớn ở Vạn-kiếp. Biết quân Trần tập trung ở Vạn-kiếp, Thoát-hoan cho quân Mông-cổ tiến về phía này. Quốc-Tuấn cho hơn một nghìn chiến thuyền ra đánh, nhưng quân Trần lại thua. Thoát-hoan sai Ô-mã-nhi đem quân từ Khâu-cấp tiến về phía Khả-ly rồi quay lại đánh vào sườn quân Trần ở Vạn-kiếp nhằm kẹp quân chủ lực của Trần. Quốc-Tuấn vào hai gọng kìm (một gọng kìm của Thoát-hoan từ Khâu-cấp qua Chi-lăng kẹp vào Vạn-kiếp, một gọng kìm của Ô-mã-nhi từ Khả-ly kẹp lại). Có thể nói lúc này, Quốc-Tuấn mới thấy rõ mưu mô của quân địch: Bao vây quân chủ lực của ông để tiêu diệt. Và cũng có thể nói lúc này Quốc-Tuấn mới tìm thấy phương châm chiến lược đánh quân Mông-cổ: Cho đại bộ phận quân đội rút lui chiến lược để tránh khỏi cuộc bao vây qui mô của Thoát-hoan — Ô-mã-nhi, rồi rải quân ra các nơi tiếp tục cuộc kháng chiến. Quốc-Tuấn đã thực hiện được trót lọt cuộc rút lui chiến lược. Đây là một thắng lợi lớn của quân Trần và đồng thời cũng là một thất bại lớn của quân Mông-cổ. Quân Mông-cổ tuy chiếm được Khâu-cấp, Khâu-ôn, Chi-lăng, Khả-ly, Vạn-kiếp, Giá-lâm, Vũ-minh, Đông-ngàn, Thăng-long, nhưng chúng vẫn không đạt được mục đích là tiêu diệt chủ lực quân Trần.

Xét như trên, chúng ta thấy lúc đầu chính Trần-quốc-Tuấn cũng định mang toàn bộ quân đội ra đương đầu với quân Mông-cổ từ cửa ải Khâu-cấp đến Vạn-kiếp. Chỉ sau khi rút về Vạn-Kiếp, và thấy rõ ý định của Thoát-hoan,

(1) Đông-bộ đầu là xã Bộ đầu huyện Thường-tín, tỉnh Hà-dồng (theo *Tìm hiểu chiến lược chiến thuật thời Trần — Lê* của Phạm-ngọc-Phụng tr. 17. Nhà xuất bản quân đội nhân dân)

Quốc-Tuấn mới tìm ra phương châm chiến lược đúng đắn thích hợp với cuộc kháng chiến của quân và dân đời Trần.

Trần-quốc-Tuấn nói với vua Trần Nhân-tôn : « Đại khái quân giặc cày vào trường trận, quân ta cày vào đoàn binh, đem đoàn binh đánh lại trường trận là việc thường trong binh pháp ». Câu nói này không thấy có trong *Binh thư yếu lược*. Chính vì không có trong *Binh thư yếu lược* là sách viết khi vừa mới xảy ra cuộc xâm lược của Mông-cổ, cho nên câu nói trên mới có giá trị một tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Mông-cổ nói riêng, cuộc kháng chiến của dân tộc chống ngoại xâm nói chung. Tuy Quốc-Tuấn nói « đem đoàn binh đánh lại trường trận là việc thường trong binh pháp », nhưng trong các binh pháp Tôn Ngô mà ông tóm tắt và trình bày ở *Binh thư yếu lược*, lại không nói cụ thể ra như thế. Cho nên có thể nói binh pháp « đem đoàn binh đánh lại trường trận » là một sáng tạo của Trần-quốc-Tuấn. Và sáng tạo này chỉ có thể có được sau khi ông đã tham gia, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Mông-cổ, và đã đưa cuộc kháng chiến đó đến thắng lợi vẻ vang.

Thế nào là trường trận? Thế nào là đoàn binh? Trường trận là quân đội lớn mạnh, còn đoàn binh là quân đội nhỏ yếu. Dùng đoàn binh mà đánh trường trận là lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh. Điều kiện địa lý và lịch sử của Việt-nam đã quy định phép dùng binh của Việt-nam khiến cho dân tộc Việt-nam mỗi khi bị bọn phong kiến phương bắc xâm lấn thường phải dùng đoàn binh chống lại binh hùng tướng mạnh của phong kiến phương bắc, thì mới phá được ngoại xâm và mới bảo vệ được độc lập. Không phải đoàn binh nào cũng phá được trường trận. Đoàn binh phá được trường trận phải là đoàn binh đấu tranh cho chính nghĩa, được nhân dân ủng hộ. *Đấu tranh cho chính nghĩa và được sự ủng hộ của nhân dân là điều kiện không thể thiếu được để đoàn binh có thể phá được trường trận*. Đó là kinh nghiệm mà Trần-quốc-Tuấn đã rút ra được trong cuộc kháng chiến chống quân Mông-cổ xâm lược lần thứ hai cũng như lần thứ ba.

Sau khi Trần-quốc-Tuấn cho quân đội rút lui chiến lược khỏi căn cứ Vạn-kiếp, thì quân Mông-cổ chiếm Vạn-kiếp, Gia-lâm, Vũ-minh, Đông-ngân, Tam-đái-giang (Việt-tri), Thăng-long, rồi Thoát-hoan cho rải quân ra chiếm đóng các nơi thuộc cánh đồng bằng Bắc-bộ. Về đất đai, như vậy là quân giặc đã chiếm được nhiều. Nhưng chủ lực quân Trần vẫn còn nguyên vẹn. Mục tiêu chiến lược của quân Mông-cổ như vậy là không đạt được. Quân Trần rút về hậu phương đóng rải ra nhiều nơi.

Quân Mông-cổ muốn đánh quân Trần, nhưng không biết quân Trần đóng ở đâu. Chúng bị hãm vào cái thế « muốn đánh mà không đánh được ». Kỹ thuật đánh thành hiệu nghiệm mà chúng học được của người Trung-quốc hóa ra vô dụng. Quân giặc đành phải chia lực lượng đi đóng giữ các địa điểm trên triền sông Hồng-hà từ Thăng-long trở ra biển, cứ ba mươi dặm lập một trại, sáu mươi dặm lập một trạm, mỗi trại hay trạm có ba trăm quân đóng giữ. Lực lượng giặc đã dàn mỏng và bắt đầu ở vào thế phòng ngự bị động. Thoát-hoan chờ lộ quân của Toa-dô từ Chiêm-thành kéo ra để hai đảng phối hợp tác chiến đánh kẹp quân Trần vào giữa. Quân của Toa-dô gồm một nghìn chiến thuyền đến Chiêm-thành vào khoảng cuối năm 1282 hoặc đầu năm 1283. Quân của Toa-dô đánh nhau với quân Chiêm-thành mãi không có kết quả rõ rệt, nên đến ngày 24 Tháng Ba năm 1284, Toa-dô ra lệnh cho quân Mông-cổ rút ra phía bắc, chiếm lấy đất Ô-Lý ở gần biên giới nước Đại-Việt, rồi cho quân lính đồn điền ở đấy để chờ lệnh của Hốt-tất-liệt. Lộ quân của Toa-dô như vậy là đã đóng lâu ở Chiêm-thành, sống giữa sự cừ địch của người Chiêm. Lộ quân ấy tuy không bị diệt, nhưng cũng không làm được công chuyện gì ở Chiêm-thành. Tinh thần lộ quân ấy hẳn thấp kém. Năm 1283 một phần của lộ quân ấy sau nhiều lần thất trận ở Chiêm-thành đã bỏ trốn về Trung-quốc và đến Tháng Mười năm 1283 bị Hốt-tất-liệt cho bắt và giết chết. Đủ hiểu lộ quân của Toa-dô đã mỗi một lần rồi. Tháng Hai năm 1285, quân của Toa-dô, theo lệnh của Hốt-tất-liệt từ đất Ô-Lý kéo ra đến Nghệ-an, rồi từ Nghệ-an, chúng kéo ra Thanh-hóa. Từ ngoài Bắc, Ô-mã-nhi được lệnh của Thoát-hoan, mang 1.300 quân và sáu mươi chiến thuyền vào giúp Toa-dô đánh Thanh-hóa. Ở đây, Trần-quang-Khải bố trí hết sức chống cự, nên quân của Toa-dô không tiến được. Thấy Toa-dô không những không đánh chiếm được Thanh-hóa, mà lại đang khốn đốn vì thiếu lương thực, Thoát-hoan ra lệnh cho Toa-dô đi đường biển ra Bắc hội quân với ý để cùng hành động. Vì vậy đến đầu Tháng Năm năm 1285, quân của Toa-dô theo chiến thuyền tiến ra bến Tây-kết. Vua Trần Nhân-tôn cùng với các triều thần nhận định rằng: « quân giặc đi muôn dặm đường để đánh úp nước người ta, vì không đánh được mà phải bỏ đi, bây giờ nhân lúc chúng mỗi một, mà đem quân đã nghỉ ngơi dưỡng sức của ta để đối địch với quân mỗi một của chúng, đánh ngay một trận phủ đầu cho chúng mất hết nhuệ khí, thì tất nhiên phá tan được ». Lúc này, chúng ta đã biết rằng quân Mông-cổ của Thoát-hoan cũng đã dàn mỏng ra từ

Thăng-long đến miền biển. Điều kiện đánh của quân chủ lực của Thoát-hoan đã xuất hiện. Nhưng dù sao đánh quân mỗi một, đối khát của Toa-đô vẫn dễ hơn đánh quân của Thoát-hoan. Vua Trần Nhân-tôn và Trần-quốc-Tuấn đã nhìn thấy như vậy và đã quyết định tập trung lực lượng đánh « một trận phủ đầu » vào lộ quân của Toa-đô nhằm làm « cho chúng mất hết nhuệ khí ». Với việc đánh vào lộ quân của Toa-đô vua Trần Nhân-tôn và Trần-quốc-Tuấn tỏ ra là những người rất sáng suốt, đã biết nhân thời cơ thuận lợi nhất tập trung lực lượng đánh vào chỗ yếu nhất của địch. Do đó trận chiến đấu ở khúc sông Hồng-hà thuộc của Hàm-tử đã đem lại toàn thắng cho quân đội nhà Trần: mấy vạn quân và chiến thuyền của Toa-đô đã bị phá, Toa-đô phải đem tàn quân rút về cửa biển Thiên-trường. Lúc này nếu quân Trần kéo đến bao vây quân Toa-đô ở Thiên-trường thì có thể tiêu diệt ngay được tàn quân của Toa-đô. Nhưng Trần-quốc-Tuấn lại không mang quân đánh Toa-đô, mà lại tập trung lực lượng đánh Chương-dương, một căn cứ thủy quân của địch, cách Thăng-long về phía nam chừng hai mươi cây số theo đường sông Hồng-hà. Chương-dương là căn cứ phen giầu của Thăng-long, mất Chương-dương, thì Thăng-long, căn cứ chính của quân Mông-cổ trực tiếp bị uy hiếp. Ở Chương-dương địch có một lực lượng phòng thủ khá mạnh. Đánh Chương-dương rõ ràng là khó hơn đánh Thiên-trường. Vậy tại sao lúc này Trần-quốc-Tuấn lại quyết định đánh Chương-dương, mà không đánh Thiên-trường? Trước hết chúng ta cần nhớ rằng vì lộ quân chủ lực của Thoát-hoan và lộ quân của Toa-đô chưa liên lạc được với nhau, cho nên sau trận Toa-đô đại bại ở cửa Hàm-tử, Thoát-hoan ở Thăng-long vẫn chưa biết các sự việc đã xảy ra. Không đánh ngay quân Toa-đô ở Thiên-trường chỉ là tạm hoãn ngày tiêu diệt chúng. Nhưng không đánh ngay căn cứ Chương-dương thì có nghĩa là bỏ mất một thời cơ rất tốt. Lúc này cánh quân Mông-cổ ở căn cứ Chương-dương là cánh quân chưa thua một trận nào. Chúng lại chưa biết tin quân Toa-đô vừa đại bại, cho nên chúng đang chủ quan khinh địch. Nhân đà quân và dân đang phấn khởi sau trận đánh bại quân Toa-đô, Trần-quốc-Tuấn thấy rằng tập trung một lực lượng quan trọng bắt ngờ đánh vào Chương-dương thì có thể tiêu diệt được quân Mông-cổ ở đấy. Quốc-Tuấn đã làm như vậy, và ông đã thắng lợi: Hầu hết quân Mông-cổ bị diệt ở Chương-dương, chỉ còn một số ít sống sót chạy trốn về Thăng-long. Thoát-hoan ở Thăng-long, thấy căn cứ Chương-dương bị đánh, y vội cho quân đi cứu viện, quân Mông-cổ vừa ra khỏi Thăng-long bị

phục binh của Trần-quốc-Tuấn đồ ra đánh và tiêu diệt. Thấy Chương-dương bị hạ, Thoát-hoan hoảng sợ vội cùng với bọn A-Thích mang quân Mông-cổ vượt sông Hồng-hà rồi kéo đến những căn cứ thuộc tỉnh Hà-bắc ngày nay. Sau khi giải phóng Thăng-long, Trần-quốc-Tuấn không mang quân truy kích Thoát-hoan mà lại cho quân đi đánh Toa-đô ở Tây-kết. Lúc này do chưa liên lạc được với quân chủ lực của Thoát-hoan, cho nên Toa-đô vẫn chưa biết Thoát-hoan vừa thua trận lớn và đã phải bỏ Thăng-long rút về các căn cứ thuộc tỉnh Hà-bắc để chuẩn bị chạy về Trung-quốc. Nếu không lập tức tiêu diệt ngay lộ quân của Toa-đô, thì khi đã biết tin tức bại trận của Thoát-hoan, lộ quân của Toa-đô sẽ có thể do đường biển cùng rút về Trung-quốc. Như vậy thì dù có đuổi hết được quân Mông-cổ ra khỏi đất nước, nhưng mục tiêu chiến lược của quân đội nhà Trần (tiêu diệt toàn bộ hay đại bộ phận lực lượng địch) vẫn không đạt được. Sau thắng lợi ở Chương-dương, và sau khi đuổi Thoát-hoan ra khỏi Thăng-long, Trần-quốc-Tuấn đã thấy cần phải tiêu diệt ngay lộ quân của Toa-đô, và một khi đã thanh toán xong lộ quân của Toa-đô, ông có điều kiện dốc toàn bộ lực lượng đánh vào lộ quân chủ lực của Thoát-hoan để bức nó phải rút khỏi các căn cứ để rồi truy kích và tiêu diệt nó. Tháng Năm năm ất dậu (1285), quân Trần lại thắng quân Toa-đô ở Tây-kết, nguyên soái Toa-đô bị chém đầu ngay tại trận. Ô-mã-nhi phải chạy trốn vào Thanh-hóa, quân Trần đuổi theo bắt sống được năm vạn quân giặc. Lộ quân của Toa-đô như vậy là bị tiêu diệt hoàn toàn. Đất nước Đại-Việt từ nam ngạn sông Hồng-hà trở vào nam như vậy là hết bóng quân xâm lược. Trần-quốc-Tuấn lúc này có thể rảnh tay dốc toàn lực lượng đánh lộ quân chủ lực của Thoát-hoan để tiêu diệt chúng hoặc buộc chúng phải rút. Trần-quốc-Tuấn dự tính rằng sau khi lộ quân Toa-đô bị tiêu diệt, lộ quân chủ lực của Thoát-hoan tất phải rút lui thì mới tránh khỏi bị bắt sống hoặc bị tiêu diệt hoàn toàn. Cho nên Quốc-Tuấn đã cho quân đi mai phục ở tất cả các nẻo đường mà lộ quân chủ lực của Thoát-hoan có thể theo đó chạy về Trung-quốc. Đúng như dự đoán của Trần-quốc-Tuấn, đến Tháng Sáu năm ất dậu (1285), toàn bộ lộ quân chủ lực của Thoát-hoan được lệnh rút lui, nhưng ở tất cả các nơi, chúng bị chặn đánh dữ dội, và bị giết đến quá nửa. Thế là trong khoảng thời gian từ Tháng Năm đến cuối Tháng Sáu năm ất dậu (1285), quân đội nước Đại-Việt do Trần-quốc-Tuấn chỉ huy đã phá tan năm mươi vạn quân Mông-cổ hùng hổ do Thoát-hoan chỉ huy và chừng mười vạn quân do Toa-đô chỉ huy.

Như mọi người đều biết, năm đinh hợi (1287), quân Mông-cổ lại được lệnh kéo sang nước Đại-Việt xâm lược lần thứ ba. Lần này số lượng quân viễn chinh không phải là 50 vạn hay 60 vạn như lần trước, mà chỉ có chừng mười vạn và 500 chiến thuyền. Có lẽ do những khó khăn về tiếp tế lương thực, cho nên lần này Hốt-tất-liệt chỉ cho Thoát-hoan đem mười vạn quân sang xâm lược nước Đại-Việt mà thôi. Trong lần xâm lược thứ ba này, việc tiếp tế lương thực đã được tổ chức chu đáo hơn: Hải đạo vạn hộ là Trương Văn-Hồ được lệnh dùng thuyền chở mười bảy vạn斛 lương theo đường biển sang nước Đại-Việt để tiếp tế cho quân Mông-cổ do Thoát-hoan thống lĩnh. Lần này tin quân Mông-cổ sang xâm lược không làm cho vua Trần Nhân-tôn hoang mang như lần trước. Bản thân Trần-quốc-Tuấn đã nói với vua Trần Nhân-tôn: « Năm nay đánh thắng giặc có phần dễ hơn trước ». Khi có người đề nghị tuyển mộ thêm quân đội, Trần-quốc-Tuấn nói: « quân lính cốt phải tinh nhuệ, không cần nhiều, cứ xem Bồ Kiên ở Trung-quốc có quân hàng trăm vạn mà có làm được gì đâu ». Hơn bao giờ hết, Quốc-Tuấn tin rằng quân Trần tất thắng, vì những nhân tố thắng lợi ông đã nắm được cả rồi. Thật thế, cái mà Trần-quốc-Tuấn cần là tinh thần quyết chiến của quân đội và sự ủng hộ tích cực của nhân dân. Do thắng lợi của cuộc kháng chiến lần thứ hai, tinh thần quân đội nhà Trần đã lên đến trình độ khá cao. Cũng do thắng lợi của cuộc kháng chiến lần thứ hai, nhân dân càng tin tưởng vào quân đội và càng tích cực ủng hộ quân đội để cùng đánh giặc cứu nước. Vì vậy Trần-quốc-Tuấn càng có điều kiện dùng đoàn binh đánh trường trận một cách thắng lợi.

Khoảng cuối năm đinh hợi (1287) quân Mông-cổ dưới quyền điều khiển của Thoát-hoan chia hai đường thủy và bộ kéo vào xâm lược nước Đại-Việt. Ngay từ lúc đầu, Trần-quốc-Tuấn hạ lệnh cho quân đội rút lui chiến lược. Vua tôi nhà Trần lại bỏ Thăng-long. Quân Mông-cổ chiếm đóng Chi-lăng, Khả-ly, Chi-linh, Vạn-kiếp, Tam-đái-giang (Việt-tri) Thăng-long, nghĩa là đại khái quân giặc lại chiếm đóng các địa điểm mà lần xâm lược trước chúng đã chiếm. Quân đội nhà Trần lại đóng rải ra ở khắp các nơi. Nhân dân lại làm vườn không nhà trống. Ngày đêm, Trần-quốc-Tuấn lại cho quân du kích quấy rối các vị trí của quân Mông-cổ. Quân Mông-cổ đóng ở Thăng-long và Vạn-kiếp luôn luôn bị quân du kích quấy rối, trong khi ấy thì lương thực của chúng cứ cạn dần. Chúng muốn cướp lương thực của nhân dân nhưng không cướp được, vì tại các miền chung quanh vị trí của quân Mông-cổ, nhân dân đã

làm vườn không nhà trống triệt để. Chúng muốn đánh vào chủ lực quân đội nhà Trần, nhưng chúng không biết quân chủ lực của nhà Trần đóng ở đâu. Vì vậy sau khi chiếm được Thăng-long và các vị trí nói trên, quân Mông-cổ lại bị hãm vào cái thế phòng ngự bị động: Ngày đêm chúng chỉ còn việc chống đỡ lại các trận tiêu hao của quân đội nhà Trần. Quân Mông-cổ phải sống trong tình trạng này luôn mấy tháng, và tinh thần chúng càng ngày càng sút kém. Do tình hình khó khăn của quân Mông-cổ càng ngày càng trầm trọng, Thoát-hoan đã phải bỏ Thăng-long dời đại bản doanh sang Bắc-ninh (nay là Hà-bắc) nhằm làm cho việc tiếp tế lương thực được giản tiện hơn và nhằm đối phó với quân du kích dễ dàng hơn. Ngày đêm Thoát-hoan chờ đoàn thuyền lương của hải đạo vạn hộ Trương Văn-Hồ. Thoát-hoan lại cần thận đến mức phái một viên tướng tài là Ô-mã-nhi đem chiến thuyền đi đón thuyền lương của Trương Văn-Hồ. Trần-quốc-Tuấn biết rằng mười bảy vạn斛 lương là hi vọng, là sinh mệnh của quân Mông-cổ. Cướp hay phá được mười bảy vạn斛 lương ấy là làm tuyệt đường sống của quân Mông-cổ. Biết rõ tác dụng quan trọng của mười bảy vạn斛 lương đối với sự thắng hay bại của quân Mông-cổ, Trần-quốc-Tuấn đã giao cho Trần-khánh-Dur nhiệm vụ chặn đánh thuyền lương của Trương Văn-Hồ ở Vân-đồn. Và Trần-khánh-Dur đã đánh đắm và bắt được toàn bộ đoàn thuyền lương của Trương Văn-Hồ. Ngoài ra Khánh-Dur còn bắt được rất nhiều quân nhu và vũ khí. Cả đoàn quân đi hộ tống thuyền lương, chỉ một mình Trương Văn-Hồ chạy trốn được về Quỳnh-châu, còn các binh sĩ khác đều bị bắt sống hoặc bị chết đuối. Trần-quốc-Tuấn cho đem bọn tù binh bắt được ở Vân-đồn thả về doanh trại quân Mông-cổ. Bọn này thuật lại việc đoàn thuyền lương của Trương Văn-Hồ bị phá ở Vân-đồn cho mọi người biết. Tinh thần quân Mông-cổ vốn đang nao núng, vì vậy, lại càng nao núng, ai cũng muốn được sớm về nước để tránh cái chết đã bày ra trước mắt. Các tướng Mông-cổ nói với Thoát-hoan: « ở đây không có thành trì để giữ, không có kho tàng để ăn. Và lại đương lúc cuối xuân đầu hè, khi trời nóng nực; những chỗ hiểm trở xung yếu đã chiếm được nay đều bị mất, chỉ bằng đem quân về ». Thoát-hoan cũng thấy không còn có con đường nào khác hơn là rút lui về Trung-quốc, Trần-quốc-Tuấn đã đoán trước nước bài của Thoát-hoan và ông đã cho quân đi bố trí phục kích tại các đường thủy bộ mà quân Mông-cổ tất phải đi qua trên đường về nước. Tháng Ba năm mậu tý (1288) trận phục kích quy mô nổi

tiếng trong lịch sử đã diễn ra ở sông Bạch-đăng, kết quả năm trăm chiến thuyền Mông-cô bị đánh đắm hay bị bắt, mấy vạn quân giặc bị giết, bị bắt hay bị chết đuối, Ô-mã-nhi và Tích-lê-cơ-ngọc bị bắt sống. Được tin toàn bộ chiến thuyền Mông-cô bị phá ở sông Bạch-đăng, Thoát-hoan sợ cuống quít, y gấp rút cho quân về nước. Viên hữu thừa Mông-cô là Trình Bằng-Phi phải chọn những người khỏe mạnh đi theo Thoát-hoan để bảo vệ hấn. Đến cửa Nội-bàng, quân Mông-cô bị phục binh của Trần-quốc-Tuấn chặn đánh, vạn hộ Mông-cô là Trương-Quân phải dùng ba nghìn quân đánh mở một đường máu mới ra được khỏi cửa ải Nội-bàng. Quân Mông-cô vừa thoát khỏi nguy khốn ở Nội-bàng, thì tình báo Mông-cô lại đưa tin: Trên một quãng đường

dài hơn một trăm dặm từ cửa ải Nữ-nhi đến núi Khâu-cấp, đều có quân đội của Trần-quốc-Tuấn. Quân Mông-cô lại càng hoảng sợ. Từ trên núi cao, quân đội nhà Trần bắn tên tầm thuốc độc xuống, quân Mông-cô nháo nhác theo nhau chạy trốn, bọn Trương Ngọc, A-bát-xích bị bắn chết ngay tại trận, quân sĩ Mông-cô chết rất nhiều, thấy nằm ngổn ngang, chồng chất lên nhau, đầy cả đường. Bọn tướng sĩ bị thương phải tự buộc lấy vết thương rồi vừa chống cự vừa chạy trốn. Thoát-hoan phải do đường huyện Đan-kỷ (Lạng-sơn) chạy sang Lộc-châu rồi theo thung lũng sông Lục-ngạn, qua các địa điểm Biền-động, An-châu, Đình-lập để vượt biên giới chạy về Tư-minh (Trung-quốc). Nếu không theo con đường này, có lẽ Thoát-hoan khó mà chạy được về Trung-quốc.

III

BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MÔNG-CÔ

Xét chiến lược và chiến thuật của Trần-quốc-Tuấn, chúng ta thấy có cái gì phải phát giởng chiến lược và chiến thuật của Lê-Lợi — Nguyễn-Trãi trong cuộc kháng chiến chống quân Minh. Cũng như Lê-Lợi và Nguyễn-Trãi, Trần-quốc-Tuấn không những không giữ thành, mà cũng không đánh thành nữa. Trong lần kháng chiến lần thứ hai cũng như lần kháng chiến lần thứ ba, Trần-quốc-Tuấn đều để cho giặc vào sâu trong nội địa, và chờ cho chúng dần mỏng lực lượng ra rồi mới đánh. Trong tất cả các trận đánh quân Mông-cô, ông chú ý dùng mưu mẹo hơn là dùng sức mạnh của quân đội. Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai, khi lộ quân của Thoát-hoan đã dần mỏng ra ở lưu vực sông Hồng-hà từ Thăng-long ra biển, Trần-quốc-Tuấn vẫn không đánh vào quân của Thoát-hoan, mà lại tập trung lực lượng đánh vào lộ quân của Toa-đô là lộ quân đã quá mỏi mệt và mất tinh thần chiến đấu do bị bại trận ở Chiêm-thành, và do phải đi từ Chiêm-thành ra Bắc. Sau khi đã đại thắng Toa-đô ở ải tử, Trần-quốc-Tuấn không truy kích Toa-đô, mà lại tập trung lực lượng bất ngờ đánh vào Chương-dương, một căn cứ quan trọng của giặc trên sông Hồng-hà để vừa tiêu diệt vị trí này, vừa như quân của Thoát-hoan ra khỏi Thăng-long để tiêu diệt chúng. Căn cứ Chương-dương bị phá, các cánh quân từ Thăng-long ra cứu viện cho Chương-dương bị tiêu diệt, Thoát-hoan hoang mang lo sợ, phải bỏ Thăng-long mang quân sang lập căn cứ ở bắc ngạn sông Hồng-hà. Ngay sau khi diệt xong toàn bộ quân đội của Toa-đô, Trần-quốc-Tuấn cho ngay quân đội đi phục kích quân đội của Thoát-hoan trên các nẻo đường mà Thoát-hoan có thể rút lui. Trận phục kích diễn ra

đúng như dự đoán của Trần-quốc-Tuấn: Trên đường rút lui, quân Mông-cô bị chặn đánh dữ dội ở khắp các nơi, và bị chết đến quá nửa. Thế là Quốc-Tuấn đã thanh toán xong sáu mươi vạn quân xâm lược, mà ông không tổn thất gì nhiều cho lắm. Khi quân Mông-cô sang xâm lược lần thứ ba, Trần-quốc-Tuấn lại để cho chúng vào sâu trong nội địa và dần mỏng lực lượng ra. Một mặt Quốc-Tuấn cho dân quân du kích ngày đêm quấy rối quân của Thoát-hoan khiến cho chúng mỏi mệt, một mặt khác, ông cho quân đi chặn đánh đoàn thuyền lương của Trương Văn-liễu. Khi đoàn thuyền lương bị phá, quân Mông-cô lại buộc phải rút về nước. Trận phục kích lịch sử ở Bạch-đăng và trận phục kích trên các đường bộ ở Lạng-sơn lại diễn ra. Lâu hết lực lượng quân Mông-cô lại bị diệt, và quân đội nhà Trần hầu như không có tổn thất gì đáng kể.

Trong tất cả các trận đánh, Trần-quốc-Tuấn đều dùng mưu cao mẹo giỏi, và ông đều thắng lợi lớn. Sở dĩ ông làm được như vậy, chủ yếu là vì ông được nhân dân và tất cả các dân tộc thiểu số ở Việt nam tích cực đồng tình và ủng hộ.

Xét các cuộc chinh phục mà quân Mông-cô tiến hành ở châu Á và châu Âu, chúng ta thấy quân Mông-cô thất bại ở Nhật-bản hai lần (năm 1275 và năm 1280), không thành công ở Miến-diện một lần, không thành công ở Chiêm-thành một lần (1282), thất bại ở In-đô-nê-di-a một lần (1295), và thất bại ở Việt-nam ba lần. Quân Mông-cô thất bại ở Nhật-bản một phần vì họ gặp bão lớn, một phần họ phải vượt biển khó khăn, không thể mang được nhiều quân đội đi, và cũng không thể mang đội kỵ binh thiện chiến đi. Ở Miến-diện,

quân Mông-cổ gặp khó khăn tuy họ không thắng, nhưng họ cũng không bị diệt. Ở Chiêm-thành, quân Mông-cổ do Toa-đô chỉ huy cũng chỉ gặp khó khăn và cuối cùng phải kéo ra miền Ô-Lý để đồn điền ở đấy. Quân Chiêm-thành đã gây cho họ nhiều thiệt hại, nhưng vẫn không đuổi họ ra khỏi đất nước được. Năm 1295, quân Mông-cổ sở dĩ đại bại ở In-đô-nê-di-a, chủ yếu là vì họ phải vượt một chặng đường biển dài quá. Quân viễn chinh Mông-cổ xuất quân từ năm 1292, nhưng đến đầu năm 1295 chiến thuyền Mông-cổ mới đến được Cao-lan-nhã. Và số quân đến được Cao-lan-nhã cũng chỉ có hai vạn người thôi. Trong số hai vạn quân này, dĩ nhiên là không có đội kỵ binh nổi tiếng rồi. Đó là những nguyên nhân khiến cho quân Mông-cổ không có điều kiện đề tung hoành ở trên đất In-đô-nê-di-a, và cuối cùng phải đại bại.

Ba lần sang xâm lược Việt-nam, quân Mông-cổ đều đem theo đội kỵ binh nổi tiếng của họ, nhưng cả ba lần quân Mông-cổ đều bị thất bại. Chúng ta có thể nói việc quân Mông-cổ thất bại năm 1257 không có gì đáng làm cho chúng ta phải ngạc nhiên. Quân Mông-cổ dù tinh nhuệ đến đâu, nhưng với một số quân chỉ có hai nghìn người, thì tất nhiên họ không thể thắng được ở nước Đại-Việt. Cuộc chiến tranh mà Ngột-lương-hợp-thai tiến hành ở Việt-nam năm 1257, vì vậy, theo chúng tôi chỉ là một cuộc hành quân nhằm thăm dò lực lượng nước Đại-Việt, và địa hình địa vật nước Đại-Việt, hơn là một cuộc chiến tranh thật sự nhằm chiếm đất đai. Nhưng những cuộc chiến tranh mà Thoát-hoan tiến hành ở Việt-nam năm 1285 và năm 1288 quả là những cuộc chiến tranh quy mô lớn. Cả hai lần chiến tranh này, quân Mông-cổ đều sử dụng đội kỵ binh nổi tiếng của họ, nhưng cả hai lần họ đều thất bại thảm hại như chúng ta đã biết. Như chúng tôi đã trình bày ở bên trên, có nhiều nguyên nhân làm cho cuộc kháng chiến chống quân Mông-cổ đi đến thắng lợi. Nhưng nguyên nhân chủ yếu, theo chúng tôi, là nguyên nhân chính trị. Thật vậy, nếu sự chia rẽ về chính trị ở các nước châu Á và châu Âu khiến cho các nước ấy bị quân Mông-cổ chinh phục, thì sự đoàn kết của người Đại-Việt hồi thế kỷ XIII bao gồm sự đoàn kết giữa quý tộc với quý tộc, giữa quý tộc với các tầng lớp nhân dân, giữa dân tộc Việt và các dân tộc anh em trên nước Đại-Việt, giữa nhân dân và quân đội, giữa quân đội với quần đội đã tạo điều kiện cho quý tộc nhà Trần đánh bại cuộc xâm lược của quân Mông-cổ. Không còn nghi ngờ gì nữa, tài năng quân sự của Trần-quốc-Tuấn, chiến lược, chiến thuật của Trần-quốc-Tuấn, đã góp phần quan trọng vào cuộc kháng chiến chống quân

Mông-cổ. Chiến lược «lấy đoản binh đánh lại trường trận», chiến thuật vườn không nhà trống, chiến thuật du kích của Trần-quốc-Tuấn đã đóng vai trò quan trọng trong cuộc chiến tranh chống quân Mông-cổ. Nhưng nguyên nhân chủ yếu làm cho cuộc kháng chiến chống quân Mông-cổ thắng lợi vẫn là khối đoàn kết toàn dân, và toàn thể các dân tộc mà các vua Trần Thái-tôn, Trần Thánh-tôn, Trần Nhân-tôn và Trần-quốc-Tuấn đã xây dựng được. Khối đại đoàn kết này đã quy định cả chiến lược, chiến thuật của Trần-quốc-Tuấn. Thật vậy, không có khối đại đoàn kết giữa các tầng lớp xã hội cũng tức không có sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân, thì không thể «lấy đoản binh đánh lại trường trận» được. Không có sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân cũng không thể thi hành chính sách vườn không nhà trống được. Nhân dân đời Trần không những chỉ đồng tình và ủng hộ cuộc kháng chiến chống quân Mông-cổ, mà còn tích cực tham gia cuộc kháng chiến nữa. Câu «cả nước đánh giặc» của Lê Tắc trong *An-nam chí lược* đã chứng minh rõ ràng như thế. Chính Trần-quốc-Tuấn, ông cũng nhận rõ tác dụng quyết định của khối toàn dân đoàn kết trong cuộc kháng chiến chống quân Mông-cổ, cho nên trước khi ngừng thở, ông mới nói với vua Trần Nhân-tôn: «Vua tôi cùng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức chiến đấu nên giặc phải bó tay». Trần-quốc-Tuấn không chỉ nhìn thấy tác dụng quyết định của khối đoàn kết toàn dân đối với cuộc kháng chiến chống quân Mông-cổ, Trần-quốc-Tuấn còn thấy đoàn kết toàn dân là nguồn gốc của mọi thắng lợi trong sự nghiệp bảo vệ đất nước. Quốc-Tuấn đã thấy rõ rằng nhà Lê (Tiền Lê) sở dĩ đánh bại quân Tống là vì «trên dưới một lòng, dân không có lòng ly tán». Nhận thấy vai trò vô cùng to lớn của khối đoàn kết toàn dân, cho nên khi kết thúc lời dặn vua Trần Nhân-tôn, Trần-quốc-Tuấn đã ân cần nhấn mạnh với nhà vua: «Phải bớt dùng sức dân để làm cái kế thâm căn cố đế, đó là thượng sách giữ nước, không còn gì hơn». Phải mưu lợi ích cho nhân dân để nắm lấy nhân dân, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân, đó là thượng sách giữ nước chống ngoại xâm của tất cả các thời kỳ lịch sử. Đã đành là muốn đánh lại bọn ngoại xâm, phải có chiến lược, chiến thuật đúng đắn, phải biết chỉ đạo việc thực hiện chiến lược, chiến thuật, nhưng nếu không có sự đồng tình và ủng hộ tích cực của nhân dân, thì chiến lược, chiến thuật đúng đắn đến đâu cũng không có điều kiện để đem ra thực hiện. Sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân là cơ sở để xây dựng chiến lược chiến thuật và thực hiện

chiến lược, chiến thuật. Lê-đại-Hành sở dĩ thắng quân Tống đương nhiên một phần là vì có các tướng lĩnh có tài, nhưng chủ yếu là vì «trên dưới một lòng, dân không có lòng ly tán». Nhà Trần sở dĩ ba lần phá được quân Mông-cổ, là vì «vua tôi cùng lòng, anh em hòa thuận, cả nước giúp sức chiến đấu». Lê Lợi, Nguyễn Trãi đánh bại được quân Minh, là vì hai ông tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của mọi tầng lớp xã hội. Hồ-quý-Ly thất bại trong cuộc kháng chiến chống quân Minh, là vì Quý-Ly không đoàn kết được các tầng lớp trong xã hội. Năm 1784, Nguyễn Huệ chỉ một trận phá sạch hơn hai vạn quân Xiêm xâm lược ở Rạch-gầm—Xoài-mút, năm 1789 cũng chỉ một trận Nguyễn Huệ lại cả phá hai mươi vạn quân xâm lược Mãn Thanh, là vì Nguyễn Huệ có ở sau lưng ông cả một dân tộc kiên quyết ủng hộ sự nghiệp đánh giặc cứu nước của ông.

Tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân là cơ sở của mọi chính sách hiệu nghiệm nhằm giữ nước chống ngoại xâm. Đó là bài học lịch sử mà dân tộc Việt-nam đã học được trong quá trình phát triển.

Bài học lịch sử này Đảng ta đã phát huy và phát triển đến cao độ trong cuộc kháng chiến thần thánh 1945 — 1954 chống thực dân Pháp. Khi dân tộc ta mới đứng dậy chống cuộc xâm lược của thực dân Pháp, chúng ta chỉ có những vũ khí thô sơ, những gậy tầm vông, còn địch thì được trang bị bằng những vũ khí hiện đại, chúng có máy bay, có xe tăng, có trọng pháo chúng lại được phản động quốc tế, nhất là đế quốc Mỹ giúp đỡ. Vậy mà dân tộc ta càng đánh càng mạnh, còn địch càng đánh càng yếu, và cuối cùng chúng ta đi đến chiến thắng vĩ đại lịch sử Điện-biên-phủ. Như vậy là vì Đảng ta được sự đồng tình và ủng hộ tích cực của nhân dân.

Bài học lịch sử nói trên còn đang được Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam phát huy và phát triển triệt để. Nhân dân miền Nam đang đương đầu với hai mươi lăm ngàn quân xâm lược Mỹ và trên năm mươi vạn nguy quân được trang bị bằng những vũ khí hiện đại nhất, với bom na-pan và các chất độc hóa học, với các chiến thuật biệt kích, trực thăng vận... Đế quốc Mỹ đã dùng đủ các thủ đoạn đã man, vô nhân đạo hòng khuất phục đồng bào miền Nam. Nhưng chỉ năm đấu tranh vô cùng gian khổ, và cũng vô cùng anh dũng của đồng bào miền Nam, đã chứng minh rằng đồng bào miền Nam càng đánh càng mạnh, lực lượng vũ trang miền Nam càng đánh càng lớn lên về số lượng và chất lượng; còn quân đội xâm lược Mỹ và tay sai càng đánh càng yếu. Nguyên nhân gì đã khiến

cho đồng bào miền Nam đoạt được nhiều thắng lợi quan trọng, và phá được nhiều kế hoạch xâm lược của đế quốc Mỹ? — Có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ yếu, nguồn gốc của mọi thắng lợi của cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam là đường lối, chính sách của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam phù hợp với lợi ích của các tầng lớp nhân dân, được tất cả các tầng lớp nhân dân tích cực đồng tình và ủng hộ. Nói khác đi, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam do nơi đã đoàn kết được tất cả các tầng lớp nhân dân, nên đã lấy yếu đánh mạnh, lấy ít đánh nhiều, và ngày nay đã lớn lên rất nhiều về chất lượng và số lượng.

Người xưa nói: Học cũ biết mới. Nghiên cứu mấy cuộc kháng chiến chống quân Mông-cổ hồi thế kỷ XIII, chúng ta thấy nguồn gốc của mọi thắng lợi là «vua tôi cùng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức chiến đấu». Nhìn vào cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược của đồng bào miền Nam, chúng ta thấy khối đoàn kết của đồng bào miền Nam còn sâu rộng hơn khối đoàn kết của dân tộc Việt-nam trong cuộc kháng chiến chống quân Mông-cổ hồi thế kỷ XIII. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam là những tổ chức thực sự đấu tranh vì lợi ích của nhân dân, của dân tộc, ngoài lợi ích của nhân dân, của dân tộc, không còn lợi ích nào khác. Ở miền Nam ngày nay, cũng «cả nước góp sức chiến đấu» như hồi nước Đại-Việt hồi thế kỷ XIII, nhưng với một trình độ cao hơn, tự nguyện tự giác hơn. Cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam lại diễn ra trong thời kỳ chủ nghĩa thực dân đang tan rã, chủ nghĩa đế quốc đang suy yếu... Vì vậy chúng ta có đủ lý do để tin chắc rằng cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào miền Nam nhất định đi đến thắng lợi, đế quốc Mỹ nhất định sẽ thất bại nhục nhã. Đương nhiên là đế quốc Mỹ còn hung hăng, liều lĩnh, chúng còn có thể gây ra nhiều tang tóc cho đồng bào miền Nam. Nhưng tất cả những việc mà đế quốc Mỹ đã làm, đang làm và sẽ làm chỉ là những tội ác trước lịch sử mà ngay cả người dân Mỹ lương thiện cũng không thể tha thứ được. Do đó chúng chỉ có thể càng ngày càng cho chúng thêm cô lập, dễ bị đánh đổ. Sự thất bại của đế quốc Mỹ ở miền Nam là một tất yếu lịch sử cũng hệt như sự thất bại của Hốt-tất-liệt ở Việt-nam hồi thế kỷ XIII là một tất yếu lịch sử. Nếu như hồi thế kỷ XIII cuộc kháng chiến anh dũng của dân tộc Việt-nam đã phá tan mộng xâm lược của Hốt-tất-liệt đối với các nước ở Đông Nam châu Á, thì cuộc đấu tranh vô cùng anh dũng của đồng bào miền Nam cũng sẽ làm cho chính

(Xem tiếp trang 57)

VÀI NÉT SƠ BỘ NHẬN ĐỊNH VỀ «VIỆT SỬ THÔNG GIÁM CƯƠNG MỤC»

HOA-BÀNG

Về loại cổ sử Việt-nam, sau mấy bộ như *Đại Việt sử ký* của Lê-văn-Hưu (1), *Đại Việt sử lược*, cũng gọi *Việt sử lược*, của một tác giả cuối Trần (2), *Đại Việt sử ký toàn thư* (3) của đời Lê và *Đại Việt sử ký tiền biên* (4) của đời Tây-sơn v.v..., chúng ta đều thừa nhận rằng bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (5), gọi tắt là *Cương mục*, của Quốc sử quán triều Nguyễn làm từ thế kỷ thứ XIX, là tương đối có quy mô. Vì vậy, ngày nay nếu muốn sử dụng sử liệu Việt-nam từ Hồng-bàng thị (2379 — 258 trước công nguyên?) đến Lê Chiêu-thống (1787 — 1789), nhất là đoạn sử từ sau đời Lê Gia-tông (1672 — 1675) mà *Toàn thư* đã chấm dứt, thì ngoài bộ *Cương mục* là chính sử (6), chúng ta chưa biết tìm kiếm ở đâu để khai thác lấy nguồn sử liệu phong phú nữa! Đặc biệt là từ khoảng 1957 trở đi, sau khi Viện Sử học cho ra bản dịch *Cương mục* thì bộ sử *Cương mục* lại càng có điều kiện thuận lợi để phổ cập giữa giới cán bộ và quần chúng nhân dân. Như vậy, chúng ta ngày nay có nhiệm vụ khẩn cấp là cần phải soát lại một lượt xem ưu, khuyết điểm của *Cương mục* ra sao để giới thiệu với các bạn đọc, rồi chúng ta cùng nhau đánh giá *Cương mục* cho đúng mức.

* * *

A — Mấy nét lớn về thủ tục làm sử *Cương mục*.

Theo bản *Khâm định Việt sử thành tự* thì bộ *Cương mục* bắt đầu khởi thảo từ năm Tự-đức thứ 9 (1856); qua năm thứ 24 (1871), bản thảo viết xong, nhưng Tự-đức không có thi giới duyệt lại, giao cho các sử thần ở Quốc sử quán xem xét và hiệu đính những chỗ mà họ thấy cần. Những ý kiến họ góp đó gồm thành bốn tập *Thanh tự* (7) gọi là «*Thanh tự* của Sử quán» mà người phụ trách việc phúc kiểm là Bùi Ước, như sẽ trình bày ở dưới đây.

Bộ *Cương mục* tuy là sáng tác tập thể, nhưng tựu trung có sự phân công hẳn hoi và cá nhân phụ trách từng việc một. Như chúng ta đã biết, việc biên tập *Cương mục* từ năm Tự-đức thứ 9 (1856) đến năm thứ 12 (1859), có những người phụ trách như:

- Phan-thanh-Giản: tổng tài.
- Phạm-xuân-Quốc: phó tổng tài.

- Hoàng-công-Doãn, v.v.: khảo đính.
- Đến năm Tự-đức thứ 24 (1871) có:
- Lê-bá-Thận, v.v.: duyệt nghĩ.
- Trần-huy-Xán: phụng thảo.
- Năm Tự-đức thứ 25 (1872) có:

(1) Bộ sử này, hiện nay chưa tìm thấy, người ta chỉ thấy *Toàn thư* và *Cương mục* thỉnh thoảng có trích dẫn lời bàn của sử thần Lê-văn-Hưu. Ngoài ra, *Toàn thư* còn có chỗ so sánh giữa sử của Lê-văn-Hưu và sử của Phan-phu-Tiên về việc Trần Thái-tông có bắt được chúa Chiêm-thành là Bồ-gia-la hay không (quyển V, tờ 19), tỏ ra sử thần đời Lê trong thời gian làm *Toàn thư*, khi chép *Trần Thái-tông kỷ*, còn được đọc bộ sử của Văn-Hưu.

(2) Bộ sử này gồm 3 quyển, nguyên thư nhan đề là *Đại Việt sử lược*, do một sử gia cuối đời Trần viết vào khoảng sau năm đình tị (1377), Trần Đế-Hiện, Xương-phủ thứ 1. Về sau, người Trung-quốc xếp vào *Tứ khố toàn thư* để gấu, trước bỏ chữ «*Đại*», chỉ đề là *Việt sử lược* thôi. Hiện nay, bộ *Việt sử lược* mà chúng tôi đang có trong tay dùng làm tài liệu tham khảo để viết bài này là bản của Thủ-sơn-các từng thư mà Thương vụ ấn thư quán in lại năm 1936, do ông bạn Phạm Hoàn-Khoa ở Trung-quốc gửi tặng.

(3) Gọi tắt là *Toàn thư*. Xem thêm bài «*Lược khảo về sách Đại Việt sử ký toàn thư và tác giả của nó*» của Trần-văn-Giáp đăng trên tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 63.

(4) Gọi tắt là *Sử ký* (sách Thư viện Khoa học, ký hiệu A.2), tựa đề năm canh thân (1800), Cảnh-thịnh thứ 8, Sử quán biên định, Bắc-thành học đường tàng bản.

(5) Bản dịch (1957 — 1960) của Viện Sử học lược bỏ hai chữ «*Khâm định*», chỉ đề: *Việt sử thông giám cương mục*.

(6) Khoảng thời gian lịch sử này, ngoài *Cương mục*, còn có mấy bộ dã sử của tư gia như *Lịch triều tạp kỷ*, *Lê quý kỷ sự* (mấy bộ sử này, Viện Sử học đã dịch rồi, chưa in) v.v... tuy là những kho sử liệu quý giá, nhưng trên căn bản, cũng chỉ là tài liệu tham khảo, bổ sung cho bộ *Cương mục*.

(7) Theo *Première étude sur les sources annamites de l'Histoire d'Annam*, trang 40, của L. Cadière và P. Pelliot, Hà-nội, 1904.

— Phạm Huy } duyệt kiểm (1).
— Phạm-hi-Lượng }

Năm Tự-đức thứ 29 (1876) có :

— Bùi Ước } phúc kiểm (1).
— Nguyễn Thông (2) }

Năm Tự-đức thứ 31 (1878) có :

— Nguyễn-tư-Giản, v.v. : duyệt đình.

Năm Tự-đức thứ 34 (1881) có :

— Phạm-thận-Duyệt, v.v. : kiểm duyệt.

Ấy là không kể một số người làm những công việc như thừa biện về duyệt đình, tùy biện về kiểm duyệt và đăng lục (3) v.v... (theo *Cương mục*, phần « Chức danh », quyển đầu, tờ 1a).

Ngoài những vị trên đây, còn có một người giữ cương vị cao nhất, tức như ngày nay gọi là chủ biên hoặc tổng biên tập. Người đó là Tự-đức (1848—1883). Tự-đức, ngoài mục « Ngự phê » là những lời nhận định hoặc đánh giá một số người và việc lịch sử, còn có đóng góp như sau : gợi ý và quyết định phần « Phàm lệ » và phân chia thời kỳ lịch sử :

a) *Tiền biên* : Từ Thập nhị sứ quân (966—967) trở về trước, chép qua thể thứ, phụ thêm sự việc đương thời, điều gì có thực thì giữ lấy, điều gì sai ngoa thì đình chính lại.

b) *Chính biên* : Từ Đinh Tiên-hoàng (968—979) đến Hậu Lê (1593—1789), nêu lên từng *cương*, chia ra từng *mục*, sau mỗi đại *cương* của sự việc lịch sử, lại có mục đề nói chi tiết.

Đối với *Cựu sử* (4), Tự-đức nhận định rằng lối chép của nó rất què, nên ra lệnh cho các sử thần : « phàm những chỗ *Cựu sử* mà *Cương mục* trưng dẫn, hễ thấy lời văn què kệch nông cạn thì phải sửa đổi lại cả, cốt làm cho được thông suốt, rõ ràng. Văn chép phải giản dị, danh thép, mộc mạc, thẳng thắn, mới là sử bút ».

Tiền biên cũng như *Chính biên*, khi viết, Tự-đức khuyên sử thần đều nên mô phỏng lối chép của một số sử Trung-quốc :

Tiền biên thì theo phương pháp bộ *Cương mục Tiền biên* của Kim Lý-Trường (5) ;

Chính biên thì theo phương pháp bộ *Cương mục* của Từ-dương (6).

Còn về đại *cương*, nói chung, Tự-đức bảo nên phỏng theo bút pháp của Xuân thu (7) (xem *Cương mục*, « Phàm lệ » 1).

Chính vì Tự-đức nắm quyền chỉ đạo và tối hậu quyết định như vậy, nên bộ *Cương mục* mới đặt nhan là *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. « Khâm định », có nghĩa là do nhà vua chỉ huy và định đoạt.

Đối với ý kiến làm sử của Tự-đức trên đây, hãy khoan phê phán nó theo quan điểm và

lập trường của sử học ngày nay, chúng ta hãy giới thiệu mấy lời tán dương của Nguyễn Thông, một sử thần có tiếng ở đương thời, xem mức độ « mê tin Tự-đức » của ông ấy lên đến chừng nào : « Bộ sử này (8), do nhà vua quyết định, sáng lập ra « Phàm lệ », đình chỉnh những sai lầm của *Cựu sử*, tập thành các phương pháp của các sử gia, bút pháp nghiêm cẩn : lược lấy hoặc gạt bỏ một sử sự nào cũng đều xem xét kỹ càng, tình thế, hay khen, hèn chê, công bằng như cái cân, trong sáng như tấm gương. Hơn nghìn năm nay chưa có bộ sử nào được như thế bao giờ... » (*Việt sử cương giám khảo lược*, của Nguyễn Thông, quyển I, tờ 3a).

Bây giờ chúng ta thử xét đến việc làm cụ thể của một số sử thần đóng vai quan trọng trong việc biên soạn bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* :

Số người cộng sự trong Sử quán bấy giờ tuy đông, nhưng theo Nguyễn Thông thì chỉ mấy người sau đây là đóng góp nhiều :

Khi khởi thảo, Phạm-thanh-Giản làm tổng tài (1856—1859), sử bút ra từ tay ông (9). Sau khi khởi thảo rồi, Tự-đức thúc đẩy sử thần làm việc hiệu đính và xúc tiến cho *Cương mục* chóng được hoàn thành (theo tài liệu trong tờ phiến « Phân kỷ khảo chính » đề ngày mồng 2 tháng 6 năm Tự-đức thứ 29) (1876). Một tài liệu khác còn chứng minh thêm mặt tích cực đôn

(1) Mấy vị này đều đóng vai quan trọng trong việc duyệt kiểm và phúc kiểm khi làm *Cương mục*.

(2) Nguyễn Thông, tự Hi-Phản, hiệu Kỳ-xuân, người Tân-thanh thuộc Gia-định, có viết cuốn *Việt sử cương giám khảo lược* (1877), trình bày rất nhiều ý kiến đối với bộ sử *Cương mục* mà ông đã tham gia.

(3) Sao chép tinh tường.

(4) Các bản sử cũ, chủ yếu là sử *Toàn thư*.

(5) Người Lan-kê đời Nguyễn, tự là Cát-phủ, Lý-Trường là một danh nho ở đương thời.

(6) Từ-dương, tên hiệu của Chu-Hi (1130—1201), tác giả bộ sử *Thông giám cương mục* (Trung-quốc), cũng gọi tắt là *Cương mục*. Nội dung sách này, dựa theo bộ *Thống giám* của Tư-mã Quang, Chu-Hi cũng chia ra từng *cương* và từng *mục*, còn thể lệ và bút pháp thì phỏng theo *Xuân thu* của Khổng-tử.

(7) *Xuân thu*, do Khổng-tử dựa vào *Lỗ sử* mà soạn ra để ngụ ý khen chê theo chủ quan của mình đối với người và việc ở đương thời.

(8) Chỉ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*.

(9) « Cổ thần Phan-thanh-Giản phụng sung tổng tài, sử bút xuất tự kỳ thủ » (theo *Việt sử cương giám khảo lược*, quyển I, tờ 3b).

đốc của Tự-đức : « Về việc làm bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, nay các giám thần đã đủ chân, và đều là những người có học ; vậy hạn trong 3 tháng, từ tháng 6 đến tháng 8, cùng nhau hội đồng mà hiệu đính cho kỹ, xong rồi tiến trình. Nếu còn chậm trễ sai sót thì có lỗi đó ! » (theo lời « Châu phê » của Tự-đức ngày 11 tháng 5 năm Tự-đức thứ 29).

Còn Nguyễn Thông, từ khi được sung vào chân khảo duyệt (1876), ông cùng các bạn đồng sự, chia nhau duyệt từng thời kỳ lịch sử. Tháng 8 năm bình ti (1876), ông làm xong phần việc của mình.

Nguyễn Thông duyệt phần *Tiền biên* từ *Hùng vương kỷ* đến *Tống Kiên-đức* năm thứ 4 (tức là thời kỳ Mười hai sứ quân, 966) ; phần *Chính biên* từ *Đinh Tiên-hoàng* đến *Trần đế Ngỗi*, năm *Hưng-khánh* thứ 1 (1407) (theo *Việt sử cương giám lược khảo*, quyển I, tờ 1a).

Còn Bùi Ước làm việc phúc kiểm, duyệt lại bản *Sử thảo* (bản thảo *Cương mục*), 4 tập *Thanh tự* của *Sử quán*, và 2 tập *Phúc duyệt sách* (văn bản duyệt lại) (theo sách dẫn trên, quyển I, tờ 3a).

Trong khi làm việc biên soạn hoặc duyệt kiểm bộ sử *Cương mục* ấy, giữa các sử thần cộng sự thường có những ý kiến dị đồng hoặc không thống nhất với nhau. Đây, một vài thí dụ :

Nguyễn Thông và Phạm Huy cùng làm việc duyệt kiểm, nhưng hai người vẫn không thống nhất ý kiến về một số vấn đề, chẳng hạn như :

Căn cứ vào tài liệu *Sử cũ* (1), thấy chỗ tháng 4, mùa hạ, năm *Nguyên-phong* thứ 5 (1255) đời *Trần Thái-tông*, chép việc : « Tuyền lựa tẩn quan làm Hà-đê chánh phó sứ ở các lộ, nhằm những lúc rảnh việc nông, đốc thúc quân sĩ đắp đê, xẻ (決) ngòi, mương, đê phòng thủy hạn ». *Cương mục*, dưới chỗ Hà-đê sứ, chỉ chép : « ... Hằng năm, nhằm lúc rảnh việc nông, đốc-thúc quân sĩ bồi đắp đê, phòng lụt, hạn ». Thế là bỏ sót mất mấy chữ « đào (浚) ngòi, mương ».

Phạm Huy cho rằng nếu bỏ sót như vậy thì đối với chữ « phòng hạn » chưa được chu đáo, ổn thỏa. Vậy thiết nghĩ nên bổ sung vào. Nhưng ý kiến của Nguyễn Thông lại khác : Thông cho rằng một khi đã nói đến việc sửa đắp đê điều, lẽ tự nhiên là gồm làm cả việc phòng hạn và lụt. Và lại, về ngòi, mương, *Sử cũ* không chép là « đào » (浚) mà lại chép là « xẻ » (決) thì trái với ý nghĩa chữ « bồi đắp » (培築). Ba chữ « xẻ ngòi, mương » này là lời văn đáng ngờ trong bộ sử đã tuyệt bản. Điền cổ và sự thực khó bề kê cứu, vậy không cần chấp và cho thêm bộn và rườm (theo *Việt sử*

cương giám khảo lược của Nguyễn Thông, quyển II, tờ 19 b — 20 a).

Trên đây, chúng tôi mới chỉ vắn tắt nêu sơ mấy nét về thủ tục biên soạn *Cương mục* và một số việc làm của vài yếu nhân có tham gia vào công tác đó. Các bạn đọc nếu muốn biết thêm, nên tham khảo quyển *Thủ đặt đầu bộ sử Cương mục* và các di văn còn lại của một số sử thần như Phan-thanh-Giản, Nguyễn Thông, Nguyễn-tư-Giản, v.v... Đi sâu hơn nữa, các bạn nên đọc thêm *Thực lục*, đệ tứ kỷ, những chỗ chép về Tự-đức với việc làm *Cương mục*.

* * *

B — Những ưu điểm của sử *Cương mục*

Đại Việt sử ký toàn thư chỉ chép đến hết đời *Lê Gia-tông* (1672 — 1675), nên từ đời *Lê Hi-tông* (1676 — 1704) đến đời *Lê Chiêu-thống* (1787 — 1789), phải nhờ *Cương mục* mới biết được quãng lịch sử 113 năm.

Cương mục làm sau các bộ sử cũ như *Đại Việt sử ký* của *Lê-văn-Hưu*, các sử sách của *Phan-phu-Tiên*, của *Ngô-sĩ-Liên*, của *Vũ Quỳnh*, của *Phạm-công-Trứ*, của *Lê Hi*, của *Nguyễn Nghiễm*, của *Ngô-thị-Sĩ*, của *Lê-qui-Đôn*, của *Phan-huy-Chú* và của *Lê-cao-Lăng*, v.v..., đã tập đại thành được một số tinh hoa của những sử gia đi trước, và vì điều kiện xã hội và lịch sử theo chiều tiến lên, nên *Cương mục* lại được tương đối thuận lợi về mọi mặt như sẵn nhiều sử liệu, có đông văn thần và dễ dàng ấn loát... Cứ như *Cương mục* « đã cho biết » thì ngoài các sử sách *Việt-nam*, *Cương mục* còn tham khảo rất nhiều *Bắc sử*, chẳng hạn như *Sử ký* (2), *Tiền Hán thư*, *Hậu Hán thư*, *Ngô chí*, *Tấn thư*, *Cựu Đường thư*, *Tân Đường thư*, *Ngũ đại sử*, *Tống sử*, *Tư trị thông giám*, *Thông giám cương mục*, *Nguyên sử*, *Cương mục tiền biên*, *Minh sử*, *Minh Hội điển*, *Thanh sử*, *Nghị phê lịch đại thông giám tập lãm*, *Thanh Hội điển*, *Đại Thanh nhất thống chí*, v.v...

Và một số sử sách của các tác gia Trung-quốc, như :

— <i>Giao-châu ký</i>	Tăng Cồn
— <i>Nam Việt chí</i>	Thần Hoài-Viễn
— <i>Thông điển</i>	Đỗ Hựu
— <i>Quảng dư ký</i>	Lục Bá-Sinh
— <i>Nam-khang ký</i>	Đặng Đức-Minh
— <i>Quảng-châu ký</i>	Bùi Uyên
— <i>Thủy kinh chú</i>	Lý Đạo-Nguyên
— <i>Lĩnh ngoại đại đáp</i>	Chu Khứ-Phi

(1) Nguyên văn đoạn *Sử cũ* này, xem *Toàn thư* V, 12 b (bản in Nhật-bản, sách Thư viện Khoa học, ký hiệu A.7).

(2) *Sử ký* của *Tư-mã Thiên*.

— <i>Thài bình hoàn vũ ký</i>	Nhạc Sĩ
— <i>Ngu hành chí</i>	Phạm Thành-Đại
— <i>Văn hiến thông khảo</i>	Mã Đoan-Lâm
— <i>Thiên Nam hành ký</i>	Từ Minh-Thiện
— <i>Lĩnh-nam di thư</i>	Âu Đại-Nhậm
— <i>Bách Việt tiên hiền chí</i>	Âu Đại-Nhậm
— <i>An-nam chí (nguyên)</i>	Cao Hùng-Trung
— <i>Độc sử phương dư ký yếu</i>	Cổ Tô-Vũ v.v...

Sở dĩ chúng tôi đi sâu vào chi tiết, liệt kê các sử sách mà *Cương mục* đã dùng để tham khảo ra đây, một mặt cốt để nêu rõ ưu điểm của *Cương mục*, tỏ ra khi làm việc biên tập, các sử thần ở Quốc sử quán bấy giờ cũng đã chịu khó sưu tầm khảo cứu, mong đưa việc làm *Cương mục* đến chỗ hoàn chỉnh hơn và thiện mỹ hơn; nhưng mặt khác, chúng tôi cũng muốn tập trung các sử sách tham khảo ấy vào một bảng liệt kê này để độc giả khi cần, nên kiểm tra lại tài liệu mà *Cương mục* đã dùng, xem có chính xác hay không.

Cương mục, vì bị điều kiện lịch sử hạn chế, tuy có một số khuyết điểm đây thật, nhưng nội dung có nhiều sử liệu có thể cung cấp cho chúng ta ngày nay sử dụng. Các tên người, tên đất mà *Cương mục* đã nêu ở chỗ «Lời chua» dù còn sơ lược và còn hạn chế trong phạm vi từ cuối thế kỷ thứ XIX trở về trước, nhưng trên căn bản, cũng được một phần nào giúp cho chúng ta ngày nay tham khảo. Hơn nữa, trong lời «Cần án» của *Cương mục* cũng có nhiều chỗ có giá trị. Thí dụ như chỗ đính chính đường hành quân của Toa-đô khi sang Chiêm-thành không phải do đường Vân-nam sang Lão-quá (Lào) rồi vào Chiêm-thành như Sử cũ đã chép (1); tên thổ tri phủ Chăm Bành là đầu hàng nghĩa quân Lam-sơn, chứ không phải «tử tiết» như *Minh-sử* đã viết không đúng sự thực (2) v.v...

Đặc biệt, có những điểm nổi bật đáng kể là, đối với những tài liệu chép trong *Cựu sử*, nếu là những việc hoang đường quái gở thì *Cương mục* tước bỏ đi, không chép; một vài trường hợp nào, nếu cần thì chỉ lược chú bằng chữ nhỏ để tồn nghi thôi. Còn đối với những việc chép trong *Cựu sử* mà *Cương mục* cho là thiếu sót, sơ lược hoặc sai lầm thì so sánh với *Bắc sử* hoặc các dã sử, biệt chí của nước ta, hễ điểm nào có thể bổ chính thì bổ chính lại (*Cương mục*, quyền đầu, tờ 12 a — b).

Hơn thế nữa, *Cương mục* có một phương pháp trình bày khá khoa học là, đối với một sự việc gì nếu chưa đủ bằng chứng cụ thể để giải quyết vấn đề thì *Cương mục* chỉ đưa ra vấn đề và cung cấp tài liệu để độc giả tham khảo, chứ không lấy ý kiến chủ quan mà vô đoán hoặc bẻ cong sự thực.

C — Những khuyết điểm của sử Cương mục

Nếu soát lại cả bộ *Cương mục* 53 quyền (3) để nêu lên những khuyết điểm của nó thì, ít ra, có thể viết được một tập sách khá dày. Chứng cứ là Nguyễn Thông viết cuốn *Việt sử cương giám khảo lược* (4) trình bày rất nhiều ý kiến của ông hoặc dị đồng, hoặc không thống nhất với một số sử thần trong khi biên soạn *Cương mục*. Nay tôi chỉ nêu sơ một vài nhận xét nhỏ để gợi ý các bạn đọc muốn kiểm tra lại bộ sử *Cương mục* và đánh giá nó. Dưới đây chỉ là một vài thí dụ:

1 — *Cương mục* có nhiều điểm sai lầm, thiếu sót hoặc sơ lược.

Đành rằng, trong một bộ sử, trình bày sự việc suốt mấy nghìn năm, biên tập hàng hơn năm chục cuốn, rất khó tránh khỏi những điểm sai lầm, thiếu sót hoặc sơ lược; nhưng đây là việc làm của cả Sử quán, từ tổng tài đến kiểm duyệt gồm 29 vị (không kể 6 người tùy biện và 12 người đăng tả), từ lúc khởi thảo (1856) đến lúc hoàn thành (1884) hàng 28 năm, độc giả đòi hỏi phải có sự thận trọng hơn, đầy đủ hơn và tốt hơn nữa. Những khuyết điểm của *Cương mục* mà chúng tôi nêu ra dưới đây chỉ là có ý trách bị hiền giả:

a) Sai lầm. — «Lời chua» của *Cương mục* có tác dụng là hướng dẫn độc giả biết được sự việc lịch sử, lý lịch một nhân vật hoặc tình hình duyên cớ một tên đất... Nhưng nếu chú thích mà sai thì chẳng những mất hết tác dụng, lại còn đưa người đọc đến chỗ nguy hiểm là đi theo cái sai trật của sử sách nữa.

Về «Lời chua» của *Cương mục*, thỉnh thoảng có chỗ sai lầm như:

Tiền biên, quyền I, tờ 13 b chưa về Lâm-thao, địa điểm Lý-ông-Trọng đem quân đóng giữ khi làm tư-lê-hiệu-ủy nhà Tần: «Tên huyện, đời Tần, Lâm-thao thuộc quận Lũng-tây, nay là địa phận phủ Lâm-thao, tỉnh Thiểm-tây nhà Thanh». Như thế là đúng, nhưng nó lầm ở chỗ «Lời chua» trong *Chính biên* quyền XLI, tờ 4, cũng chép về Lâm-thao mà là địa điểm hoạt động của Nguyễn-danh-Phương: «xem *Tiền biên*, An-dương vương năm thứ 37», tức là xem quyền I, tờ 13 b trên đây. Như thế là *Cương mục* chưa lầm, vì Lâm-thao ở *Tiền biên* I, 13b là Lâm-thao của Trung-quốc; còn Lâm-thao ở *Chính biên* XLI, 4, là

(1) Xem *Cương mục Chính biên*, VII, 35 b.

(2) Xem *Cương mục Chính biên*, XIII, 19 b — 20 a.

(3) Quyền đầu: 1 + *Tiền biên*: 5 + *Chính biên*: 47 = 53 quyền.

(4) Sách in, tựa đề năm Tự-đức thứ 30 (1877)

Lâm-thao của Việt-nam, hiện nay thuộc tỉnh Phú-tho, không thể lộn hai Lâm-thao làm một được.

Lại ở một chỗ khác, trong lời «mục» thì *Cương mục* chép Quận Lập, tên là Lập Bao, người Bô-chính, được tin Trịnh Kiểm đã chết, anh em Trịnh Cối đánh nhau, bèn đem quân đầu hàng nhà Mạc (việc ngày tháng tám, năm canh ngọ, 1570, Chính-trị thứ 13). Vậy mà, đến chỗ «Lời chùa», *Cương mục* lại viết: «Lập Bao là tướng nhà Mạc» (*Chính biên* XXVIII, 25). Đã là tướng nhà Mạc, sao trên đó còn chép Lập Bao đem quân đầu hàng nhà Mạc nữa? Nếu không phải là sai lầm, thì chẳng cũng là tự mâu thuẫn?

Hơn thế nữa, *Cương mục* còn cái «tật» là hay chữa văn của *Cựu sử*, thành, thử lắm khi lại làm sai lạc cả sự việc lịch sử, chẳng hạn như: Người Hậu Đường hay nuôi nhiều con nuôi. Trong *Ngũ đại sử*, đã có riêng một mục «Nghĩa nhi truyện» (*Ngũ đại sử ký*, tr. 186 — 191). Mà những nghĩa nhi (con nuôi) này phần nhiều là tay hùng võ tuần kiệt. Thí dụ, Đường Thái-tổ rất đông con nuôi, trong đó có 9 người nổi tiếng đáng kể: Minh-tông, Tự-Chiêu, Tự-Bản, Tự-Ân, Tồn-Tin, Tồn-Hiếu, Tồn-Tiến, Tồn-Chương và Tồn-Hiến. Phong trào nuôi con nuôi làm nanh vuốt đó truyền sang Việt-nam. Những hào kiệt của ta, hồi đầu thế kỷ thứ X, cũng thực hiện cái lễ thói ấy. Chứng cứ là, Dương-đình-Nghệ, mà sử *Tổng luận* của Lê Tung gọi là Dương Chính-công, đã nuôi đến ba nghìn con nuôi để mưu tính việc khôi phục đất nước (theo *Toàn thư* V, 18 b). Cho nên trong *Tổng luận*, Lê Tung viết: «... Kiều-công-Tiến là con nuôi (nghĩa nhi) của Dương Chính-công, vậy mà quên ơn nuôi dưỡng, trở đem đồ đảng giết Chính-công: Thế là con mà giết cha, cứu cánh bị Ngô Tiên-chúa giết chết!... Bọn loạn tặc, lúc sống, không được dung thứ ở trong trời đất, lúc chết, khó tránh khỏi búa rìu của kinh *Xuân thu*» (*Tổng luận*, đầu *Sử ký*, tờ 17 b).

Nếu không là sai lầm thì là «cải biên». *Cương mục* viết: «Trước kia, Diên Nghệ (1) để chỉ vào việc khôi phục, nuôi ba nghìn *trắng* sĩ làm quân nanh vuốt...» (*Tiền biên*, V, 17b). Thế là *Cương mục* quả không nắm được qui luật của ảnh hưởng qua lại giữa ta và Trung-quốc, không nhìn thấy tập tục của các nhà quân sự hay nuôi con nuôi để làm nha trảo bắt nguồn từ đời Hậu Đường, nên mới có sự sai lầm là đã đổi hai chữ «nghĩa nhi» hoặc «giả tử» (con nuôi) làm hai chữ «trắng sĩ», thành thử khiến cho độc giả nếu không đọc *Toàn thư* của đời Lê hoặc *Sử ký* của đời Tây-sơn (2) thì rất khó thông được lời bàn của Lê Tung viết trong *Tổng luận* như trên đã trình bày.

Đối với chế độ ruộng đất thời phong kiến, đơn vị mẫu, sào, thước... rất quan trọng. Thế mà, về vấn đề này, *Cương mục* cũng sai lầm:

Đại Việt sử ký thực lục, quyển XII, tờ 74a chép: Quy định sào và thước. Ra lệnh: ruộng đất, mỗi mẫu 10 sào, mỗi sào 16 thước 5 tấc (việc ngày tháng 10, năm nhâm thìn, 1472, Hồng-đức năm thứ 3). Vậy mà *Cương mục Chính biên* XXII, 28a lại chép: «... Ra lệnh: ruộng đất, mỗi mẫu 10 sào, 6 thước, 5 tấc».

Trên đây đã nêu sơ những điểm sai lầm của *Cương mục*, bây giờ chúng ta thử xét đến những nét thiếu sót hoặc sơ lược.

b) Thiếu sót hoặc sơ lược. — Dưới thời phong kiến, việc bán ruộng đất và việc mua người làm nô đều là những vấn đề rất trọng đại đối với sử học. Vậy mà, *Cương mục*, vì không nhận thấy tầm quan trọng của vấn đề, coi thường tài liệu của *Cựu sử*, nên đã tự tiện tước bỏ, làm cho một số sự việc lịch sử có liên quan đến vấn đề kinh tế và vấn đề chế độ xã hội bị thiếu sót đi! Thí dụ: Đời Trần Anh-tông (1293 — 1313), tháng 9, năm kỷ hợi (1299), trong một tờ chiếu có nói đến hai việc trên đây: từ năm canh dần (1290) và năm tân mao (1291) đến năm kỷ hợi (1299, Hưng-long thứ 7): phạm ai bán ruộng đất hoặc mua người nhà làm nô (3) đều cho phép được chuộc; nếu để quá hạn năm đó thì không được chuộc (*Toàn thư*, VI, 8a).

Ngược lên, trước đó 9 năm, tức là năm canh dần (1290), dân bị đói to (4). *Cương mục* (quyển VIII, tờ 16a) tuy có chép đến việc nhiều người phải bán ruộng đất và con cái để tự túc, nhưng so với *Toàn thư* (quyển V, tờ 59b — 60a), ta thấy *Cương mục* thiếu sót ở chỗ không chép rõ rằng bán con trai con gái làm nô tì cho

(1) Về chữ đệm của họ Dương, có hai thuyết vẫn song song tồn tại: một thuyết cho là «Diên» (Dương-diên-Nghệ), thuyết khác lại bảo là «Đinh» (Dương-đình-Nghệ). *Cương mục* đây theo thuyết trên.

(2) *Sử ký* cũng chép như sau: «Bây giờ Đinh-Nghệ nuôi 3.000 người con nuôi (giả tử), mưu tính việc khôi phục...»

(3) Nguyên văn: «mãi gia nhân vi nô», có ý nói rộng cả con, cháu và đầy tớ nhà người ta, chứ không bó hẹp chỉ có con cái (nam nữ) như *Cương mục* đã sửa lại.

(4) Bấy giờ là đời Trần Nhân-tông (1279 — 1292). Một, hai năm sau trận chiến thắng Bạch-đăng (1288) và việc trao trả tù binh nhà Nguyên (1289), kinh tế nông nghiệp, vì hậu quả chiến tranh, chưa được khôi phục, nên sản xuất bị ảnh hưởng lớn, nên hai năm liền, 1290 — 1291, bị luôn hai trận đói kém dữ dội.

người ta và mỗi người [bị bán] đó trị giá chỉ có 1 quan tiền! Trong khi đó, 1 quan tiền chỉ mua được 3 thưng (1) gạo (2)!

Và *Cương mục* còn thiếu sót cả tài liệu về việc đời Trần có thói dùng điền nô làm tặng phẩm (3).

Về hành chính, từ đầu đời Trần, ta đã có nhiều sáng kiến đáng kể, chẳng hạn như việc lần tay trên giấy tờ về ruộng đất hoặc vay nợ. *Toàn thư* V, 9b có chép: «... phạm làm chức thư, văn khế, nếu là những giấy tờ về ruộng đất hoặc vay tiền thì người làm chứng phải lần ngón tay vào dòng thứ ba ở trước, người chủ đứng bán phải lần ngón tay vào dòng thứ tư ở sau (theo lời chiếu của Trần Thái-tông ngày tháng giêng, năm đinh dậu, 1237, Thiên-ứng-chính-bình thứ 6). Vậy mà sự việc lịch sử qui báu này, chúng ta cũng thấy thiếu sót ở trong *Cương mục*!

Về giá cả của lương thực là một vấn đề rất trọng đại, có quan hệ đến sự sinh sống của nhân dân, *Việt sử lược* II, 27 có cho chúng ta biết rằng năm Thuận-thiên thứ 7 (1016) đời Lý Thái-tổ: 30 bó lúa (họa tam thập kết) trị giá 70 đồng tiền, nhưng *Cương mục* thì lược bỏ cái sử liệu này.

Về đề Quai-vạc (Đỉnh-nhĩ đề), hồi tháng 3, năm mậu thân, Thiên-ứng-chính-bình thứ 17 (1248) do đời Trần đắp, *Cương mục* chỉ viết sơ lược như sau: «Ra lệnh cho các lộ đắp đề từ đầu nguồn đến bờ biển đề ngừa nước sông tràn ngập, gọi là đề Quai-vạc» (*Chinh biên* VI, 31a).

Còn công trình coi đề và đắp đề, *Cương mục* chỉ thêm: «... Đặt Hà-đê chánh phó sứ coi quản công việc. Những khúc đề nào đắp vào ruộng đất của dân thì tính giá bồi thường». Và một câu kết thúc: «Việc đắp đề Quai-vạc là bắt đầu từ đây» (sách dẫn trên).

Xuyên qua tài liệu trên đây của *Cương mục*, chúng ta chỉ biết đại khái rằng đề Quai-vạc đắp từ đầu nguồn đến bờ biển và Hà-đê chánh sứ với Hà-đê phó sứ đều là những quan chức được đặt đề trông coi đề điều, có thể thôi! Nhưng thực tế, từ đầu nguồn là từ đâu, đến bờ biển là đến chỗ nào, và công việc coi đề, đắp đề ra sao, nếu chúng ta không tìm kiếm ở sách khác thì không biết rằng: Bấy giờ nhà Trần đắp đề ở hai bên triều sông Hồng-hà đề đề phòng nước lụt: một dải đề bắt đầu từ sông Đáy đến sông Hải-triều và sông Phù-vạn thì ngừng; một dải đề từ bến sông Bạch-hạc (Bạch-hạc giang bộ đầu) đến sông Lô, sông Đại-lũng, cửa Mạnh và cửa Ninh thì ngừng: mỗi dải đề đều cao 3 thước (?), rộng 5 trượng.

Còn nhiệm vụ của Hà-đê chánh phó sứ cũng được qui định rõ ràng và sự giám sát của Nhà nước phong kiến cũng chặt chẽ:

Công việc đề, do Hà-đê chánh, phó sứ coi giữ. Hằng năm, cứ đến tháng giêng, quan Hà-đê đôn đốc các nhân dân ở gần quanh đó, không phân biệt sang hay hèn, già hay trẻ, đều đến bồi đắp: chỗ nào trũng thấp thì đắp cao thêm, chỗ nào lở khuyết thì vá phụ vào. Đến đầu mùa hạ, làm xong. Năm nào cũng thường làm như vậy. Khoảng tháng 6, tháng 7 (âm lịch), nước sông lên to thì quan Hà-đê sứ phải đích thân đi tuần xem xét: hễ thấy chỗ nào đề xấu hoặc lở khuyết, lập tức phải sửa đắp lại. Quan Hà-đê sứ nào biếng nhác, lơ là, không làm tròn chức vụ đến nỗi đề cho đề vỡ, dân cư và lúa má bị ngập lụt thì sẽ bị trừng phạt tùy theo tội nặng hay nhẹ.

Chế độ đắp đề Quai-vạc ấy bắt đầu từ Trần, đến Hồ và hồi thuộc Minh hãy còn tồn tại.

Chúng tôi tìm được tài liệu về đề Quai-vạc đời Trần tương đối đầy đủ như vậy có-phải ở nguồn nào xa lạ đâu, mà chính ở ngay *An-nam chí nguyên* (4) (quyển II, tr. 144 — 145) là sách mà các sử thần khi soạn *Cương mục* đã từng nhiều lần sờ đến, nhưng chỉ đáng lạ là, về đề điều là vấn đề quan trọng như vậy, *Cương mục* lại không đi sâu vào vấn đề, trình bày cho được tường tận!

2 — *Cương mục không quan niệm được chính xác thế nào là một dân tộc, một quốc gia và một triều đại!*

Đối với Triệu Đà, *Sử ký* của triều Tây-sơn rất sáng suốt trong việc không nhận nhà Triệu vào để thống nước ta, cho nên khi viết đến nhà Triệu, *Sử ký* nêu là «Ngoại thuộc Triệu-kỷ», dưới đó đặt luôn lời bàn của sử thần Ngô-thị-Sĩ: «Từ sau khi An-dương đã mất, quốc thống không còn biết cột vào đâu! Những nhà chép sử thấy Triệu Đà kiêm tỉnh

(1) Đây theo *Toàn thư*, còn *Cương mục* chép là 1 thưng: gạo 1 thưng trị giá tiền 1 quan.

(2) Giá gạo trong hai năm 1356 — 1357 đời Trần Du-tông là: 1 thưng gạo trị giá 1 tiền (10 tiền là 1 quan) (theo *Toàn thư*, bản in Nhật-bản, quyển VII, tờ 13b).

(3) Trâu Tôn, cha Trâu Canh, làm thuốc, chữa được nhiều vương hầu đời Trần khỏi bệnh, luôn được tặng điền nô, do sự bóc lột lao động thặng dư đó, Tôn trở nên giàu lớn (sách dẫn trên, VII, 9b).

(4) Bản in chữ Hán của Viễn-dông học viện, Hà-nội, 1932. Cũng gọi *An-nam chí*, Cao Hùng-Trung soạn (Viện Sử học đã dịch và chú thích trọn bộ, nhưng chưa in).

được Giao-chỉ, do Nam-Việt vương mà xưng đế, liền đặt Triệu Đà vào để kỷ đề tiếp nối An-dương, rồi nêu bằng chữ to, chép về Triệu Đà một cách đặc biệt, dường như khoe rằng đó là cuộc rực rỡ của nước ta bắt đầu xướng lên đế nghiệp. Người sau lại cứ noi theo lẫn nhau, chẳng ai biết là không đúng. Kề ra, đất Việt ở Nam-hải — Quế-lâm, không phải là đất Việt ở Giao-chỉ — Cửu-chân — Nhật-nam. Triệu Đà dấy lên từ Long-xuyên, lập quốc ở Phiên-ngung, vì muốn mở rộng bờ cõi, bèn kiêm tính nước ta để làm thuộc quận, rồi đặt giám chủ, chỉ cốt để giam buộc ta đó thôi, chứ thực ra chưa hề làm vua ở đất nước ta bao giờ. Nếu cứ thấy kẻ nào làm vương đất Việt, liền tôn làm vua mình, thì, sau đó, có Lâm Sĩ-Hoàng dấy lên từ Bà-dương, Lưu-Nham dấy lên từ Quảng-châu, đều xưng là Nam-Việt vương, rồi tiếm xưng đế hiệu, như vậy cũng đặt họ vào để kỷ cả sao?... » (Sử ký II, 1a — b).

Rồi nhà sử họ Ngô lại thêm : « ... Nước ta có tiếng là văn hiến, thì sử một nước há lại nên đem người nước khác đặt vào để kỷ? Vậy dám xin sửa lại cho đúng: truất bỏ «Triệu Đà kỷ» đi. Vì đem quốc thống gán cho Đà, không phải là phép viết sử. Đà chống nhà Hán, Giao-châu chưa thông với Trung-quốc, vậy nên xếp theo lệ «Ngoại thuộc» cho phân biệt với «Nội thuộc» (sách dẫn trên).

Cương mục làm sau *Sử ký*, đáng phải thâm lược lấy những ý kiến hay đó của Ngô-thi-Sĩ mà đặt nhà Triệu vào một cương vị cho đúng mức mới phải. Đằng này không thế, *Cương mục* lại quá đề cao Triệu Đà, xếp Triệu Đà vào hàng như Lý Nam-đế và Triệu Việt-vương sau này!

Từ đầu thế kỷ I sau công nguyên, bà Trưng nổi dậy, phất cờ nghĩa, đánh đuổi Đông Hán xâm lược, thu phục được 65 thành, lên ngôi làm vua, giữ nước được 3 năm (40 — 42). Như vậy, so với Lý Nam-đế và Ngô-vương Quyền, bà Trưng cũng đủ qui mô một nước độc lập và đáng kể là một triều đại tự chủ. Vậy mà, trong mục «Phạm lệ», *Cương mục* dám viết như sau : « Trưng thị dấy quân, phục thù, chưa lập thành nước,... có khác với An-dương vương và Triệu Việt-vương. *Cựu sử*... nêu riêng làm một kỷ, nay lược bỏ đi. Nhưng cứ theo sự việc, chép thẳng đề giữ lấy sự thực, rồi đặt phụ vào niên kỷ thuộc Hán » (*Cương mục*, quyền đầu, tờ 3). Thế là *Cương mục* phủ nhận cả một sự nghiệp võ trang đấu tranh, đánh đuổi giặc ngoại xâm, tiến hành công cuộc giải phóng dân tộc của Hai bà Trưng! *Cương mục* đứng chung một lập trường với tên phản quốc Lê Trắc bôi nhọ dân tộc Việt-nam bằng những dòng chữ chép trong *An-nam chí lược*, tác phẩm của hắn : « Trưng Trắc, con gái Giao-chỉ, làm phản! »

Tệ hơn nữa là, từ năm 939 trở đi, Ngô-Quyền đã củng cố được nền độc lập dân tộc, chấm dứt được cuộc đô hộ của phong kiến Bắc phương. Kế thừa cơ đồ tự chủ ấy, sau đó là Dương Bình-vương, Ngô Thiên-sách, Ngô Nam-tấn và Thập nhị sứ quân, dù thay bậc đổi ngôi, nhưng trước sau rõ ràng vẫn là « Nam quốc sơn hà, Nam đế cư ». Vậy mà đối với Ngô-vương Quyền cũng như mấy chủ thể kế sau đó, *Cương mục* đều xếp « theo thể lệ chép năm về liệt quốc, chưa chữ số niên thứ hàng năm về các triều ấy bằng chữ nhỏ vào hai hàng trong một dòng (1)... để phân biệt với triều chính thống » (*Cương mục*, quyền đầu, tờ 3a; *Tiền biên*, quyền V, tờ 20a — 32a).

Thế là *Cương mục* đã tỏ ra khẳng định nhà Ngô không phải là triều chính thống, mặc dầu Ngô Quyền đã giành được độc lập từ tay giặc Nam Hán xâm lược và, trong 6 năm cầm chính quyền, nhà Ngô đã thiết lập kinh đô ở Cổ-loa, đã đặt bách quan, dựng nghi lễ triều đình và qui định màu sắc các đồ mặc (*Cương mục Tiền biên*, V, 20).

3 — *Cương mục* tỏ ra rất chuộng văn chương, nhưng lại rất cầu thả đối với những áng văn lịch sử!

Những áng văn lịch sử của Việt-nam chẳng hạn như «Hịch tướng sĩ văn» của Trần Hưng-đạo và «Bình Ngô đại cáo» của Nguyễn Trãi..., chẳng những nêu được sự việc lịch sử trọng đại ở đương thời, mà lại nói lên được giá trị của văn học phục vụ cho nghệ thuật và nhân sinh nữa. Nhà sử phong kiến của ta rất hay ghi chép những loại văn như vậy. Cho nên, qua các tác phẩm sử học, chúng ta thấy có nhiều bài thơ, bài văn còn truyền lại đến ngày nay, một nhân tố chính là nhờ ở tính hiếu thượng đó.

Nhưng, *Cương mục* về phương diện này, lại theo đại khái chủ nghĩa, tỏ ra có những câu thả đáng tiếc! Thi dụ :

Bài «Hịch tướng sĩ văn» của Trần Hưng-đạo, chẳng đợi phải nói, ai cũng biết, vừa có giá trị về lịch sử, lại vừa là một kiệt tác về văn học, nó đã có tác dụng lớn là động viên được tinh thần tướng sĩ đương thời đi đến mấy trận chiến thắng lịch sử oanh liệt. Qua những

(1) *Cương mục* phân biệt rất nghiêm về triều chính thống và triều không chính thống. Triều nào được liệt vào chính thống thì niên thứ hàng năm (như nhị niên, tam niên, tứ niên, v.v...) mới viết bằng chữ lớn đứng ở giữa dòng, còn triều nào không phải chính thống thì niên thứ hàng năm viết bằng chữ nhỏ ở hai hàng trong một dòng.

lời làm ly bì trắng của tác giả, chúng ta càng thấy Trần-quốc-Tuấn chẳng những là một nhà quân sự đại tài, mà lại còn là một nhà văn học lớn ở thế kỷ thứ XIII. Bài này được *Toàn thư* (quyển VI, tờ 11b — 14b) ghi lại rất đầy đủ. Còn *Cương mục* (*Chính biên* VIII, 34a — 35b) chỉ trích lược thôi! Nhưng tai hại ở chỗ là *Cương mục* lược bỏ của nguyên tác chừng hơn sáu trăm bốn chục chữ, mà lại toàn là những đoạn văn trọng yếu, như:

«... Các người ngồi nhìn chủ nhục, chẳng hề lấy thế làm lo; chính mình phải nếm quốc sỉ, chẳng hề lấy thế làm thẹn! làm ông tướng ở trung nguyên, phải đứng hầu tên trùm mọi mà không rục lòng căm tức! nghe khúc nhạc Thái-thường phải đem tấu thiết sứ giặc yếm ẩm mà không nổi vẻ giận hờn! Hoặc chọi gà mua vui, hoặc cờ bạc lấy thích, hoặc chăm ruộng vườn để nuôi nhà, hoặc quán quít vợ con để thỏa tình riêng! Chăm lo sản nghiệp mà quên việc quân, quốc! Ham chơi săn bắn mà chểnh mảng việc tập đánh, giữ! Hoặc nghiện rượu ngon, hoặc mê tiếng dâm!... Thoát có giặc Mông-cổ Thát-đát kéo đến thì: cựa gà sắc không đủ đá rách được áo giáp giặc, mảnh lờ cờ bạc không đủ dùng làm mưu chước việc quân, giàu có điền viên không đủ chuộc được tấm thân nghìn vàng, bận bịu vợ con không đủ sung vào công việc quân, quốc, lượng sinh sản nhiều không đủ để mua đầu giặc, sức chó săn không đủ để xua đuổi giặc, rượu ngon không đủ để đầu độc quân giặc, tiếng dâm không đủ để làm điếc tai giặc! Đương lúc bấy giờ, thầy trò nhà ta bị trói, đang đau đớn lắm thay! Chẳng những thái ấp ta bị trước, mà bổng lộc các người cũng bị kẻ khác chiếm đoạt! chẳng những gia quyến ta bị xua đuổi, mà vợ con các người cũng bị kẻ khác bắt làm tù binh! chẳng những xã tắc tổ tông ta bị kẻ khác chà đạp, mà mồ mã cha mẹ các người cũng bị kẻ khác đào lên! chẳng những ta kiếp này chịu nhục, mà dẫu trăm đời sau cũng khó rửa sạch tiếng nhờn, còn mãi tên thụy xấu, mà gia thanh nhà các người cũng không khỏi tai tiếng là viên tướng bại trận! Đương lúc bấy giờ, các người dù muốn ăn chơi thỏa thích, phỏng có được không?

«Nay ta bảo rõ các người: nên nghĩ đến nguy cơ như dấm lửa chỗ chết củi, nên coi chừng cái nạn như bồng canh một lần thì thôi cả dĩa lạnh. Phải rèn dạy quân lính tập tành cung tên, khiến người này người khác đều là Bàng-Mông, nhà nào nhà nấy đều là Hậu-Nghệ. Bêu đầu Hốt-tất-liệt ở dưới cửa cung khuyết, xả thịt Vân-nam vương ở chỗ nhà cho man di cư trú, thì chẳng những thái ấp ta giữ được làm chiếc chiến xanh lâu dài, mà bổng lộc các người cũng suốt đời được hưởng, chẳng những

vợ con ta được yên trên giường đệm, mà vợ con các người cũng được bách niên giai lão, chẳng những tông miếu ta được cúng tế muôn đời, mà ông cha các người cũng được hưởng huyết thực trong những kỷ xuân thu thờ cúng, chẳng những ta đời nay đắc chí, mà các người trăm năm sau cũng bất hủ, còn mãi tiếng thơm, chẳng những tên thụy ta đẹp mãi đời đời, mà tên họ các người cũng đề thơm trên sử sách. Đương lúc bấy giờ, các người dù không muốn mua vui, hưởng lạc, phỏng có được chẳng?...» (1).

Qua mấy đoạn lịch văn trên đây, chúng ta thấy tác giả Trần Hưng-đạo đi vào sự việc cụ thể, nêu ra những lợi ích thiết thân để khích động tinh thần các tướng sĩ, vạch ra trước mắt họ hai con đường để họ tự chọn lấy một: cố gắng, chiến đấu thì sống, ăn chơi lơ là thì bị diệt vong! Một là sống vinh, hai là chết nhục. Muốn sống, phải cảnh giác, phải đánh giặc; muốn chết thì cứ cờ bạc, chọi gà, hú hí với vợ con, lẩn lộn với vườn ruộng... Rồi, với giọng thúc giục như nhạc quân, trống trận, tác giả ra lệnh cho họ: phải huấn luyện sĩ tốt cho thành thạo, phải tập bắn cho lành nghề, phải lấy cho được đầu Hốt-tất-liệt, phải vằm cho nát thịt Vân-nam vương, vì đó là một vấn đề sinh tử: địch thắng thì ta chết, địch bại thì ta mới sống còn. Nói tóm lại, những đoạn bị *Cương mục* lược bỏ đi kia còn quan trọng và cần thiết bằng mấy những đoạn mà *Cương mục* đã giữ lại! Vậy không biết tại sao *Cương mục* lại thiếu sự cân nhắc tế nhị như thế!

Ngoài ra, *Cương mục* lại dám tự tiện chừa văn của Trần Hưng-đạo, thí dụ như, nguyên tác: «Nhữ đẳng thế vi tướng chủng...» (đời này qua đời khác các người là nòi nhà tướng), *Cương mục* sửa lại: «... thế xuất tướng môn...» (... đời này sang đời khác, các người ra từ cửa nhà tướng...). Và, nguyên tác: «... Kỳ văn kỳ thuyết...» (đã nghe nói về những chuyện ấy...), *Cương mục* sửa lại: «... Kỳ văn cổ sự...» (đã nghe chuyện xưa). Thậm chí *Cương mục* còn sửa cả những chữ trợ ngữ từ, như «gia» 耶 (vậy vầy), «đời là» «tai» 哉 (vậy thay) nữa (xem *Toàn thư* VI, 11b, 14b; *Cương mục* VIII, 34b, 36a)!

Lại chỉ vì không biết tôn trọng nguyên văn, trung thực với tác giả, *Cương mục* đã phản lại Trần Hưng-đạo, làm cho câu văn của nhà cứu quốc vĩ đại ấy trở thành tối nghĩa! Nguyên

(1) Nguyên văn chữ Hán, xem *Đoàn thư* VI, 11b — 14b và *Hoàng Việt văn tuyển* (của Bùi-huy-Bích) VII, 1b — 4b. Bản dịch có chú giải, xem thêm *Trần Hưng-đạo*, tr. 106 — 113) của H.T.T, nhà xuất bản Vĩnh-bảo, Sài-gòn, 1950.

tác viết : « Cảo-Khanh nhất viễn thần dã, khẩu mạ Lộc-sơn, nhi bất tòng nghịch tặc chi kế... » (Toàn thư VI, 11b) (Cảo-Khanh là một bề tôi ở nơi biên viễn, miệng mắng An Lộc-sơn, không theo mưu kế của nghịch tặc...), *Cương mục* lại đổi Cảo-Khanh làm Nhan-Khanh (*Cương mục* VIII, 34b). Trong việc thay đổi một chữ « Cảo » ra « Nhan » đó, *Cương mục* đã phạm hai cái sai lầm. Sai lầm thứ nhất làm cho đối tượng được nêu ra đó dễ bị lẫn lộn, vì họ Nhan này ở đời Đường có hai anh em, Nhan Cảo-Khanh và Nhan Chân-Khanh, đều là những bậc nghĩa liệt phi thường cả. Nhưng đây tác giả Trần Hưng-đạo chỉ nói riêng về người anh là Cảo-Khanh, thái thú Thương-sơn, không nghe lời dụ dỗ của An Lộc-sơn, đã mắng giặc mà tử tiết. Nếu nói mập mờ là Nhan-Khanh thì độc giả dễ lẫn với Nhan Chân-Khanh, người đã dấy quân đánh An Lộc-sơn, đến khi già, bị thất cổ chết vì không chịu khuất phục tên Lý Hi-liệt ! Sai lầm thứ hai là *Cương mục* không nắm được lẽ đặt tên của người Trung-quốc : nhiều khi họ đặt chữ tên ở trên, chữ đệm ở dưới. Thí dụ, đời Tấn có Vương Hi-chi, Vương Huy-chi (hai cha con) ; đời Thanh có Lý Hồng-chương, Lý Hạc-chương (hai anh em)... Như vậy, chính tên của mấy người này là Hi, là Huy, là Hồng, là Hạc, chứ không phải là Chi, là Chương... Tên của anh em họ Nhan đời Đường trên đây cũng chung một lệ đó. Nếu *Cương mục* đổi là « Nhan Khanh » thì chẳng khác gọi « Vương Chi » hay « Lý chương », ai còn biết là chỉ Vương cha hay Vương con, Lý anh hay Lý em nữa ?

4 — *Cương mục* có những tư tưởng lạc hậu và « phản động » biểu hiện trong lời « phê » của *Tự-đức*.

Khi mở nguyên thư *Cương mục*, chúng ta thấy, khoảng trên đầu tờ sách, thỉnh thoảng có in những dòng chữ nhỏ đặt dưới hai chữ « Ngự phê », ấy là lời bình luận hoặc phê phán của *Tự-đức* đối với người hoặc việc lịch sử. Nội dung những lời « Ngự phê » này, hầu hết tư tưởng tầm thường, lời văn thông thông, nói chung không có gì là đặc sắc. Giá cứ vô tội tất cả thì chúng ta ngày nay có thể bỏ qua, không đếm xỉa đến. Nhưng khốn nỗi trong đó, còn xen lẫn cả những điên rồ, những lạc hậu, thậm chí cả những phản động, nên bây giờ chúng ta cần phải có ý kiến đối với những lời phê này.

Chúng phải nói, chúng ta bây giờ cũng như các cụ ngày trước, ai cũng phải thừa nhận rằng Ngô Quyền là bậc anh hùng dân tộc, Bạch-đăng là trận chiến thắng lịch sử vẻ vang. Chính Ngô Quyền đã kế thừa sự nghiệp cứu quốc của Khúc-thừa-Hạo, của Dương-dinh-Nghệ, chấm dứt được ách Bắc thuộc hàng

nghìn năm, xây vững được cơ sở độc lập dân tộc, mở đường cho Đinh, Lê, Lý, Trần sau này. Chính trận Bạch-đăng của Ngô Quyền đã nêu được những nét độc đáo, những trí sáng tạo về chiến thuật, về quân sự, để lại gương mẫu và khuôn sáo cho con cháu học tập khiến Lê Hoàn chiến thắng được giặc Tống và Trần Hưng-đạo đại phá được giặc Nguyên.

Trong *Tổng luận*, sử thần Lê Tung đã viết về Ngô Quyền với những lời hết sức khâm phục : « Ngô Tiên-chúa giết tặc thần Công-Tiên, phá kinh địch Hoàng Thao, thiết lập văn võ bách quan, qui định luật lệnh và áo mặc : thực là bậc kỳ tài cứu đời... » (dẫn trong *Sử ký*, đầu sách, tờ 17 a). Vậy mà *Tự-đức*, một trong những kẻ đầu hàng giặc Pháp, vô tuốt công ơn Ngô Quyền, bắt chấp cả lẽ phải, dám ngạo mạn phê bằng giọng mỉa mai : « Ngô Quyền gặp được nguy triều Nam Hán là một nước nhỏ, Hoàng Thao là trẻ ranh hèn kém, nên mới có trận chiến thắng Bạch-đăng. Thế là may, có gì đáng kể ! Giá thử gặp phải tay Trần Bá-Tiên, thì Ngô Quyền ít khi sụp theo Lý Bôn và Triệu-quang-Phục ! » (*Cương mục Tiền biên*, V, 19 a).

Lại một thí dụ nữa :

Lê Lợi khởi nghĩa Lam-sơn, phải đương đầu với giặc Minh đang ở thời kỳ cường thịnh : địch nhiều, ta ít, địch mạnh, ta yếu, địch đã lập vững cơ sở đô hộ, ta mới tay trắng vùng lên... Nhưng, trải mười năm võ trang đấu tranh, với sức nhiệt liệt ủng hộ của nhân dân, với tinh thần sẵn sàng hi sinh của quân đội và với những đóng góp vô bờ bến của các võ tướng, văn thần trong có Nguyễn Trãi, đánh bằng quân sự, đánh bằng kinh tế, đánh bằng chính trị và ngoại giao, nghĩa quân Lam-sơn vượt được biết bao gian khổ, đi đến thắng lợi là buộc tổng binh Minh, Vương-Thông, phải giảng hòa, hội thề ở thành nam. Thế là Lê Lợi thực hiện được những lời khẳng khái đã nói từ trước khi khởi nghĩa : « Trượng phu ở đời, nên cứu nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn thuở, chứ đâu lại thêm lằng xằng phục địch kẻ khác ? » (*Cương mục*, *Chinh-biên* XIII, 1 b). Rồi, vì muốn cuộc chiến tranh với giặc Minh sớm được chấm dứt, để quân và dân được yên nghỉ, rảnh tay kiến thiết mọi mặt trong nước, nên Lê Lợi đã rất sáng suốt và rất khôn khéo trong việc tạm lập Trần Cao làm vua Thiên-khánh (1426) để rửa mặt cho vua tôi nhà Minh, khiến bọn Vương-Thông dễ dàng rút quân về nước với danh nghĩa là đã lập được con cháu họ Trần, thực hiện « đúng như » lời chiếu của Minh Thành-tổ. Đó là một chiến thuật « binh bất yếm trá », một thủ đoạn ngoại giao rất tài tình. Vậy mà, đối với việc

(Xem tiếp trang 64)

VÀI NÉT VỀ PHONG TRÀO BẢ CHÁY

LÊ HỒNG

MGAY từ khi Pháp bắt đầu tấn công lên Tây-bắc, với ý chỉ quật cường của dân tộc, đồng bào ta đã liên tiếp nổi dậy chống kẻ thù chung, khiến đế quốc Pháp đã phải trầy trật mãi mới đặt được nền thống trị của chúng ở Tây-bắc.

Đi đôi với chính sách áp bức bóc lột tàn khốc ở miền xuôi, Pháp thi hành một chế độ cai trị thâm độc đối với đồng bào miền núi, chúng giữ độc quyền về thuốc phiện, cấm ngăn buôn bán đồ đạc, không cho tự do chở muối đi lại, chống chắt thêm sưu cao thuế nặng, chia rẽ mà trị, gây mâu thuẫn giữa dân tộc này với dân tộc nọ.

Lòng căm phẫn của nhân dân miền núi đến cực độ đã thúc đẩy toàn bộ dân tộc Mèo ở Điện-biên (Lai-châu) và Long-hệ (Thuận-châu) vùng lên dưới sự lãnh đạo của Vàng Bả Cháy — một nông dân người Mèo. Vàng Bả Cháy hay là Va Tủa Cháy tức tướng quân Cháy, quê ở Long-hệ, sau di đến Hua-thanh (Điện-biên), thuộc địa phương Thẩm-nhung trên ven sông Nam-u. Là con độc nhất một gia đình bản nông, bố là Vàng Lao Chử, dân tộc Mèo đỏ và mẹ là Sùng Mui Chín.

Bả Cháy mới lên 10 tuổi đã bắn rất giỏi. Thường áp đồng xu vào sườn núi, đứng xa giương nỏ bắn, trăm phát tên đều xuyên qua lỗ đồng xu cả trăm, hoặc tung trái bưởi lên đồi cao đợi bưởi lặn xuống bắn đón không sai phát nào. Năm 16 tuổi, bố chết, cậu bé Bả Cháy hàng ngày đánh dao kéo bể kiếm gạo nuôi mẹ. Qua hai năm sau, mẹ bị lừa lừa vào lúc Pháp bắt nhân dân các vùng phải đem nộp thuốc phiện và bạc trắng nhiều cho chúng. Dân tình khổ nhục, rất nhiều người phải bỏ bản, lìa nhà dắt díu nhau trốn tránh đi các nơi khác, nhưng đến đâu cũng thấy áp bức bóc lột tàn tệ, trong khi đó Pháp phai tay sai đi lùng bắt và phạt tiền, tịch thu tài sản.

Trước tình trạng đồng bào sống ngột ngạt trong những chuỗi ngày buồn thảm đen tối, Vàng Bả Cháy nghĩ chỉ còn vũ trang lực lượng đánh lại chúng mà thôi, bèn vận động nhân dân với những khẩu hiệu: « Đánh đuổi

Pháp», « Người Mèo sẽ có vua riêng, tự do làm ăn, ấm no sung sướng ».

Toàn thể dân Mèo trong vùng hưởng ứng đứng lên gia nhập hàng ngũ nghĩa quân, suy tôn Bả Cháy làm minh chủ. Đầu năm 1918, tập trung nghĩa quân ở khu rừng Thẩm-én, cách thị xã Lai-châu 3 cây số, tất cả mới có 375 người. Sau một thời gian luyện quân thành thạo, nghĩa quân đều chích máu uống rượu ăn thề. Bả Cháy thân hành múc rượu cho từng người, đoạn cũng nâng cao chén lên trời thề nguyện.

Ngay đêm hôm đó, nghĩa quân đột kích Mường-mún, giết chết em tên tri châu. Sau đó, tên quan tư cai quản đạo quan binh Lai-châu phải xuống điều đình, hứa sẽ sức cho tri châu Mường-mún và Quỳnh-nhai trả lại ngay bạc trắng, thuốc phiện, thịt lợn, cánh kiến cho dân Mèo.

Chiếm thắng lợi đầu tiên, nghĩa quân Bả Cháy tiến sang Điện-biên theo đường xuyên sơn, dọc đường kêu gọi dân Mèo tham gia nghĩa quân mỗi ngày một thêm đông đảo: quân số lúc này đã lên tới trên 700 người. Tháng 7-1918, phong trào càng lan rộng, lôi cuốn toàn thể nhân dân Mèo ở Điện-biên bỏ sung vào hàng ngũ. Thanh thế rất mạnh. Đế quốc Pháp hoảng sợ, ra lệnh cho tên thiếu tá Dez, cai quản đạo quan binh thứ tư cầm quân đi dẹp phong trào. Liên tiếp các lực lượng vũ trang ở Tả-phìn, ở Điện-biên đều nổi dậy chống Pháp. Trong bản tường trình về bộ tư lệnh Bắc-kỳ, đối phương đã phải thú nhận rằng: « Thời kỳ đầu của các cuộc tác chiến đã chỉ rõ rằng không phải chúng ta chỉ phải đương đầu với một lũ giặc có từ 80 đến 100 tay súng mà thôi, nhưng thực ra phải đối phó với cả một dân tộc đều nổi dậy do tên Bả Cháy xướng xuất ».

Ngày 14-11-1918, địch huy động một toán quân gồm có 52 binh sĩ ở đại đội 6 thuộc trung đoàn 1 khố đỏ Bắc-kỳ, 17 lính ở đại đội 10 cũng thuộc trung đoàn đó, 20 lính công binh, 48 khố xanh và 58 đồng. Sau khi tập trung tại Mường-phăng, toán quân đó phân ra làm bốn

đơn vị. Riêng hai đơn vị chinh do đại úy Vînet và thiếu úy Gautier chỉ huy đi càn quét. nghĩa quân phục kích sẵn ở các ngã đường đánh úp; giặc hốt hoảng tháo lui bỏ lại một số vũ khí, đạn dược và 15 lính ngụy bị thương. Ngày 4-12-1918, ta diệt được một đoàn xe tiếp vận ở Bản Nậm-ngan, thu lượm được một số lớn lương thực (gạo, muối, rau đậu, v. v... chuyển từ Yên-bái lên).

Trong khi nghĩa quân ở Điện-biên thắng lợi liên tiếp, thì một bộ phận khác dưới sự chỉ huy của Cẩm Xú, ty trưởng của Bả Cháy cũng ráo riết hoạt động bên Long-hệ (Thuận-châu). Cả sọ, tên Tháo Khua Nu, thống lý Mèo ở Long-hệ trốn xuống thị xã Sơn-la báo Tây. Chúng phái một đội và 40 lính khố xanh cùng đồng lên tuần tiễu. Nghĩa quân chặn đánh địch ở Tò-pú-cậu (đốc cách Long-hệ 5 cây số). Vũ khí tự làm ra: tên nỏ tầm thuốc độc, mác, kiếm, súng kíp, súng đại bác bọc da trâu (đạn chì, sỏi). Qua hai ngày chống đỡ, quân địch buộc phải rút lui, bỏ lại hai xác chết và 5 bị thương.

Hơn tháng sau, công sứ Sơn-la Bonnemain phái tên thông ngôn Nguyễn-xuân-Vượng thông thạo về người Mèo lên lần này chủ yếu là phủ dụ. Đi với y, có một đội, ba cai cùng 80 lính khố xanh và đồng. Tới Sinh-thành, nghe tiếng thét của toán nghĩa quân canh phòng trên núi, thông Vượng vội lên tiếng kiếm lời phủ dụ. Vì y đội mũ tây trắng, ăn vận binh phục, ngất ngưỡng trên mình ngựa, nghĩa quân tưởng là Tây vội nã súng xuống. Viên đạn vút qua mang tai, con ngựa chồm hẳn lên, quật y ngã xuống, thông Vượng vừa lồm ngóp đứng dậy rút súng bắn lên thì hai ba mũi tên độc lao xuống như gió căm phập vào mặt và ngực y, dây lát hẳn dây đánh dạch lằn ra chết. Thất kinh, viên đội hô lính nã súng hàng loạt, vừa bắn vừa tỏa xa ra các mặt. Tên đạn từ trên núi cheo leo bay xuống tới tấp. Trên hai chục tên lính đã bị thương và chết; bọn chúng mất tinh thần vừa bắn ào ạt lên vừa tháo chạy.

Tiếp đến ngày 16-1-1919, trận đánh rất ác liệt tại Bản La-viếng, ngày 17 ở Ba-xúc và đến 21, trên dãy núi đá hiểm trở Long-hệ. Toán địch hơn 300 tên do đại úy Chatry cầm đầu. Nghĩa quân mai phục trên các khe núi, lúc ẩn lúc hiện lanh lẹ dị thường, khiến địch hoang mang không biết đẳng nào mà lần. Nghĩa quân tiêu diệt được 37 tên, trong số đó có hai Âu và 46 bị thương (trong đó có tên quan một Gautier và một chánh đội Pháp). Sau mấy trận đó, nghĩa quân chuyển cả lên Điện-biên.

Đến tháng 4 — 1919, thanh thế của nghĩa quân Bả Cháy lúc này đã lan rộng khắp miền. Đồng bào Mèo suốt dọc hai bên sông Nậm-u, Điện-biên phủ, Sầm-nửa, Trấn-ninh (Thượng

Lào) đều nổi dậy. Khắp nơi Lai-châu, Sơn-la tràn sang tới Thượng Lào, nghĩa quân làm chủ đất đai diện tích hơn 4 vạn cây số vuông. Tháng 9 — 1919, nghĩa quân đánh úp một đội quân Pháp ở Sê-nê-phôn, giết chết tên trung úy Distanti và hơn 50 lính Âu và ngụy, tước được một số vũ khí và quân trang, quân dụng. Cảnh quân này do tên ủy viên quân sự Chính phủ Pháp ở Luang-Prabang điều khiển tháo chạy một cách nhục nhã.

Những thắng lợi lớn lao đó thêm nức lòng mọi người. Nghĩa quân từ con số trên 2.000 đầu năm đến nay đã lên tới ngót 6.000 bao gồm đa số là Mèo rồi đến Lào, Mán, Thái. Vũ khí đạn dược dồi dào đủ các loại: súng kíp, súng bọc da trâu, nòng tre bọc dây thép, đạn sỏi, kiếm, dao, nỏ, có cả loại đại bác đơn giản chỉ có nòng đốt ngòi ở lỗ mé trên, phần giữa trong nhồi thuốc súng, hai đầu tọng gang vụn giũ nhỏ. Rất nhiều súng trường, súng ngắn, lưỡi lê, bao đạn tước được của địch trang bị thêm cho mình.

Nghĩa quân đóng ở nơi nào đều tích cực giúp đỡ dân trồng trọt hoa màu, kiếm gỗ tre nứa dựng lại nhà cửa cho đồng bào ở những nơi đã bị giặc đến tàn phá cướp bóc, săn bắn muông thú đưa về chia sẻ no đói cùng đồng bào. Nơi nơi, những ông già bà cả, đàn bà trẻ con mỗi khi nhắc nhỡm đến tên Bả Cháy, về mặt mọi người tươi tỉnh hẳn lên, đầy lòng triu mến đối với vị cứu tinh của bản muông.

Đến tháng 11 — 1919, sau bốn ngày tấn công dữ dội, nghĩa quân giải phóng hoàn toàn Mường-hợp (Tây-bắc). Hàng ngàn đồng bào mấy nơi bị đồn sống tập trung ở đó thoát khỏi nanh vuốt địch.

Tiếp đó từ ngày 26-12-1919 đến 8-1-1920 nghĩa quân chặn đánh cánh quân của đại tá Pesquidoux và đại úy Limousin ở Điện-biên phủ. Địch chết 24 tên và bị thương 34.

Ngày 9-1-1920, trận đánh diễn ra tại Bản Lào-củ trong 3 tiếng đồng hồ. Địch bị giết 10 tên. Bên nghĩa quân bị thương 2. Giặc bao vây tấn công vào hai khu vực căn cứ Sùng-Quan-Lào-Ván và bản Pa-cháy. Nghĩa quân cố thủ quyết chiến rất gan dạ tiêu diệt được 20 địch, và trước khi rút thiêu hủy hết nhà cửa vào chiều 11-1-1920.

Giặc Pháp lòng lộn tức như điên. Chúng phải huy động một lực lượng khá lớn gồm một tiểu đoàn lê-dương, một trung đoàn khố đỏ ở xuôi điều lên tăng cường viện quân cho lực lượng quân sự của cả hai tỉnh Lai-châu và Sơn-la đã có, cả khố xanh và đồng tổng số 1.850 tên dưới quyền chỉ huy trực tiếp của trung tướng Puypeyroux.

Trận đánh này ròng rã 7 ngày 7 đêm rất ác liệt. Giặc bao vây chặt chẽ xung quanh dãy núi Sen-chi-ta. Biết rõ âm mưu của địch vây quân ta lâm vào tình thế cạn hết lương thực, cuối cùng tất phải ra hàng. Bả Cháy một mặt phân nửa lực lượng mai phục trên mấy trái núi Sen-chi-ta, mặt khác bố trí một lực lượng gồm những nghĩa quân tinh nhuệ nhất bị mật án ngữ ở các khe núi hóc hiểm cao hơn ở gần xung quanh để sẵn sàng đối phó với giặc. Qua 4 ngày đêm, trên núi Sen-chi-ta không thấy động tĩnh gì, tướng Puypeyroux ngờ vực, cho một tiểu đội xung kích lên núi thám thính gồm ngũ binh Thái và Mèo. Nhưng cả tốp đều bị nghĩa quân ẩn nấp trong các khe đá cheo leo, vô cùng hóc hiểm bất thần xông ra chop bắt và chém gọn tất cả không một tiếng động.

Đang khi địch hết sức hoang mang thì lực lượng nghĩa quân ở trên núi xung quanh đương đêm lặng lẽ rút ra như một đoàn quân ma, men theo sau núi đi vòng đánh tập hậu địch. Nghĩa quân như một đàn mãnh hổ xông vào như vũ như bão, vung dao, phạt kiếm, trong khi đó lực lượng trên núi Sen-chi-ta cũng ập xuống như thác đổ. Địch quân bị đánh bất ngờ trở tay không kịp, dậm ra lũng túng hỗn loạn. Trận giáp lá cà đó vào giữa đêm ngày thứ bảy địch bao vây nghĩa quân đầu tháng 5 — 1920. Gần sáng, nghĩa quân rút cả vào núi. Nghĩa quân giết được 40 Âu (trong đó có 2 sĩ quan), chém trọng thương 75 tên và bị thương 264.

Chiến thắng lớn lao đó vang dội đi khắp nơi, đã tác động mạnh đến đồng bào Mán Bảo-hà thuộc châu Văn-bản (Yên-bái) cũng nổi cả dậy đánh Pháp.

Giặc Pháp tổn thất, điều đứng gần hai năm qua, thấy dùng vũ lực không xong, chúng lập mưu dụ dỗ và triệt hạ hoa màu, nhất là các nương trồng cây thuốc phiện đều bị giặc tàn phá thiêu hủy rất nhiều. Trước âm mưu vô cùng thâm độc đã man của giặc, tinh thần chiến đấu trong hàng ngũ nghĩa quân đã có phần nào hơi nao núng. Một số bị mua chuộc dần dần ra hàng địch. Một mặt, chúng thi hành triệt để chính sách khủng bố nhân dân, mặt khác, áp dụng sự chia rẽ dân tộc.

Trong trận đánh cuối tháng 8 — 1920, Bả Cháy bị thương nhẹ. Tuy vậy, đối phương tổn thất khá lớn: 180 tên vừa bị chết vừa bị thương, trong đó có một thiếu úy Pháp.

* *

Đề tiêu diệt bằng được phong trào Bả Cháy nổi lên từ ngót ba năm nay, ngày 23-9-1920,

tướng Puypeyroux đề trình tên toàn quyền bản kế hoạch tác chiến như sau:

1 — Tập trung lực lượng một số lớn các đại đội ở Luang-Prabang, Xiêng-khoảng và Mường-hợp đến bao vây chặt chẽ xung quanh chặng núi Pú Chom-chich và Pú Chom-chang, đại bản doanh của tướng quân Bả Cháy và toàn bộ nghĩa quân, với mục đích để bắt sống được hết hoặc đánh bật được toàn bộ ra khỏi vị trí đó.

2 — Bố trí sẵn sàng các đại đội Điện-biên phủ và Sầm-nưa phục kích chặn đường rút của nghĩa quân về phía Bắc hay phía Nam, và truy kích trường hợp cần thiết.

* *

Đến trận đánh tháng 2 — 1921 vì có kẻ làm phản trong hàng ngũ, nghĩa quân bị đánh úp bất thần, một số chỉ huy bị bắt và 30 người bị thương.

Tiếp đến tháng 7 — 1921, một trận quyết liệt cuối cùng giữa nghĩa quân và địch đã diễn ra vô cùng khốc liệt tại dãy núi Pú Chom-chich. Tên, đạn hai bên bắn ra như mưa. Ròng rã ngày đêm một tuần, nghĩa quân ta vẫn giữ vững trận địa, càng đánh càng hăng, khiến giặc đã bắt đầu lo lắng. Sau 9 ngày và đêm chiến đấu rất anh dũng, nhận thấy lương thực của quân mình đã gần cạn, Bả Cháy hạ lệnh mở một đường máu đánh thốc xuống.

Vị lãnh tụ của phong trào người Mèo tới lúc thất thế cũng không chịu để thân mình lọt vào tay giặc, cùng một số người thân tín nhất trong đội ngũ rút theo đường bí mật sang Lào.

Một bộ phận lớn nghĩa quân lần lượt đánh du kích, tiếp tục chiến đấu cho mãi đến cuối năm 1922, phong trào mới tan rã hẳn.

Bản thêm về nguyên nhân...

(Tiếp theo trang 45)

sách của đế quốc Mỹ ở Đông Nam châu Á bị lung lay đến tận gốc rễ.

Những nguyên nhân giống nhau sinh ra những kết quả giống nhau. Cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào miền Nam chống đế quốc Mỹ và tay sai nhất định phải thắng lợi, cũng như cuộc kháng chiến chống Mông-cô hồi thế kỷ XIII đã thắng lợi, vì cả hai cuộc kháng chiến đều được sự đồng tình, ủng hộ và tham gia tích cực của toàn dân.

TỔ CHỨC VÀ PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO ĐẤU TRANH Ở NAM-KỲ SAU KHI ĐẢNG TA VỪA MỚI THỐNG NHẤT RA ĐỜI

NGHĨA

Việc hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Nam-kỳ đã dẫn đến cao trào cách mạng 1930—1931 ở Nam-kỳ như thế nào? Vô cùng phấn khởi trước sự lãnh đạo thống nhất và tập trung của Đảng tiêu biểu là sự lãnh đạo của ban Lâm thời chấp ủy, cán bộ đảng viên đã phát huy cao độ nhiệt tình cách mạng để hướng dẫn quần chúng lên trường đấu tranh. Được tổ chức thống nhất theo điều lệ mới (1) và được phát động theo phương pháp đúng đắn do một đồng chí tuần thị ủy viên của Đông phương bộ đến Sài-gòn trực tiếp truyền đạt, quần chúng công nông đã hết lòng tin theo sự lãnh đạo của Đảng và kiên quyết đấu tranh với quân thù. Ở Nam-kỳ một phong trào đấu tranh hết sức rầm rộ và sôi nổi đã nổ ra khắp thành thị và nông thôn đúng vào ngày 1-5-1930, ngày đấu tranh lịch sử của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới và cũng là ngày mà Đảng ta, một đảng vừa mới thành lập chưa được ba tháng đã chọn đề nỏ phát súng đầu tiên vào bọn thực dân Pháp cướp nước và bọn vua quan phong kiến bán nước.

* * *

1 — Chuẩn bị bước vào cuộc đấu tranh

Độ một tháng sau khi cuộc hội nghị hợp nhất ở Hương-cảng kết thúc thắng lợi và sau khi cuộc khởi nghĩa Yên-bái bị dập trong bể máu đã gây ra một tiếng vang to lớn dội khắp trên thế giới, chúng tôi tiếp được một bức thư ở Hương-cảng gửi về Sài-gòn. Đó là bức thư của đồng chí Vương chỉ thị cho chúng tôi về thái độ và cách hành động của ta để đối phó với tình hình lúc bấy giờ. Bức thư văn tắt và rõ ràng, đại để nêu mấy điểm chủ yếu dưới đây:

1 — Đảng vừa mới thành lập cần phải tổ chức quần chúng tranh đấu chống khủng bố.

2 — Đảng không tán thành bạo động non (manh động), nhưng phải ủng hộ các chiến sĩ Yên-bái, đương bị khủng bố, bằng mọi cách, đủ mọi mặt.

3 — Phải kết hợp tranh đấu chống khủng bố với tranh đấu đòi quyền lợi hàng ngày cho quần chúng.

Cuối cùng bức thư nhận định rằng đừng về lợi ích lâu dài của cách mạng mà nhìn thì đây, là một thời cơ thuận lợi cho chúng ta, vì rằng cuộc khởi nghĩa Yên-bái đã gây ra trong toàn quốc một khí thế cách mạng sôi sục, và cần dặn cần phải nắm lấy thời cơ này mà ra sức hoạt động, cần phải lợi dụng bằng mọi hình thức như báo chí, truyền đơn, mít tinh, diễn thuyết, bãi thị, đình công, biểu tình, thị uy v.v...; phải vận động và hướng dẫn quần chúng tranh đấu để tranh thủ tổ chức và lãnh đạo quần chúng; phải cố giữ sao cho ngọn lửa cách mạng của quần chúng đương bùng lên cứ bùng lên ngày càng cao, càng mãnh liệt, càng lan rộng.

Bức thư chỉ thị của đồng chí Vương đã làm chúng tôi thấy rõ con đường phải tiến lên của cách mạng là phải hành động, phải dùng mọi hình thức tranh đấu của quần chúng chống khủng bố dã man của đế quốc Pháp, phải cứu sống các chiến sĩ Yên-bái bằng những hành động cách mạng liên tục của quần chúng.

Một lần nữa chúng tôi lại được thấy vai trò lớn lao của đồng chí Vương trong những bước đầu còn chập chững của Đảng ta. Người lãnh tụ đang phải sống ở hải ngoại vẫn hằng ngày hằng giờ theo dõi đường đi nước bước của cách mạng trong nước và luôn luôn tỏ ra là người cầm tay lái vững vàng quả cảm của con thuyền cách mạng Việt-nam.

Đồng thời với bức thư của đồng chí Vương do tàu vận tải Hương-cảng — Sài-gòn mang lại, chúng tôi còn nhận được của Quốc tế cộng sản một bức thư khác do một số sinh viên Việt-nam vừa tốt nghiệp ở trường Đông phương Đại học cách mạng Mạc-tư-Khoa đem về. Đó là thư chỉ thị của Quốc tế cộng sản viết đã từ lâu, độ vào cuối 1929, nhưng bây giờ

(1) Điều lệ mới: Điều lệ thống nhất do Hội nghị hợp nhất ở Hương-cảng đã thảo ra và được thi hành trong toàn quốc thay cho điều lệ cũ không thống nhất.

mới đến tay chúng tôi. Nói cho đúng hơn thì đó chính là một cuốn sách nhỏ, viết bằng tiếng Pháp, dày độ 60, 70 trang giấy đánh máy. Tên sách là «Tâches immédiates des communistes indochinois» tạm dịch là «Nhiệm vụ trước mắt của những người cộng sản Đông-dương». Nội dung của bức thư này chia làm 5 phần, hai phần đầu chiếm độ một phần ba tài liệu nêu rõ về tình hình và nhiệm vụ cách mạng của xứ Đông-dương. Đại khái cũng tương tự như những nghị quyết về cách mạng ở các xứ thuộc địa đã đăng trong các nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Quốc tế cộng sản. Ba phần sau chiếm đến hai phần ba còn lại của tài liệu một mặt đi sâu phân tích phê phán những sai lầm khuyết điểm của Thanh niên cách mạng đồng chí hội trong đường lối chủ trương cũng như trong phương pháp công tác của hội qua chương trình điều lệ và báo cáo của đại hội Thanh niên lần thứ nhất sau khi họp ở Hương-cảng đã gửi đến cho Quốc tế cộng sản như là báo cáo công tác. Mặt khác đã đề ra những biện pháp đúng đắn để hướng dẫn công tác cho chúng tôi. Đây là một tài liệu vô cùng quý giá đối với chúng tôi vì thật là lần đầu tiên nhờ tài liệu đó chúng tôi mới thấy được một cách đầy đủ có phân tích phê phán những chỗ sai sót trong công tác Thanh niên cách mạng đồng chí hội trước đây.

Những điều sai lầm được Quốc tế cộng sản chỉ bảo cho chúng tôi đọc đi đọc lại nhiều lần và càng đọc lại càng thấy thấm thía. Thấm thía nhất là khuyết điểm trong phương pháp làm việc của Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Bây giờ thì tôi nhận thấy rất rõ chúng tôi đã làm việc theo lối tổ chức lật đổ của những nhóm bè phái. Từ trước đến nay phần nhiều công việc của chúng tôi là cố tìm kiếm cho được những người đã có tư tưởng chống Pháp, sẵn có nhiệt tình yêu nước mà bí mật rủ họ vào đoàn thể để làm cách mạng. Công việc điều tra tuyên truyền và tổ chức của chúng tôi lúc đó tóm lại chỉ là tìm những người tốt giới thiệu họ xuất dương du học để rồi họ trở về lại tìm những người bà con bạn bè quen biết của họ để rồi lại giới thiệu đi xuất dương v.v... Cứ làm kiểu gây chuyện như thế trong khi phải hết sức giữ gìn bí mật, trừ những đồng chí của mình và những kẻ có thể trở nên đồng chí của mình ra thì không được cho ai biết mình đang hoạt động cách mạng, là có tổ chức cách mạng. Nếu cứ giữ mãi một lẽ thói làm việc bí mật với kiểu sợ sệt như thế thì khó mà phát động được phong trào cách mạng. Bức thư của Quốc tế cộng sản tuy cũng đề cao vấn đề giữ gìn bí mật nhưng giải thích rõ thêm bí mật chỉ là một phương pháp chứ không phải là một mục đích. Phải giữ bí mật để đảm bảo

cho công tác cách mạng được đạt kết quả. Bí mật cốt để đối phó với bọn thực dân phong kiến đang muốn tìm cách làm hại cách mạng, bí mật cốt để ngăn ngừa địch phá hoại tổ chức cách mạng nhưng không khi nào bí mật là một cái cớ để làm nhụt chí khi đấu tranh của quần chúng.

Ngoài việc vạch ra những khuyết điểm và nêu lên cách khắc phục các sai lầm, bức thư có đề ra những nhiệm vụ trước mắt là chuẩn bị tổ chức Đảng cộng sản Đông-dương (1).

Bức thư còn nêu việc kết hợp phong trào vận động phản đế với phong trào phản phong, nghĩa là cần cổ vũ việc chống áp bức bóc lột của bọn điền chủ, như chống địa tô nợ lãi, chống sưu cao thuế nặng với việc giành độc lập dân tộc v.v... Phải thành lập liên minh phản đế và nêu kinh nghiệm là trong khi liên minh với các đảng phái yêu nước, Đảng cộng sản phải giữ tính độc lập của tổ chức, phải phân rõ giới hạn với các đảng tiểu tư sản.

Nghiên cứu tỉ mỉ hai bức thư trên, chúng tôi đã thấy rõ phải làm gì và làm như thế nào. Nhưng khi bắt tay vào việc, chúng tôi vẫn cứ lúng túng. Chúng tôi đều là một đám học sinh mới vừa lìa khỏi ghế nhà trường của thực dân Pháp. Nhìn lại quá trình hoạt động của mỗi người, đành rằng cũng có người đã ra làm thầy giáo, thầy ký, hoặc làm thợ áo xanh (2); về hoạt động cách mạng đã có người làm qua những việc như viết báo, rải truyền đơn, dán áp phích, treo cờ, diễn thuyết, tổ chức bãi khóa, bãi công v.v... nhưng còn việc kéo quần chúng ra biểu tình thì thật chưa ai làm qua bao giờ. Đã tổ chức được quần chúng thì có thể kéo quần chúng ra biểu tình, nhưng biểu tình rồi bị bắn, bị khủng bố thì làm sao? Và lại lúc này là lúc ở ngoài Bắc bọn thực dân Pháp đang ra sức bắn giết bắt bớ tra tấn tù đầy và ném bom triệt hạ cả một làng thì ở trong Nam chúng lại sợ gì mà không khủng bố. Quần chúng vừa mới tổ chức sẽ dễ bị tan rã. Vậy làm thế nào để giữ vững được tinh thần quần chúng, bảo vệ cho quần chúng đấu tranh có kết quả. Đó là vấn đề nhức óc nhất đối với chúng tôi lúc bấy giờ. May sao vừa gặp lúc đó có một đồng chí «Tuần thị ủy viên» của Đông phương bộ được phái đến kiểm tra các chi bộ Hoa kiều lại ghé qua Sài-gòn Chợ-lớn — Đồng chí này có triệu tập

(1) Thư gửi vào cuối 1929 nên chủ yếu nhấn mạnh về việc chuẩn bị thành lập Đảng cộng sản như phải chui vào các xí nghiệp hầm mỏ, đồn điền tổ chức chi bộ, hoạt động cho có phong trào, lãnh đạo tranh đấu v.v...

(2) Thợ áo xanh là hạng thợ có nghề nghiệp dễ phân biệt với thợ áo nâu là những người cu li làm công nhật.

chúng tôi đến đề hỏi về tình hình công việc hợp nhất các nhóm cộng sản ở Nam-kỳ. Chúng tôi cũng nhân đây mà hỏi đồng chí về kinh nghiệm tổ chức và lãnh đạo một cuộc biểu tình...

Đồng chí Tuần thị ủy viên rất vui tính và rất nhiệt tình để giải đáp những điều chúng tôi yêu cầu.

Được vũ trang ít nhiều lý luận, kinh nghiệm vận động quần chúng đấu tranh, chúng tôi càng tin tưởng ở thắng lợi của cách mạng, ai nấy đều quyết tâm là chuyện này phải kéo cho được nhiều cuộc biểu tình ở khắp mọi nơi để kỷ niệm ngày 1-5 sắp tới làm món quà mừng Đảng vừa mới thống nhất thành lập và đồng thời làm lễ ra mắt của nhân dân lao động Việt-nam đối với nhân dân lao động toàn thế giới.

* *

II— Bước vào cuộc đấu tranh

Sau khi đã nắm một số lý luận và kinh nghiệm như vừa kể trên, chúng tôi giao cho ban Lâm thời chấp ủy dự thảo ra kế hoạch tiến hành một cuộc vận động hết sức khẩn trương ở khắp mọi nơi để cổ kéo cho được đông đảo quần chúng xuống đường biểu tình vào ngày 1-5. Theo kế hoạch của ban Lâm thời chấp ủy, khẩu hiệu chung là kỷ niệm 1-5 kết hợp với một số khẩu hiệu địa phương như phản đối khủng bố, phản đối đánh đập áp bức bóc lột, phản đối sưu cao thuế nặng, đòi tăng lương, bớt giờ, đối xử tốt v.v...

Rải truyền đơn, dán khẩu hiệu, treo cờ, phát báo chí để kỷ niệm 1-5 là những hoạt động mà bất kỳ ở đâu cũng phải làm, đặc biệt chú trọng những nơi quần chúng tập trung như công xưởng, đồn điền, hầm mỏ, trại lính, trường học, bến xe, bến đò, các ngã giao thông có đông người qua lại v.v...

Mit tình, diễn thuyết, đình công, bãi thị, biểu tình, thị uy thì chỉ những nơi nào có hoàn cảnh thuận lợi là được quần chúng háo hức tham gia mới tổ chức, nơi nào mà tình thần quần chúng lên cao có thể kéo biểu tình một vài ngày trước 1-5 để nêu gương và hướng dẫn cho các nơi khác thì càng hay, nơi nào vận động gặp khó khăn, sau ngày 1-5 mới kéo được quần chúng biểu tình vẫn cứ nên tiến hành để tranh thủ tập dượt cho quần chúng. Chưa kéo được số đông quần chúng có tổ chức háo hức tham gia thì cứ tiếp tục vận động để biểu tình một ít lâu sau ngày 1-5 cũng được.

Sau khi làm xong một công việc gì đều phải khai hội kiểm điểm sơ kết, đánh giá kết quả; nếu rút được kinh nghiệm gì hay, kinh nghiệm thành công cũng như thất bại thì báo cáo ngay lên cấp trên để kịp thời phổ biến cho các nơi khác.

Ngoài ra, chúng tôi phân công nhau mỗi người về một địa phương để hướng dẫn tỉ mỉ cho các đồng chí ở cơ sở, đồng thời nắm tình hình cụ thể từng nơi rồi sau một tuần lễ hoặc mười hôm trở về Sài-gòn. Hội ý báo cáo với Lâm thời chấp ủy tranh thủ thêm ý kiến lãnh đạo. Điều quan trọng nhất là phải xác định cho được nơi nào quần chúng có khả năng tham gia biểu tình đông đảo, sôi nổi hơn cả, để dồn một số đông cán bộ đến nơi đấy làm nơi trung tâm phát động.

Theo sự phân công của Lâm thời chấp ủy thì những đồng chí nào quen thuộc ở đâu phải về nắm tình hình ở đấy, do đó mà Lộ (tức Phạm-hữu-Lầu) được phân công về nắm tình hình Cao-lãnh. Vào khoảng cuối tháng 2-1930, khi Lộ được đề cử vào ban Trung ương lâm thời rồi Cao-lãnh lên Sài-gòn thì Hải tức Nguyễn-văn-Tây trước ở Mỹ-tho được điều về Cao-lãnh thay cho Lộ. Hải về Cao-lãnh tổ chức được một chi bộ 3 đồng chí (Hải, Huyền, Táo) chi bộ này đóng trụ sở ở Cao-lãnh vì Cao-lãnh có gốc cách mạng cũ: như hội Cần vương còn sót lại có cậu Hai Hiền (đại địa chủ), ông cả Ngưu, ông cả Sánh, ông Năm Đồi v.v... Về sau có một số nổi được truyền thống cách mạng có nhiệt tình yêu nước thường tham gia các cuộc hoạt động yêu nước như giáo Sa, giáo Cảnh, có giáo Ngai v.v... Tuy tiếng gọi là chi bộ đặc biệt Cao-lãnh nhưng phạm vi hoạt động của nó rộng rãi có thể sánh được với liên tỉnh Long — Châu — Sa ngày nay. Vào khoảng đầu tháng 4 thì Lộ về Cao-lãnh gặp Hải trao đổi về kế hoạch vận động kỷ niệm. Sau khi tìm hiểu tình hình thì Lộ nhận định vùng Cao-lãnh có thể kéo được một cuộc biểu tình. Tuy vậy, khẩu hiệu kỷ niệm 1-5 thì chỉ quần chúng nông dân có tổ chức mới hiểu được, mà quần chúng có tổ chức lúc ấy mỗi xã chỉ có vài ba chục hội viên nông hội ở rải rác mỗi thôn xóm vài ba người, vì vậy muốn vận động cho được nông dân ngoài tổ chức nông hội hay nói cho đúng hơn là phải vận động sao cho mọi tầng lớp trong xã đều nhiệt liệt tham gia biểu tình thì phải tìm cho được một khẩu hiệu đấu tranh gì thật thích hợp với địa phương mới tập hợp được đông đảo quần chúng tham gia biểu tình.

Nghĩ rằng tất cả đều từ quần chúng mà ra để rồi trở về với quần chúng nên muốn có được một khẩu hiệu thích hợp với nhân dân địa phương thì phải khai hội quần chúng thảo

luận. Một tối, Hải chèo xuồng vào tận trong ngọn rạch Cái Sấu, họp một tổ nông hội ở nhà ông Sáu Ngàn (một Lễ Sanh của đạo Cao đài đồng thời cũng là một cán bộ của nông hội). Anh em địa phương cho biết thường năm hè đến 1-5 về sau bọn cò và linh ra chợ xét giấy thuế thân, hè ai chưa đóng thuế thân trước ngày ấy là bị chúng bắt phạt giam bảy (7) hôm bắt đi làm khổ sai không công rồi mới thả cho về lo kiếm tiền để nộp thuế, quá một thời hạn nhất định mà không chịu đóng thuế thì lại bị bắt giam lần thứ hai rồi lần thứ ba v.v... mãi cho đến khi nào đóng đầy đủ thuế cho nhà nước mới thôi. Thuế thân của những người hữu sản là 5đ50, của người vô gia sản là 4đ50, tính ra thóc là 450 cân. Ngoài ra tên cò người Pháp tại chợ Cao-lãnh còn bày ra rất nhiều thứ phạt tiền như đi chợ mua gà cột chân xách lợn đầu gà xuống đất sẽ bị phạt sáu cật vì tội « bắt nhân ». Đội rơm trên đầu bị phạt sáu cật vì có thể bị cháy chết người v.v... Nó kiếm mọi cách để phạt cho nhiều vì nó sẽ được hưởng 40% số tiền phạt. Dân Cao-lãnh mỗi khi đi chợ vẫn nơm nớp sợ bị « cò mổ » (tức bị phạt) do tình hình đó, anh em nông hội thấy nên đề ra khẩu hiệu: « đòi đình thuế » tức là đến 1-5 chưa được xét giấy thuế thân, phải gia hạn ít lâu để dân có thời gian kiếm tiền đã. Cũng có người đề nghị nêu khẩu hiệu đòi giảm thuế, nhưng đa số thấy đòi giảm thuế khó thực hiện được vì một yêu cầu như thế phải do nhiều cơ quan quyết định, chứ không phải cá nhân ông nào cũng có quyền giảm thuế. Lộ cũng đồng ý lấy khẩu hiệu « đình thuế » này. Thế rồi Lộ về Sài-gòn báo cáo tình hình, còn Hải lo ráo riết vận động.

* *

III. Đấu tranh thắng lợi

Ba bốn hôm trước ngày 1-5, khắp Nam-kỳ nơi nơi đều có rải truyền đơn, dán áp phích, treo cờ đỏ búa liềm cổ động quần chúng đứng lên tham gia tranh đấu trong ngày 1-5 để kỷ niệm ngày lễ Quốc tế lao động, đòi quyền lợi thiết thân cho bản thân mình, cho giai cấp mình. Tất cả truyền đơn khẩu hiệu cờ đỏ áp phích v.v... đều ký tên « Việt nam cộng sản Đảng » vì trước đây Đảng chưa phát lời kêu gọi nhân dịp tập hợp nhất thành lập Đảng nên lần này Đảng đứng ra hiệu triệu quần chúng tranh đấu cũng là một cách Đảng ta ra mặt đối với toàn dân.

Vì tình hình ở Mỹ-tho Bến-tre (vùng mà tôi phụ trách) chưa có khả năng kéo được biểu tình trong ngày 1-5, nên chúng tôi chỉ rải

truyền đơn áp phích, treo cờ v.v... ngày 1-5, tôi lại về Sài-gòn chờ nghe các nơi khác báo tin tranh đấu về Sài-gòn. Hy vọng lớn nhất của chúng tôi là Cao-lãnh, nơi mà chúng tôi đã nắm chắc thế nào cũng có thể kéo được biểu tình ngày 1-5; nhưng biểu tình thành công hay thất bại, biểu tình sẽ diễn biến ra sao, địch đối phó ra sao, báo chí cho đăng tin và bình luận ra sao, sau biểu tình quần chúng tình thần lên xuống thế nào v.v... đó là những dấu hỏi tôi còn chờ thực tiễn trả lời.

Trong ngày 1-5, chúng tôi nhận được tin thợ thuyền bãi công ở nhiều nơi như ở nhà đèn Chợ lớn có khoảng 300 thợ nhất loạt bãi công đưa ra 5 yêu sách cho chủ; trên 200 công nhân ở Đê-pô (Dépôt) xe lửa Dĩ-an cũng bãi công phản đối không chịu làm khoán ăn công đã thu thắng lợi hoàn toàn. Chúng tôi cũng nhận được tin nông dân Chợ Giữa (Mỹ-tho) tổ chức bãi thị sáng hôm 1-5 rất có ảnh hưởng v.v...; mãi đến chiều tối hôm đó, 1 đồng chí ở vùng Cao-lãnh về báo cáo tỉ mỉ về cuộc biểu tình đầu tiên đã được tổ chức ở Cái Dầu thuộc quận Chợ Mới tỉnh Long-xuyên. Khoảng 400 anh chị em tập hợp nhau tại ngọn rạch Cái Dầu tận trong Đồng-tháp-mười rồi kéo theo con rạch mà ra tới chợ Cái Dầu. Lúc rủ đi tập hợp chỉ đưa khẩu hiệu tranh đấu đòi đình thuế; khi đến địa điểm tập trung, đồng chí Hải, người lãnh đạo cuộc biểu tình đứng lên diễn thuyết nói rõ ý nghĩa của cuộc biểu tình là để kỷ niệm ngày 1-5, ngày lễ của lao động toàn thế giới đoàn kết đấu tranh đòi quyền lợi v.v... Nghe thế anh chị em nông dân càng phấn khởi và tin tưởng. Vì họ thấy rõ mình không phải cô lập mà có cả thế giới bên cạnh. Diễn thuyết xong đến bầu ban lãnh đạo biểu tình. Hải, một số anh em nông dân và một vài anh em trí thức trong vùng được bầu. Đám biểu tình rầm rộ kéo ra chợ Cái Dầu, rồi kéo đến vây nhà tên huyện Ngãi, một tên đại địa chủ khét tiếng cường hào gian ác đương làm cai tổng, ở xã Tân-phú quận Chợ Mới tỉnh Long-xuyên, để đòi nó phải giải quyết vấn đề đình thuế. Vây nhà xong, anh em gọi tên Ngãi phải ra công nói chuyện. Thấy không còn chuẩn đi đảng nào được, nó phải mở cổng và bước ra. Trước tiên, nó lên giọng hỏi: « Làm gì mà tập hợp đông và la lối om xòm như bộ muốn làm loạn phải không? », Hải và một số anh em trong ban lãnh đạo đứng ra đưa yêu sách và đối đáp với nó. Ban đầu nó định lảng tránh bảo phải chờ bẩm quan trên quyết định chứ nó không đủ quyền hành. Nhưng Hải bẻ lại, buộc nó phải giải quyết cho nhân dân trong tổng vì quyền xét hỏi giấy thuế và bắt giam người chưa đóng thuế trong toàn tổng là thuộc quyền cai tổng. Một phần vì thấy khi

thể của cuộc biểu tình sợ không giải quyết có thể xảy ra xung đột nguy cho tính mạng của mình, một phần bị ban lãnh đạo biểu tình đưa ra nhiều lý lẽ danh thép không chối cãi được nên rốt cuộc nó phải nhận đình thuế hai tháng, nó nói: « Về phần tôi sẽ bảo lãnh trong tổng hai tháng nữa không có xét giấy, nhưng về phần bà con thì trong hai tháng nữa phải lo đóng thuế cho thật đầy đủ ».

Thế là cuộc biểu tình được xem như hoàn toàn thắng lợi, anh chị em kéo nhau ra về vô cùng hả hê. Khi đi ngang qua chợ Cái Dầu, bà con sung sướng đưa quà bánh ra thiết đãi mọi mợc lu bù mặc dầu những người đi biểu tình đã chuẩn bị mang theo bánh tét hoặc là cơm nắm...

Trước khi giải tán, Hải có khai đại hội quần chúng tuyên bố bước đầu hoàn toàn thắng lợi và cổ vũ quần chúng tiếp tục tiến lên biểu tình ở quận ở tỉnh. Đồng chí báo cáo viên Cao-lãnh cho biết quần chúng hết sức phấn khởi, và có hy vọng sẽ kéo được nhiều cuộc biểu tình toàn quận toàn tỉnh to lớn gấp nhiều lần cuộc biểu tình Cái Dầu vừa qua. Đó là cái tin làm cho chúng tôi phấn khởi nhiều nhất trong ngày hôm ấy. Chúng tôi cũng đều nhận định đó là thắng lợi bước đầu đáng kể, nhưng trong lòng vẫn cứ lo lắng, không biết cuộc đấu tranh có còn tiếp diễn thuận lợi nữa không, nếu địch khủng bố thì sẽ như thế nào đây. Nhưng về điểm hoàn toàn không bị khủng bố thì chúng tôi vẫn còn ngại là do ở nông thôn bọn cai tổng không đủ quyền hành và phương tiện nên dẫu có muốn khủng bố đi chăng nữa cũng khó lòng mà hành động được.

Mãi cho đến ngày 3-5, chúng tôi nhận thêm được tin một cuộc biểu tình to lớn gồm hàng 3.4 nghìn người toàn quận Cao-lãnh kéo đến vây tên quận trưởng Nguyễn-quang-Trường bắt hắn phải ký vào giấy cho đình thuế 2 tháng mặc dầu quận có nhiều lính (hơn 1 tiểu đội) nhiều súng ống, có tên cô Pháp nội tiếng gian ác, tên thương chính Pháp rất thủ đoạn nham hiểm và chúng đã tụ tập tại quận để tìm cách đối phó với cuộc biểu tình, nhưng chúng tỏ ra hết sức lúng túng không hề dám hành động gì cả. Sau đó mấy hôm, tên Cờ-rô-tê-me, thống đốc Nam-kỳ phải ra lệnh đình thuế cho toàn Nam-kỳ trong hai tháng. Thế là cuộc đấu tranh được thắng lợi hoàn toàn. Thắng lợi đó đã trả lời một cách hùng hồn cho những người đã bấu môi chế diễu chúng tôi tỏ thái độ hoài nghi hoặc đã lên giọng phản đối chúng tôi kịch liệt khi chúng tôi đi vận động kéo biểu tình.

Nếu không có những bọn phản động, bọn hoài nghi và đối lập mang danh cách mạng này thì chúng tôi đã có thể kéo toàn Nam-kỳ, hay chỉ ít cũng hàng mười tỉnh biểu tình trong ngày 1-5 và phong trào có lẽ còn to lớn rầm rộ gấp mấy lần. Chúng tôi không sợ bọn quan làng và lính kìn, đối với hoạt động của chúng tôi lúc ấy chính bọn giả danh cách mạng là trở ngại lớn nhất vì bọn chúng nơi nào cũng đầy giấy, lại nằm ngay trong lòng nhân dân. Lắm lúc, lắm nơi chúng tôi hoạt động hàng tuần lễ, tuyên truyền cho người này thuyết phục người khác đầu đầy đã ãn cả, chỉ còn chờ ngày kéo ra biểu tình thôi; nhưng chỉ cần một ông mang danh « cách mạng cự trào » bấu môi một cái hay xăm xi một tiếng là quần chúng tan rã ra từng mảnh, thấy chúng tôi đến thì người ta lánh mặt đi, không ai thêm tiếp. Mới hôm qua cử ai cũng được, phân công gì cũng làm nhưng hôm nay thì từ chối hết, kiếm đủ lý do để rút lui. Cho nên thắng lợi lớn nhất của chúng tôi lúc này không phải là toàn Nam-kỳ được hoàn toàn đình thuế thân 2 tháng, vì sự nhượng bộ này chẳng qua cũng chỉ là một thủ đoạn của bọn thực dân Pháp để xoa dịu lòng dân Nam-kỳ, sau này tìm ra được một khẩu hiệu tranh đấu nào hấp dẫn thay cho khẩu hiệu đình thuế cũng là một điều khó khăn, vả lại đình thuế rồi rốt cuộc cũng phải nộp thuế thôi, chính phủ Pháp không mất một xu nào mà nhân dân cũng chẳng lợi được gì. Chúng tôi cho rằng thắng lợi lớn nhất là từ khi nổ ra cuộc biểu tình Cao-lãnh, bọn tự xưng là « cách mạng nhà nghề » không còn dám nhìn mặt chúng tôi nữa, không còn dám khua môi múa mép nữa. Chúng im lặng rút lui, không hề dám ló cái thuyết hoạt đầu sớ địch của chúng ra nữa; còn quần chúng thì đã tin tưởng hơn vào sức đoàn kết của mình, vào cuộc tranh đấu tập thể. Ai ai cũng thấy rõ nếu đoàn kết ta sẽ mạnh hơn địch, uy thế ta to hơn địch. Địch tuy có sừng nhưng đã phải xỏ.

Cuộc đấu tranh kết hợp kỷ niệm ngày 1-5 cũng giúp cho quần chúng giác ngộ được đường lối quốc tế và sức mạnh của sự đoàn kết toàn thế giới. Phong trào lên như điều gặp gió, đến ngày 13-5, Tân-dương lại có 1 đám biểu tình vừa gặp được lúc tàu của Esquivilon (chánh tham biện Sa-đéc) tới, quần chúng kéo tàu nó lại không cho nó về Sa-đéc, bắt nó phải giải quyết yêu sách rồi mới được về.

Vả lại, trong những ngày đầu tháng 5, các báo khắp ba kỳ đều có đăng tường thuật những tin về các cuộc biểu tình 1-5 ở Thái-bình và ở Bến-thủy — Vinh (Nghệ-an), cuộc nào cũng bị khủng bố đồ máu cả làm cho chúng tôi càng thấy rõ hoàn cảnh ở Nam có khác ở

Trung và ở Bắc nên địch đối phó với các cuộc đấu tranh ở Nam cũng khác với các cuộc đấu tranh ở Trung và ở Bắc — Đó là một chỗ yếu của địch ta phải biết lợi dụng và khai thác.

IV — Địch quyền lãnh đạo là địch quyền hy sinh

Cái chết của đồng chí Châu-văn-Liêm

Phong trào đang lên!... Địch bề ngoài giả đo nhượng bộ, ra lệnh đình thuế, nhưng bên trong thì cuống cuống lo trấn áp phong trào bằng đủ mọi cách. Bọn cô linh kin, tham biện, thống đốc, toàn quyền, đích thân kéo đến các nơi đã xảy ra biểu tình, như Cao-lãnh, Chợ Mới, Vĩnh-long, Cần-thơ..., để tỏ ra rằng chúng hầy còn uy thế. Mặt khác chúng ra sức truy tầm bắt bớ ngầm, bắt nguội (1), cố làm thế nào tách được những người lãnh đạo ra khỏi quần chúng vì chúng biết rằng hễ bắt hết được người lãnh đạo thì sẽ dập tắt được phong trào.

Về phần mình, chúng tôi cũng đã sẵn sàng đối phó với khủng bố như bố trí cho những đồng chí hay quần chúng bị lộ tạm lánh sang ở một làng lân cận để tránh bị bắt nguội, một mặt bố trí những cốt cán mới thay thế cho những người bị lộ, ở những nơi đã bị khủng bố bắt bớ thì vận động tranh đấu chống khủng bố bắt bớ, vận động vợ con họ hàng những người bị bắt ra tham gia biểu tình đòi thả chồng, thả cha của họ ra; những nơi chưa biểu tình thì cố kéo biểu tình hưởng ứng các nơi đã biểu tình và chống khủng bố đòi thả những người bị bắt.

Tuy rằng ở Nam-kỳ chưa có cuộc biểu tình nào bị địch bắn giết nhưng những tấm gương biểu tình ở Bến-thủy và ở Thái-bình đã bị bắn chết và bị thương hàng chục, làm cho chúng tôi thấy trước là hễ phong trào lên cao và lan rộng thì rồi thế nào bọn địch cũng phải dùng khủng bố bắn giết để đàn áp. Quả đúng như vậy, phong trào đã lan rộng và lên cao mãi thì đến cuối tháng 5 bọn địch vứt bỏ bộ mặt giả nhân giả nghĩa, đã khủng bố bắn chết một số người biểu tình ở Chợ Mới Long-xuyên. Cuộc biểu tình này có trên 1.000 người đã bị tên Na-đô (Nadaud), xếp linh kin ở Sài-gòn đưa linh xuống đàn áp.

Bắt đầu từ đây, những đồng chí phụ trách các địa phương phải trực tiếp tham gia và lãnh đạo sát các cuộc biểu tình để đối phó với sự khủng bố của địch, nghĩa là phải nắm vững địch biểu tình và tùy thời mà tiến lên hoặc rút lui hay giải tán để tránh bớt sự hy sinh cho quần chúng.

Do bị khủng bố nên quần chúng ở Chợ Mới Long-xuyên cũng có mỗi dao động, vì vậy các nơi khác phải cố gắng gấp bội, kéo quần chúng ra tranh đấu ủng hộ nhân dân miền Tây và để hạn chế bớt khủng bố của địch.

Đồng chí Việt, tức Châu-văn-Liêm, đến phụ trách vùng Chợ Lớn — Tân-an — Gia-định đã được vài tháng rồi mà chưa kéo được cuộc biểu tình nào, gặp lúc này đồng chí còn cố hết sức phát động quần chúng ở vùng này để trả lời những sự đàn áp dã man của địch.

Lúc này các báo phản động ở Sài-gòn đã nhao nhao đòi dùng máy bay để đàn áp biểu tình và nhắc lại những kinh nghiệm say máu của chúng ở Cồ-am, ở Vĩnh-bảo để đối phó với cuộc khởi nghĩa Yên-bái, chúng hết sức ca ngợi việc đưa máy bay đi do thám, bắn phá và thả bom; tên trùm thực dân Pi-ét-tơ-ri (Piétri), thượng thư thuộc địa ở Pa-ri đã dự định đi kinh lý Đông-dương trong dịp nghỉ hè và tên thống đốc Nam-kỳ Cờ-rô-tê-me (Krauthemer) ra bố cáo dân khắp nơi đại ý giải thích là: « Thuế năm 1930 so với năm 1929 nhẹ « hơn nhiều, tính theo giá lúa chỉ còn bằng « phần nửa năm 1929 thôi, ba phần tư dân đi « biểu tình là những người đã đóng thuế thân « xong rồi. Các sắc thuế không có gì tăng mà « chỉ có giảm. Rõ ràng là dân chúng đã nhẹ dạ « tin nghe bọn phiến loạn ở các xứ khác đến « Nam-kỳ khuấy rối. Bọn khuấy rối toan đưa « dân chúng đến chỗ bị trừng phạt nghiêm « khắc, còn chúng thì hèn nhát đã trốn chui « trốn nhủi hết trước sự truy nã của cảnh sát. « Nhất định chúng sẽ được trừng trị xứng « đáng, ai mà chưa chấp bọn phiến loạn sẽ bị « nghiêm trị ». Đó là lời bố cáo cho các xã thôn để niêm yết và tuân thủ.

Trái lại, ta không hề chịu lùi bước trước những sự đe dọa của bọn thống trị. Đòi khẩu hiệu đình thuế thân ra khẩu hiệu: « giảm thuế thân một đồng » và thêm vào các khẩu hiệu chống khủng bố đòi thả những người đi biểu tình bị bắt và kèm thêm nhiều khẩu hiệu địa phương nữa để cổ động và kéo quần chúng ra biểu tình.

Vào cuối tháng 5 đầu tháng 6, ở Hậu-giang lại nổ ra những cuộc biểu tình ở Ô-môn ở Chợ Mới và ở Vĩnh-long, còn ở vùng Gia-định Chợ Lớn thì bắt đầu những cuộc biểu tình sôi nổi ở Hóc-môn, Bà Hóm, Quán-tre mà lớn nhất là cuộc biểu tình vào chiều tối 4-6 ở tại quận Đức-hòa, cuộc biểu tình này do đồng chí Châu-văn-Liêm trực tiếp lãnh đạo.

(1) Bắt nguội là không bắt trong lúc đương biểu tình mà chỉ theo rồi chực về nhà bắt.

Sáng ngày 4 tháng 6, nhân dân đã tập trung ở các xã chung quanh quận Đức-hòa để rồi kéo về quận làm biểu tình. Tên quận Sành hay được tin này lập tức phi báo cho tỉnh để đưa cò lính lên đàn áp. Độ 4, 5 giờ chiều thì trên 4 ngã đường từ các nơi kéo về quận đã đen ngịt những người là người. Thấy dễ phân tán ra nhiều nhóm không lợi nên đồng chí Châu-văn-Liêm đã cho lệnh ba ngã đường kia đều tập trung vào ngã Đức-hòa đi Hốc-môn, do đồng chí Liêm dẫn đầu. Địch cũng tập trung qua ngã này và đưa một đội lính ra làm hàng rào để chặn đường không cho cuộc biểu tình tràn vào quận. Ta và địch chạm trán với nhau ở tại ngã đường này. Đồng chí Liêm lãnh đạo ban chỉ huy biểu tình đưa yêu sách cho quận Sành và tên cò Đờ-rơ (Drenil) ở Chợ Lớn phải đến. Tên quận không chịu giải quyết yêu sách và bảo cấp trên mới có quyền giảm thuế bãi thuế và quyền thả những người bị bắt ở các nơi v.v... Bên biểu tình đòi quận phải nhận yêu sách và quyết không giải tán nếu quận không giải quyết. Hai bên giằng co với nhau mãi cho đến tối mò. Tên cò Đờ-rơ thấy trời tối sợ biểu tình sẽ có những hành động nguy

hiểm nên hắn liền ra lệnh cho lính bắn một loạt chỉ thiên rồi bắn xả vào đám biểu tình. Đồng chí Liêm vẫn bình tĩnh hô khẩu hiệu và xông tới, nhưng tên Ký Gia, một nhân viên thư ký của quận, con một địa chủ cường hào gian ác ở tại Đức-hòa vốn sẵn căm thù với nông dân trong vùng, bèn nhân lúc mọi người đương trong tình trạng hỗn loạn, đã giựt súng của một tên lính ở quận và nhắm ngay vào đồng chí Liêm mà bóp cò. Đồng chí Liêm ngã gục ở bên đường và cuộc biểu tình phải giải tán. Cũng trong những ngày này, đồng chí Ngô-gia-Tự, bí thư Lâm thời chấp ủy, cũng bị địch bắt tại một cơ quan bí mật ở Chợ Lớn. Đồng chí Ngô-gia-Tự về sau bị kết án chung thân khổ sai, bị đày đi Côn-lôn, đã tổ chức vượt ngục rồi biệt tin luôn.

Đồng chí Liêm hy sinh và đồng chí Tự bị bắt đã làm cho anh em vô cùng đau xót, càng đau xót anh em lại càng hăng hái tiến lên tranh đấu không sợ hy sinh. Nhờ ở sự hy sinh anh dũng của đảng viên, mà Đảng ta từ những ngày đầu tiên đã thu phục lòng tin tưởng vô hạn của quần chúng

Tháng 7-1964

VÀI NÉT SƠ BỘ NHẬN ĐỊNH...

(Tiếp theo trang 54)

đón Hồ-ông, nói giả đồ là cháu ba đời Trần Nghệ-tông, cho đổi tên là Trần Cao rồi lập làm Trần chúa, Tự-đức lại mĩa mai mà phê một cách chua chát: «Đã tự nhận là trượng phu, cần gì phải làm việc giả dối này!» (Cương mục Chính biên) XIII, 34 a — b). Như vậy, có lẽ người phê không biết tý gì về quân sự, ngoại giao và chính trị!

Nói tóm lại, nếu chúng ta còn đi sâu vào *Cương mục* hơn nữa, chẳng hạn nói thêm về những khía cạnh như *Cương mục* chỉ tha thiết vào những việc của các vua chúa lấy bao nhiêu vợ, sinh bao nhiêu con, nghi thức cúng tế giao miếu, lễ văn lập hoàng hậu hoặc tôn miếu hiệu..., mà không chú trọng đến những sinh hoạt nhân dân, sinh hoạt xã hội và những vấn đề quốc kế dân sinh, những cuộc tiến hóa chung của một dân tộc, một xã hội thì còn có nhiều vấn đề cần phải đặt ra nữa. Thế nhưng thôi, đây chỉ là một vài thí dụ để chúng ta sơ bộ nhận định và đánh giá *Cương mục* cho đúng mức.

Dẫu vậy, *Cương mục* viết sau các bộ *Cựu sử*, như trên đã nói, nó đã có những điểm tiến bộ một phần nào, chúng ta không nên vì những khuyết điểm mà quên những ưu điểm của nó.

Ngày 28-7-1964

TẠP CHÍ

NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

Số 68

Tháng 11 - 1964

Gồm những bài :

— CÔNG TÁC SỬ HỌC TRONG HỘI NGHỊ THẢO LUẬN KHOA HỌC BẮC KINH VỪA QUA.

Trần Huy Liệu

— VÀI Ý KIẾN VỀ « THIÊN NAM DU HẠ TẬP », MỘT BỘ SÁCH ĐIỀN LỆ TRIỀU LÊ.

Trần Văn Giáp

— VÀI Ý KIẾN GÓP VÀO TÁC PHẨM « GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT-NAM » CỦA ÔNG TRẦN-VĂN-GIAU.

Lê Sĩ Toàn

Và một số bài mục khác :

目 錄

現代史上的越南與中國	陳輝燎	1
論越南南方統治集團內部的矛盾的發展	阮公平	2
越南南方書報上的潘佩珠	章收	10
君治主義與民治主義	潘朱楨	21
論潘朱楨的改良主義	蘇明忠	29
再論第十三世紀反對蒙古軍的抗戰的勝利原因	文新	39
關於“越史通鑑綱目”的初步評價	花朋	46
關於巴齋運動的幾點	黎洪	55
關於我黨誕生以后南圻斗爭運動的組織和發動的一些資料	義	58

СОДЕРЖАНИЕ

ЧАН-ХЬЮ-ЛЬЕУ — Вьетнам и Китай в новейшей истории.	1
НГУЕН-КОНГ-БИНЬ — О развитии противоречий среди господствующей клики в Южном Вьетнаме.	2
ЧЫОНГ-ТХАУ — Фан-бой-Чау на современной литературе на Юге Вьетнама.	10
ФАН-ЧУ-ЧИНЬ — О монархизме и демократизме.	21
ТО-МИНЬ-ЧУНГ — О реформизме Фан-Чу-Чиня.	29
ВАН-ТАН — Еще раз о причине победы сопротивления против монгольских захватчиков в XIII в.	39
ХОА-БАНГ — Некоторые первоначальные замечания о «Вьет шы тхонг зям кьонг муьк».	46
ЛЕ-ХОНГ — Некоторые черты движения Ба-Чая.	55
НГИА — Дополнительные данные об организации и подъеме движения борьбы в Нам-ки (южной части Вьетнама) после создания нашей единственной компартии.	58

SOMMAIRE

TRẦN-HUY-LIỆU — Le Vietnam et la Chine dans l'histoire contemporaine.	1
NGUYỄN-CÔNG-BÌNH — A propos du développement des contradictions à l'intérieur du groupe gouvernant au Sud — Vietnam.	2
CHƯƠNG-THẦU — Phan bội Châu à travers la presse et la littérature du Sud-Vietnam.	10
PHAN-CHU-TRINH — Monarchie et démocratie.	21
TÔ-MINH-TRUNG — A propos du réformisme de Phan chu Trinh	29
VĂN-TÂN — Les origines de la victoire sur les Mongols au XIII ^e s.	39
HOA-BẰNG — Remarques préliminaires sur le « Việt sử thông giám cương mục ».	46
LÊ-HỒNG — Notes sur le soulèvement de Bả Cháy.	55
NGHĨA — De nouveaux documents relatifs à l'organisation et au lancement du mouvement de lutte au Nam-kỳ au lendemain de la fondation du parti unifié.	58

Các bạn đón đọc :

★ **LỊCH SỬ CÁCH MẠNG NGÀ** (tập I và II)

biên soạn dưới sự chỉ đạo của XTALIN

★ **ĐẤT NƯỚC VIỆT - NAM QUA CÁC ĐỜI**

của ĐÀO - DUY - ANH

★ **ĐẠI NAM THỰC LỰC** (Tập IX)

★ **TÌM DẤU VẾT NGƯỜI XUA**

của LÊ - VĂN - LAN

★ **MẤY VẤN ĐỀ VỀ CUỘC ĐỜI VÀ THƠ VĂN
NGUYỄN - ĐÌNH - CHIỀU**

của Viện Văn học sưu tầm

★ **TẢN ĐÀ - KHỐI MÂU THUẤN LỚN**

của TÂM-DƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC

58 Phố Ngõ Quyền, Hà-nội
